



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN
DỰ ÁN QIPEDC**



NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

**TÀI LIỆU
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
DẠY HỌC SINH KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU HỌC
THÔNG QUA NGÔN NGỮ KÍ HIỆU**

HÀ NỘI - 2020

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu bồi dưỡng giáo viên dạy học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội biên soạn theo kế hoạch hoạt động của dự án “Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu” (QIPEDC) được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Dự án do Quỹ hợp tác toàn cầu tài trợ thông qua Ngân hàng thế giới nhằm tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục của học sinh khiếm thính cấp tiểu học tại Việt Nam. Tài liệu này phục vụ hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên dạy học sinh khiếm thính cấp tiểu học tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt và hòa nhập của các tỉnh, thành phố tham gia dự án.

Nội dung tài liệu bao gồm 8 chủ đề:

- 1) Đặc điểm năng lực học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- 2) Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam - sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính.
- 3) Kỹ năng sư phạm của giáo viên tiểu học dạy học sinh khiếm thính
- 4) Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- 5) Phương pháp dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- 6) Đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- 7) Kỹ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính hoà nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại học sinh.
- 8) Kỹ năng tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho các cơ sở giáo dục học sinh khiếm thính tại địa phương.

Các nội dung trong tài liệu bồi dưỡng sẽ được tập huấn theo 3 bước: 1) Tập huấn online với các kiến thức lí thuyết và một số kỹ năng cơ bản; 2) Tập huấn trực tiếp với trọng tâm là thực hành và trao đổi theo chiều sâu về các chủ đề; 3) Hỗ trợ trực tiếp giáo viên dạy học sinh khiếm thính cấp tiểu học tại các cơ sở giáo dục (bồi dưỡng thực địa).

Tài liệu được biên soạn, thực nghiệm và sẽ tiếp tục hoàn thiện cho mục tiêu nhân rộng sau khi Dự án kết thúc. Trong quá trình tập huấn và triển khai thực nghiệm tại các cơ sở giáo dục có học sinh tham gia dự án, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội rất mong nhận được sự hợp tác và đóng góp ý kiến của quý thầy/cô giáo, các cán bộ quản lý giáo dục để tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học cho học sinh khiếm thính, giúp các em có thêm cơ hội tiếp cận nền giáo dục bình đẳng, thân thiện.

Xin trân trọng cảm ơn !

MỤC LỤC

	Trang
Giới thiệu	2
<i>Chủ đề 1.</i> Đặc điểm năng lực học sinh khiếm thính cấp tiểu học	4
<i>Chủ đề 2.</i> Ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam - sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính	16
<i>Chủ đề 3.</i> Kỹ năng sư phạm của giáo viên tiểu học dạy học sinh khiếm thính	40
<i>Chủ đề 4.</i> Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu	63
<i>Chủ đề 5.</i> Phương pháp dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu	88
<i>Chủ đề 6.</i> Đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học	111
<i>Chủ đề 7.</i> Kỹ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính hoà nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại học sinh	126
<i>Chủ đề 8.</i> Kỹ năng tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho các cơ sở giáo dục học sinh khiếm thính tại địa phương.	144

Chủ đề 1. ĐẶC ĐIỂM NĂNG LỰC HỌC SINH KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU HỌC

(5 tiết lí thuyết, 5 tiết thực hành, 5 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Mô tả được những đặc điểm cơ bản về nhận thức, giao tiếp và năng lực học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Vận dụng những kiến thức về đặc điểm nhận thức, giao tiếp và năng lực học tập của học sinh khiếm thính trong điều chỉnh mục tiêu và yêu cầu cần đạt của bài học, thiết kế các hoạt động dạy học và hỗ trợ cho phù hợp với các đặc điểm của học sinh khiếm thính.

2. Phẩm chất

Có thái độ trân trọng khả năng và giá trị của học sinh khiếm thính; tích cực, chủ động tìm hiểu, áp dụng kiến thức, kỹ năng học được vào thực tiễn.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Đặc điểm nhận thức của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 1: Nhận biết học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên trình bày được khái niệm học sinh khiếm thính, phân biệt được các mức độ mất thính lực

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về khái niệm học sinh khiếm thính, các mức độ mất thính lực
- Phản hồi của học viên về khái niệm học sinh khiếm thính, phân biệt được các mức độ mất thính lực

c) Thông tin cơ bản:

Khái niệm học sinh khiếm thính

- **Học sinh khiếm thính** là những trẻ bị suy giảm sức nghe ở các mức độ khác nhau dẫn đến khó khăn trong giao tiếp và ảnh hưởng đến quá trình nhận thức của trẻ [1].

Trong Dự án này, khiếm thính gồm điếc và nghe kém. Điếc là tình trạng có khiếm khuyết về thính giác dẫn đến không thể nghe hiểu lời nói ở khoảng cách và cường độ âm thanh bình thường cho dù có dùng hay không dùng thiết bị trợ thính. Nghe kém cũng được dùng để chỉ người điếc nhưng vẫn còn khả năng học ngôn ngữ nói. Cả học sinh điếc và nghe kém đều có thể chọn sử dụng ngôn ngữ kí hiệu hoặc cả kí hiệu và lời nói để giao tiếp và học tập [3].

Lưu ý: Có bốn mức độ mất thính lực, được chia ra như sau [4]:

- + Mức độ nhẹ 21dB đến 40dB: có khó khăn trong việc hiểu ngôn ngữ nói ở một số trường hợp nhất định.
- + Mức độ trung bình 41dB đến 70dB: có khó khăn hơn trong việc hiểu ngôn ngữ nói, đặc biệt là trong trường hợp có tiếng ồn xung quanh.
- + Mức độ nặng 71dB đến 90dB: không có máy trợ thính trẻ không có khả năng hiểu ngôn ngữ nói.
- + Mức độ rất nặng > 90dB: khi có máy trợ thính trẻ chỉ hiểu được phần nào lời nói.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm cảm giác, tri giác của học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên mô tả được những đặc điểm về cảm giác, tri giác của học sinh khiếm thính
- Học viên hiểu rõ được ảnh hưởng của những đặc điểm này đến sự phát triển tư duy, ngôn ngữ và giao tiếp của học sinh khiếm thính

b) Cách thức tiến hành:

- Hoạt động thực hành trải nghiệm “Làm người khiếm thính”
- Phản hồi của học viên về các đặc điểm về cảm giác, tri giác của người khiếm thính

c) Thông tin cơ bản:

Đặc điểm cảm giác, tri giác của học sinh khiếm thính

Cảm giác và tri giác thị giác

- Cảm giác, tri giác thị giác đóng vai trò quan trọng giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh và đặc biệt quan trọng trong việc tiếp nhận và lĩnh hội ngôn ngữ. Nhiều nghiên cứu chứng tỏ cảm giác, tri giác thị giác/nhìn ở trẻ khiếm thính không thua kém trẻ nghe [6].
- Học sinh khiếm thính có khả năng tiếp nhận cấu tạo âm, cách phát âm và hình tượng chữ viết nhờ tri giác thị giác. Đó là điều kiện quan trọng để hình thành ngôn ngữ ở học sinh khiếm thính.
- Học sinh khiếm thính có thể phân biệt một cách tinh tế các màu sắc gần giống nhau, nhanh chóng nhận ra từng chi tiết trên đối tượng trẻ được tiếp xúc [6].
- Tri giác phân tích ở học sinh khiếm thính thường nổi trội hơn tri giác tổng hợp [6].

Cảm giác và tri giác thính giác

- Học sinh khiếm thính không bị mất cảm giác thính giác hoàn toàn, ngay cả ở trẻ điếc sâu vẫn còn lại một phần thính lực và khả năng nghe còn lại đáng kể. Theo N.M Lagopxki, nếu được luyện tập, cảm giác nghe còn lại này có thể được tăng cường [6].

Cảm giác, tri giác vận động

- Vai trò của cảm giác, tri giác vận động và xúc giác tăng lên khi có sự tổn thương ở cơ quan thị giác và thính giác.

- + Cảm giác vận động có thể là phương thức duy nhất giúp trẻ khiếm thính tự kiểm tra sự phát âm dựa trên cảm giác rung nhận được từ bộ máy phát âm;
- + Cảm giác vận động là cơ sở hình thành ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ và đọc hình miệng.

- Việc mất hay hạn chế về thính lực ảnh hưởng đến sự phối hợp của cơ thể do bộ máy tiền đình và điểm cuối dây thần kinh của cơ quan vận động bị tổn thương. Do vậy, học sinh khiếm thính thường rất khó khăn với những kỹ năng lao động đòi hỏi sự phối hợp tinh tế và thăng bằng của các động tác [6].

Cảm giác xúc giác - rung

- Trong các loại cảm giác xúc giác thì cảm giác xúc giác-rung thể hiện khá đặc thù và độc đáo. Cảm giác xúc giác-rung là phương thức quan trọng giúp trẻ khiếm thính tiếp nhận ngôn ngữ nói nếu được tận dụng trong quá trình giáo dục trẻ ngay từ nhỏ [6].

Như vậy, cảm giác tri giác thị giác, vận động và xúc giác - rung là các phương tiện quan trọng giúp học sinh khiếm thính nhận thức thế giới xung quanh. Việc tận dụng triệt để các cảm giác, tri giác này trong quá trình hình thành và phát triển các kỹ năng đặc thù cho học sinh khiếm thính như đọc hình miệng, phát triển giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu... là nhu cầu của học sinh khiếm thính, đồng thời, là nhiệm vụ không thể thiếu của các nhà giáo dục.

Hoạt động 3: Nghiên cứu về đặc điểm tư duy, tưởng tượng của học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên mô tả được những đặc điểm về tư duy, tưởng tượng của học sinh khiếm thính
- Học viên hiểu rõ được ảnh hưởng của những đặc điểm này đến hoạt động học tập và giao tiếp của học sinh khiếm thính

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về đặc điểm tư duy và tưởng tượng của học sinh khiếm thính
- Phản hồi của học viên về câu hỏi “Những đặc điểm về tư duy và tưởng tượng nêu trên ảnh hưởng đến học tập và giao tiếp của học sinh khiếm thính như thế nào?”

c) Thông tin cơ bản:

Đặc điểm tư duy, tưởng tượng ở học sinh khiếm thính

Đặc điểm các dạng tư duy của học sinh khiếm thính [6]

- *Tư duy trực quan hành động*: Chiếm ưu thế trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tế của học sinh khiếm thính do sự tham gia của ngôn ngữ vào dạng tư duy này là rất ít. Tư duy trực quan hành động của học sinh khiếm thính có liên hệ trực tiếp với hoạt động và tri giác.

- *Tư duy trực quan hình tượng/hình ảnh*: Được đặc trưng ở chỗ nó phụ thuộc vào tri giác. Ở học sinh khiếm thính, trước thời gian tiếp nhận ngôn ngữ và trong quá trình thu nhận ngôn ngữ có một thời gian dài tư duy dừng lại ở mức độ tư duy trực quan - hình tượng. Sự diễn đạt bằng hình tượng được học sinh khiếm thính tri giác sự vật theo nghĩa đen, gây khó khăn cho việc đi sâu vào ý nghĩa khái niệm và cho việc nhận thức ý nghĩa khái quát của sự vật hiện tượng đó.

- *Tư duy trừu tượng*: Đặc trưng ở chỗ nó diễn ra trong những khái niệm trừu tượng, nó phản ánh những nét chung nhất, bản chất nhất của sự vật, hiện tượng. Sự khiếm khuyết về ngôn ngữ và việc tiếp nhận ngôn ngữ muộn cũng có ảnh hưởng đáng kể đến sự hình thành các khái niệm và do đó ảnh hưởng đến tư duy trừu tượng.

Đặc điểm các thao tác tư duy của học sinh khiếm thính [6]

- *Phân tích- tổng hợp*: Hạn chế trong thao tác phân tích - tổng hợp ở học sinh khiếm thính do sự phát triển không hoàn thiện của ngôn ngữ.

- *So sánh*: Thường ít nhận ra cái chung, cái giống nhau trong các vật thể mà chú ý nhiều hơn đến nét riêng, nét khác nhau của các vật đem ra so sánh.

- *Trừu tượng hóa và khái quát hóa*: Có sự hạn chế trong thao tác trừu tượng hoá, khái quát hoá do sự hạn chế trong thao tác phân tích - tổng hợp – so sánh, sự nghèo nàn về vốn từ và sự khó khăn trong việc tiếp thu ngôn ngữ.

Đặc điểm tưởng tượng tái tạo của học sinh khiếm thính

- Hạn chế trong sự phát triển ngôn ngữ và tư duy trừu tượng gây khó khăn cho việc hình dung ra những điều học sinh khiếm thính chưa được tri giác. Trẻ khó có biểu tượng về những sự kiện lịch sử, địa lý ... làm nguồn tư liệu giúp cho việc xây dựng những biểu tượng mới dẫn đến tưởng tượng tái tạo khó hình thành hoặc hình thành ở mức độ nghèo nàn. Tuy nhiên, tưởng tượng tái tạo chiếm vị trí quan trọng trong hoạt động nhận thức của học sinh khiếm thính [2].

Đặc điểm tưởng tượng sáng tạo ở học sinh khiếm thính [2]

- Tưởng tượng sáng tạo của học sinh khiếm thính khó hình thành do hạn chế về giao tiếp và ngôn ngữ. Trẻ khó có được lượng thông tin cũng như vốn kinh nghiệm sống, những thủ thuật và cách thức tạo ra những biểu tượng chưa có trong thực tế.

- Mặc dù hình tượng thị giác của trẻ điếc đạt mức độ cao và sống động, nhưng sự hình thành tư duy trừu tượng của trẻ quá chậm làm cho trẻ khó thoát ra khỏi những ý nghĩa cụ thể của từ, điều đó làm khó khăn cho sự hình thành hình thành hình tượng mới.

Việc giáo dục học sinh khiếm thính để hình thành tư duy bậc cao đòi hỏi và tưởng tượng đòi hỏi thời gian tương đối dài, sự chuẩn bị kiên trì và công phu do những thiếu hụt về ngôn ngữ và giao tiếp. Phát triển ngôn ngữ kí hiệu và các hình thức giao tiếp đặc thù của học sinh khiếm thính (giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu, giao tiếp tổng hợp, giao tiếp bằng “song ngữ”) chính là góp phần hình thành, phát triển tư duy và tưởng tượng. Vì vậy, trong gia đình và trường học rất cần tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khiếm thính được học ngôn ngữ kí hiệu từ sớm.

2. Đặc điểm giao tiếp của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 4: Phân tích đặc trưng các phương tiện, hình thức giao tiếp của học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên mô tả được các phương tiện giao tiếp của học sinh khiếm thính
- học viên phân biệt được những đặc trưng về hình thức giao tiếp của học sinh khiếm thính.
- Học viên áp dụng được những đặc điểm này vào hoạt động giao tiếp và giáo dục học sinh khiếm thính

b) Cách thức tiến hành:

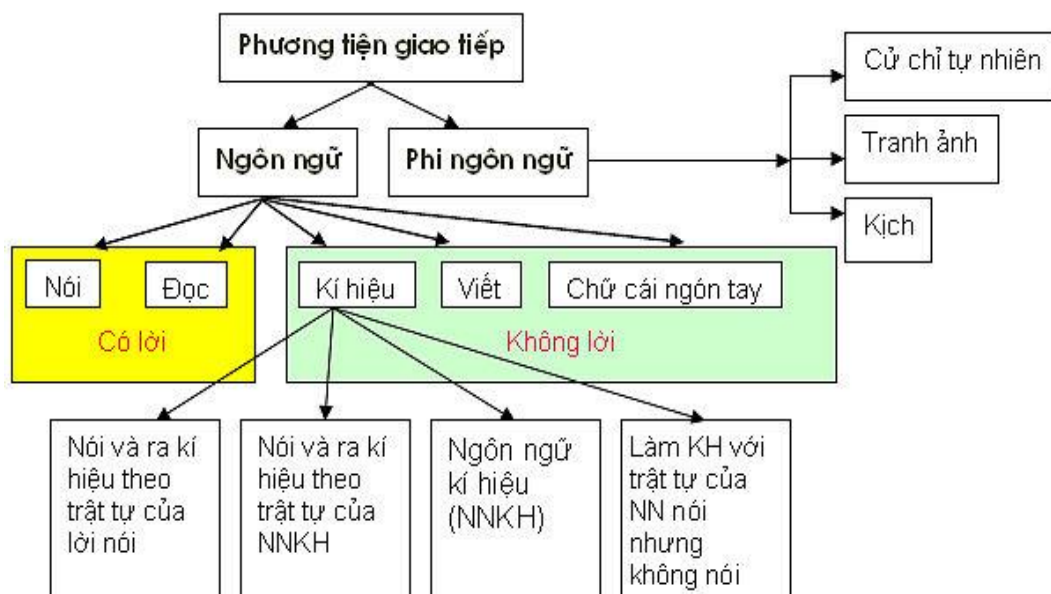
- Thuyết trình về các phương tiện giao tiếp của học sinh khiếm thính.
- Xem video về các phương tiện và hình thức giao tiếp mà học sinh khiếm thính
- Thảo luận nhóm

c) Thông tin cơ bản:

Đặc điểm về giao tiếp của học sinh khiếm thính

Các phương tiện và hình thức giao tiếp của học sinh khiếm thính [1], [4]

Phụ thuộc vào việc sử dụng các phương tiện giao tiếp nào là chủ yếu sẽ phân chia ra các hình thức giao tiếp khác nhau ở học sinh khiếm thính. Thông thường có các hình thức giao tiếp sau [1], [4]:



- **Giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu:** Là hình thức giao tiếp đặc thù của người Điếc. Học sinh khiếm thính sử dụng để giao tiếp với nhau, phát triển các cuộc hội thoại, học tập và tiếp cận các thông tin một cách dễ dàng trong cộng đồng người khiếm thính. Ngôn ngữ kí hiệu được sử dụng tập trung nhiều vào kỹ năng quan sát bằng mắt vì vậy nó dễ dàng chia sẻ cho học sinh khiếm thính, người điếc, người nghe sử dụng ngôn ngữ kí hiệu.
- **Giao tiếp bằng lời:** Là hình thức giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói là chủ yếu để giao tiếp. Phần lớn được khuyến khích với những trẻ điếc nhẹ, những trẻ khiếm thính được can thiệp và sử dụng các phương tiện trợ thính từ sớm.
- **Giao tiếp tổng hợp:** Là hình thức giao tiếp của học sinh khiếm thính khi các em dùng nhiều loại hình ngôn ngữ, phương tiện khác nhau để thực hiện giao tiếp như: ngôn ngữ nói, kí hiệu, chữ cái ngón tay, ngôn ngữ viết, hình vẽ...
- **Giao tiếp bằng “song ngữ”:** Là việc sử dụng hai ngôn ngữ trong giao tiếp bao gồm ngôn ngữ kí hiệu và ngôn ngữ lời nói. Ngôn ngữ kí hiệu được coi là bản ngữ của nhiều học sinh khiếm thính; và các em này học ngôn ngữ nói như là ngôn ngữ thứ hai.

Hoạt động 5: Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm về giao tiếp của học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm về giao tiếp của học sinh khiếm thính
- Học viên có thể áp dụng các kiến thức này trong giao tiếp và giáo dục học sinh khiếm thính

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về mục tiêu cần xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm về giao tiếp của học sinh khiếm thính
- Thảo luận nhóm về các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm về giao tiếp của học sinh khiếm thính

c) Thông tin cơ bản:

Các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm về giao tiếp của học sinh khiếm thính [6]

- *Mức độ mất thính lực của trẻ*

- + Trẻ bị mất thính lực mức độ nhẹ có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ gần giống như trẻ nghe bình thường
- + Trẻ bị mất thính lực ở mức độ vừa vẫn có khả năng sử dụng ngôn ngữ nói để giao tiếp, tuy nhiên chất lượng tiếng nói bị hạn chế.
- + Đối với trẻ mất thính lực ở mức độ nặng và sâu, khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói của trẻ rất hạn chế, trẻ thường dùng ngôn ngữ kí hiệu, chữ cái ngón tay và đọc hình miệng làm phương tiện giao tiếp chính.

- *Thời điểm trẻ bắt đầu bị khiếm thính*

Học sinh khiếm thính bị mất thính lực sau khi có ngôn ngữ sẽ có cơ hội sử dụng ngôn ngữ lời nói trong giao tiếp nhiều hơn trẻ bị mất thính lực trước khi có ngôn ngữ do trẻ đã có những kĩ năng học và nói bằng lời. Tuy nhiên, trẻ mất thính lực trước khi có ngôn ngữ lại có những ưu thế trong việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ do những dạng ngôn ngữ này được hình thành một cách tự nhiên trong quá trình lớn lên của trẻ.

- *Thời điểm phát hiện và can thiệp sớm*

Những học sinh khiếm thính được phát hiện sớm và can thiệp sớm trước 3 tuổi, mặc dù mức độ mất thính lực nặng nhưng cũng có thể có sự phát triển về nhận thức, ngôn ngữ và giao tiếp như những trẻ cùng lứa tuổi. Thời điểm phát hiện, can thiệp càng muộn ảnh hưởng nhiều đến các mặt phát triển mà đặc biệt ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ.

- *Sở thích của trẻ, nguyện vọng và khả năng của gia đình*

Đôi khi đặc điểm về giao tiếp phụ thuộc vào sở thích của học sinh khiếm thính cũng như nguyện vọng và khả năng tài chính của gia đình. Để theo phương pháp nghe nói thì cần đến nỗ lực dài lâu của gia đình trẻ trong việc cung cấp các phương tiện trợ thính và các hoạt động can thiệp. Tuy nhiên có một số gia đình và học sinh khiếm thính có niềm tự hào mình là người khiếm thính nên việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu được ưu tiên.

- Khả năng của các dịch vụ phục vụ cho giáo dục học sinh khiếm thính

Việc lựa chọn hình thức giao tiếp phụ thuộc vào khả năng cung cấp các dịch vụ phục vụ cho giáo dục học sinh khiếm thính. Các vùng xa trung tâm có thể gây khó khăn cho việc trẻ và gia đình theo phương pháp nghe nói do đòi hỏi của hình thức giao tiếp này cần đến sự hỗ trợ của các phương tiện trợ thính, các dịch vụ can thiệp và trị liệu ngôn ngữ.

3. Đặc điểm năng lực học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 6: Thực hành tìm ra điểm mạnh trong học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua nghiên cứu trường hợp

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên mô tả được những điểm mạnh của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học thông qua 02 nghiên cứu điển hình
- Học viên khái quát điểm mạnh trong năng lực học tập của học sinh khiếm thính, chỉ ra hướng tận dụng các điểm mạnh đó trong hoạt động giáo dục học sinh khiếm thính

b) Cách thức tiến hành:

- Thảo luận nhóm: Nghiên cứu 02 trường hợp điển hình và thực hành tìm ra điểm mạnh trong năng lực học tập của hai em học sinh.

Phiếu thực hành 1.1: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH 1

Nguyễn Thị N là học sinh lớp 5 tại một trường Tiểu học hoà nhập, bị khiếm thính mức độ vừa, em đeo máy trợ thính được 6 năm. Sức khỏe của N tốt, em biết tự phục vụ tốt, chủ động giúp đỡ bố mẹ việc nhà như nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa và trông em. N không nói rõ từ, em giao tiếp với các thầy cô và bạn cả bằng kí hiệu, cử chỉ lẫn lời nói. Các bài toán đơn giản, không có lời văn N đều làm được khá dễ dàng. Em gặp nhiều khó khăn với các bài toán có lời văn nên các thầy cô thường sử dụng bài mẫu, sơ đồ và vẽ hình để em hiểu. Em có thể đọc hiểu các bài tập đọc đơn giản, gắn liền với hoạt động hàng ngày. Các bài tập làm văn của em thường ngắn gọn, các tình tiết đơn giản, không có các từ ngữ miêu tả âm thanh hay cảm xúc. Em đặc biệt khó khăn với những dạng bài văn miêu tả cảnh vật em chưa từng đến. N vui vẻ, hoà đồng và rất thích đi học. N khá khéo tay, em có thể đan khăn, khâu quần áo. N rất thích vẽ tranh, đặc biệt là vẽ các nhân vật hoạt hình trong truyện hoặc tivi.

Phiếu thực hành 1.2: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH 2

Lê Văn M là học sinh lớp 3 trường chuyên biệt, bị khiếm thính mức độ nặng, em đeo máy trợ thính được 3 năm nhưng tai thường xuyên phải tháo ra để điều trị viêm tai. M

chủ yếu giao tiếp bằng kí hiệu, cử chỉ. M gặp nhiều khó khăn trong học tập. Môn Toán em chủ yếu giải các phép toán số học đơn giản trong phạm vi 100 và đôi khi nhầm lẫn ở phép toán có nhớ. Tuy nhiên, M sử dụng tiền khá thành thạo, thường giúp mẹ đi chợ và mua các đồ vật ở tiệm tạp hoá. M cũng khó khăn trong việc đọc hiểu, chỉ có thể trả lời bằng kí hiệu những bài hội thoại liên quan đến các sự kiện trong cuộc sống hàng ngày. M có thể hoàn thành các bài tập làm văn dạng trả lời câu hỏi gợi ý hoặc theo mẫu cho sẵn. Các bài văn không có gợi ý M không thể tự làm được. M rất yêu thích môn thể dục, thích tham gia các hoạt động tập thể.

c) *Thông tin cơ bản:*

Điểm mạnh trong năng lực học tập của học sinh khiếm thính

Trong quá trình học tập, học sinh khiếm thính hiểu, tiếp nhận kiến thức bằng nhiều con đường khác nhau. Do cảm giác, tri giác nhìn, cảm giác vận động và xúc giác phát triển giúp cho các em những thuận lợi nhất định trong học tập.

- *Cảm giác vận động, cảm giác và tri giác nhìn phát triển* giúp học sinh khiếm thính có thể tiếp nhận ngôn ngữ và giao tiếp thông qua khả năng đọc hình miệng.
- Thuận lợi trong việc tiếp nhận ngôn ngữ kí hiệu cũng là phương tiện giao tiếp đặc biệt hiệu quả trong thế giới người điếc, tạo điều kiện thuận lợi cho các em trong học tập, giao tiếp và nhận thức thế giới xung quanh.
- Thông qua cảm giác và tri giác nhìn học sinh khiếm thính có khả năng *phân biệt tinh tế về màu sắc, các chi tiết nhỏ* của sự vật và dễ dàng phát hiện ra những điểm khác nhau của các đối tượng [6].
- *Tư duy trực quan hành động chiếm ưu thế* cùng với khả năng sử dụng khéo léo hoạt động của bàn tay, sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa tay và mắt nên học sinh khiếm thính có thể dễ dàng tham gia vào các môn học có sự hỗ trợ của các đồ dùng trực quan và thuận lợi trong cách học thông qua thực hành, trải nghiệm.
- Cảm giác tri giác thị giác, vận động và xúc giác phát triển giúp học sinh khiếm thính có *sự phát triển về thể chất gần như các trẻ nghe*. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ tham gia vào lớp học hoà nhập và các môn học mang tính chất vận động như thể dục... mà không gặp rào cản về thể chất.

Hoạt động 7: Lập bảng tóm tắt những khó khăn và nhu cầu cần được hỗ trợ của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) *Yêu cầu cần đạt:*

- Học viên có thể lập bảng tóm tắt những khó khăn và nhu cầu cần được hỗ trợ của học sinh khiếm thính cấp Tiểu học.
- Học viên áp dụng những kiến thức này trong hoạt động giáo dục học sinh khiếm thính

b) Cách thức tiến hành:

- Nghiên cứu 02 trường hợp điển hình
- Thảo luận và tóm tắt những khó khăn và nhu cầu cần được hỗ trợ của hai học sinh khiếm thính đã nghiên cứu.

c) Thông tin cơ bản:

Những khó khăn và nhu cầu cần được hỗ trợ của học sinh khiếm thính

Tổn thương về cơ quan thính giác làm giảm khả năng nghe, tiếp thu và phát triển ngôn ngữ, học sinh khiếm thính thường gặp rất nhiều khó khăn và có nhu cầu cần hỗ trợ trong quá trình giao tiếp, học tập.

Bên cạnh đó, ngôn ngữ chính trong giảng dạy, học tập của các trường tiểu học hoà nhập là lời nói. Đối với học sinh khiếm thính sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, đây là một rào cản không nhỏ. Sự thiếu hụt đội ngũ thông dịch viên, nhân viên hỗ trợ và nhóm giáo viên được trang bị các kĩ năng dạy hoà nhập trong các trường tiểu học có học sinh khiếm thính học hoà nhập khiến học sinh khiếm thính gặp rất nhiều khó khăn.

- Khó khăn

+ Do hạn chế khả năng nghe, học sinh khiếm thính thường không bắt kịp vào các cuộc nói chuyện đang diễn ra xung quanh, việc nghe không rõ và hiểu không đầy đủ ý nghĩa của cuộc nói chuyện nên các em thường cảm thấy lúng túng khi được hỏi và hay hỏi đi hỏi lại người đối thoại. Do vốn từ nghèo nàn, học sinh khiếm thính gặp khó khăn trong việc dùng từ để diễn đạt ý của mình, nên khi giao tiếp các em thường sử dụng kí hiệu, cử chỉ, điệu bộ, hoặc với những đồ vật xung quanh.

+ Học sinh khiếm thính có nguy cơ bị khó viết vì thính giác giảm sút ảnh hưởng đến khả năng xây dựng các hình ảnh chính xác của các chữ cái tương ứng với âm thanh lời nói. Trẻ nhận được các kích thích thính giác thấp dẫn đến khả năng nhận biết lời nói bị rời rạc, do các âm ở dải tần số nghe kém hoặc không thể nghe được bị biến dạng hoặc mất.

+ Đồng thời vốn từ hạn chế, tư duy phân tích chiếm ưu thế hơn tư duy khái quát dẫn đến những khó khăn trong việc diễn đạt suy nghĩ, cấu trúc cũng như tính khái quát trong bài viết của học sinh khiếm thính [2].

+ Khó khăn về ngôn ngữ và giao tiếp nên học sinh khiếm thính rất khó thể hiện được nhu cầu hoặc vì bất lực không hiểu những điều người xung quanh mong muốn, các em có thể cáu gắt, dễ gây gỗ. Học sinh khiếm thính tuổi thiếu niên có mặc cảm, tự ti, ngại giao tiếp, tránh người lạ. Vấn đề này dẫn đến học sinh khiếm thính thường gặp khó khăn trong các mối quan hệ xã hội [5].

+ Trong hoạt động học tập do không nghe được như bình thường, gặp khó khăn

trong việc nghe và tiếp thu bài giảng nên học sinh khiếm thính gặp nhiều trở ngại trong học tập. Mặc dù trẻ bị giảm thính lực có thể học lớp hoà nhập, tuy nhiên, khi học các môn học như: Tiếng Việt, Tự nhiên xã hội... cần nghe, nói và viết nhiều nên các em thường gặp khó khăn.

- Nhu cầu

+ Học sinh khiếm thính cần sự hỗ trợ trong việc tiếp nhận và phát triển ngôn ngữ như: trang bị máy trợ thính, dạy trẻ học ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, học và hiểu cách sử dụng ngôn ngữ kí hiệu. Phát triển ngôn ngữ lời nói, khả năng nghe- nói bằng các môn học đặc thù như: Luyện thở luyện giọng, Luyện nghe, Hội thoại... Ngoài ra sử dụng các phương tiện giao tiếp khác hướng tới giao tiếp tổng hợp giúp học sinh khiếm thính dễ dàng giao tiếp với những người xung quanh. Trẻ cũng cần được tạo môi trường ngôn ngữ kí hiệu, mọi người xung quanh cần học và giao tiếp với trẻ bằng ngôn ngữ kí hiệu [4].

+ Học sinh khiếm thính rất cần sự quan tâm, chia sẻ, động viên của cha - mẹ và giáo viên về những khó khăn và nhu cầu của mình. Các em cần được chấp nhận, thấu hiểu, động viên khích lệ, được tham gia vào tất cả các hoạt động nhóm, hoạt động của trường, lớp và cộng đồng.

+ Trong hoạt động học tập học sinh khiếm thính cần sắp xếp chỗ ngồi phù hợp, điều chỉnh phương pháp, mục tiêu, hoạt động, cách thức đánh giá phù hợp với khả năng của mình. Đặc biệt giáo viên cần sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học, cụ thể hoá những khái niệm trừu tượng bằng tranh ảnh, động tác, sắm vai... nhằm giúp các em có thể hiểu và ghi nhớ tốt hơn [5].

Hoạt động 8: Hướng dẫn bài tập thực hành

Từ một hoạt động cá nhân/bài học cụ thể cho một học sinh khiếm thính cấp Tiểu học, thầy/cô hãy chỉ ra những điểm các thầy/cô đã vận dụng các kiến thức được học về nhận thức, giao tiếp và năng lực học tập của học sinh khiếm thính.

a) Yêu cầu cần đạt:

- Viết mô tả về các mặt nhận thức, giao tiếp của học sinh khiếm thính trong lớp học hoà nhập/chuyên biệt.
- Lập bảng tóm tắt mặt mạnh, khó khăn và nhu cầu cần hỗ trợ của học sinh khiếm thính trên.
- Chỉ ra trong 1 hoạt động cá nhân/bài học cụ thể việc phát triển/tận dụng mặt mạnh của học sinh hoặc khắc phục những khó khăn mà học sinh đó gặp phải nhằm hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập tại trường/lớp.

b) Cách thức tiến hành:

- Hướng dẫn làm bài tập thực hành theo các yêu cầu sau:
 - + Viết mô tả về các mặt nhận thức, giao tiếp của 01 học sinh khiếm thính trong lớp các thầy/cô

- + Lập bảng tóm tắt mặt mạnh, khó khăn và nhu cầu cần hỗ trợ của học sinh khiếm thính đã chọn ở trên.
- + Chỉ ra trong 1 hoạt động cá nhân/bài học cụ thể việc phát triển/tận dụng mặt mạnh của học sinh hoặc khắc phục những khó khăn mà học sinh đó gặp phải nhằm hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập tại trường/lớp.

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

- 1) Cảm giác, tri giác ở học sinh khiếm thính có những điểm nổi bật gì? Thầy/cô ứng dụng những đặc điểm này vào trong dạy học học sinh khiếm thính như thế nào?
- 2) Hãy nêu những nét cơ bản trong đặc điểm tư duy và tưởng tượng của học sinh khiếm thính cấp tiểu học. Lấy ví dụ về việc thầy/cô đã vận dụng những hiểu biết này của học sinh khiếm thính trong thực tiễn dạy học.
- 3) Học sinh khiếm thính cấp tiểu học gặp những khó khăn gì trong giao tiếp? Thầy/Cô đã có những hỗ trợ như nào trong quá trình dạy học nhằm giảm thiểu những khó khăn trên?
- 4) Học sinh khiếm thính cấp tiểu học có những điểm mạnh gì về năng lực học tập? Thầy/cô vận dụng những kiến thức này vào trong quá trình giáo dục học sinh khiếm thính như thế nào?
- 5) Học sinh khiếm thính cấp tiểu học thường có những khó khăn và nhu cầu gì cần hỗ trợ trong quá trình học tập? Thầy/cô đã có những việc làm cụ thể nào nhằm khắc phục những khó khăn đó trong quá trình giáo dục học sinh khiếm thính?

2. Bài tập thực hành

Từ một hoạt động cá nhân/bài học cụ thể cho một học sinh khiếm thính cấp Tiểu học, thầy/cô hãy chỉ ra những điểm các thầy/cô đã vận dụng các kiến thức được học về nhận thức, giao tiếp và năng lực học tập của học sinh khiếm thính.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. T.G Bokdanova (2002) (Sách tiếng Nga), *Tâm lí học khiếm thính*. NXB Akadema, Moscow.
3. Nguyễn Thị Hoàng Yến (Chủ biên), Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Đỗ Nghiêm Thanh Phương, Đinh Nguyễn Trang Thu (2012), *Giáo dục đặc biệt và những thuật ngữ cơ bản*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2005), *Đại cương về giáo dục học sinh khiếm thính*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
5. Sandy Niemann, Devorah Greenstein, Darlena David (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
6. Sinhiak V.A., Nudenman M.M. (1999) (Sách dịch), *Những đặc điểm của sự phát triển tâm lý trẻ điếc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Chủ đề 2. NGÔN NGỮ KÍ HIỆU VIỆT NAM - SỬ DỤNG NGÔN NGỮ KÍ HIỆU TRONG DẠY HỌC VÀ GIAO TIẾP VỚI HỌC SINH KHIẾM THÍNH

(8 tiết lí thuyết, 15 tiết thực hành, 15 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Hiểu được khái niệm và các đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu, các thành tố của kí hiệu, đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam.
- Phân tích được các thành tố của kí hiệu.
- Làm được các kí hiệu theo hướng dẫn.
- Sử dụng được ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính.
- Tự học được ngôn ngữ kí hiệu (qua các tài liệu viết, videoclips hoặc các hình thức khác).

2. Phẩm chất

- Tôn trọng văn hóa và ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính.
- Học hỏi, tăng cường vốn kí hiệu của bản thân.
- Tích cực sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Những vấn đề chung về ngôn ngữ kí hiệu

Hoạt động 1: Tìm hiểu Văn hóa của cộng đồng người Điếc

a) Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu được những đặc trưng của văn hóa cộng đồng người Điếc.

b) Cách thức tiến hành:

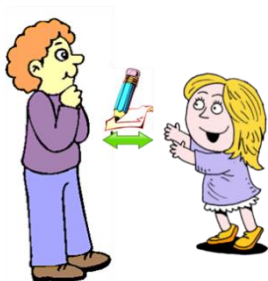
- Xem video về văn hóa của cộng đồng người Điếc.
- Thảo luận nhóm về văn hóa của cộng đồng người Điếc có những đặc trưng nào?

c) Thông tin cơ bản:



- *Ngôn ngữ của cộng đồng người Điếc*

Để tạo nên một nền văn hoá yếu tố quan trọng nhất và không thể thiếu đó là ngôn ngữ. Cộng đồng người Điếc có nền văn hoá riêng và sử dụng ngôn ngữ rất đặc trưng để giao tiếp đó là ngôn ngữ kí hiệu. Ngôn ngữ kí hiệu được tiếp nhận bằng mắt và thể hiện bằng tay, cử chỉ, điệu bộ (nghe bằng mắt – nói bằng tay).



Ngoài việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp trong cộng đồng, người Điếc còn có nhiều phương thức giao tiếp khác, phổ biến hiện nay là:

- Giao tiếp thông qua phiên dịch viên ngôn ngữ kí hiệu trong những tương tác giữa người điếc và người nghe không biết ngôn ngữ kí hiệu.

- Giao tiếp bằng chữ viết, cử chỉ điệu bộ khi người điếc giao tiếp trực tiếp với người nghe mà không có phiên dịch.



- *Các quy tắc ứng xử cơ bản trong giao tiếp*

+ Duy trì ánh mắt: người điếc sẽ ngừng tương tác ngay lập tức nếu thấy ánh mắt của người đối diện nhìn đi chỗ khác. Họ cho rằng, đó là biểu hiện của việc người kia không thích hoặc không muốn tiếp tục giao tiếp.

+ Khoảng cách giao tiếp: khoảng cách một cánh tay khi giao tiếp trực tiếp sẽ khiến hai người giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu cảm thấy thoải mái và dễ quan sát lẫn nhau.



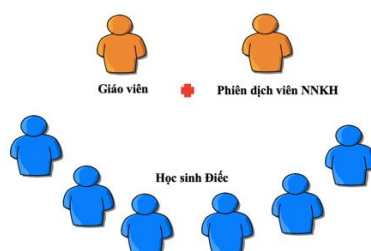
- Để bắt đầu giao tiếp hoặc gây sự chú ý: tùy vào tình huống họ đi đến và đứng trước mặt, chạm nhẹ vào vai, hươ tay trước tầm mắt, ném vật nhẹ, chiếu đèn để gây chú ý, nhờ người gọi hộ, gọi chính xác tên kí hiệu của người đó,... Những hành động như



gọi to, đập mạnh, ném vật nặng,...được xem là thô lỗ trong cách ứng xử của cộng đồng người Điếc.

+ Kí hiệu “to”: với khoảng cách xa để đối phương có thể nhìn thấy, người điếc sẽ kí hiệu vượt khỏi khung qui định để người kia dễ nhìn thấy và dùng nhiều cử chỉ điệu bộ.

+ Khi 2 người ở 2 địa điểm khác nhau muốn giao tiếp thì người điếc thường nhắn tin, gửi tin nhắn đa phương tiện hoặc gọi bằng video.



+ Sắp xếp vị trí: hình chữ U trong lớp học hoặc các buổi giao lưu, sinh hoạt để tất cả mọi người đều quan sát được toàn bộ thông tin.

+ Cách gọi tên: đặt và sử dụng **tên kí hiệu** dựa vào những đặc điểm riêng dễ nhìn thấy của từng người như: nốt ruồi, vết sẹo, mái tóc,...

- *Kĩ thuật, công nghệ người Điếc thường dùng*

Tên kĩ thuật	Mục đích	Hình minh họa
Cuộc gọi video trên máy tính hoặc điện thoại	Giao tiếp từ xa bằng ngôn ngữ kí hiệu	
Chuông đèn	Báo hiệu có người	
Báo hiệu bằng đèn chiếu hoặc chế độ rung	Dùng để báo thức, báo có cuộc gọi trên điện thoại	
Dịch vụ phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu	Giao tiếp với người nghe không biết ngôn ngữ kí hiệu	

Hoạt động 2: Phân tích khái niệm và các đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu

a) Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được khái niệm ngôn ngữ kí hiệu
- Phân tích được các đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu

b) *Cách thức tiến hành:*

- Xem video về ngôn ngữ kí hiệu.
- Lấy ý kiến trả lời của học viên về ngôn ngữ kí hiệu là gì?
- Thuyết trình về khái niệm ngôn ngữ kí hiệu.
- Thảo luận nhóm về các đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu.
- Thuyết trình và phân tích các đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu

c) *Thông tin cơ bản:*

Khái niệm ngôn ngữ kí hiệu

Ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ sử dụng hình dạng bàn tay, chuyển động cơ thể, cử chỉ điệu bộ và sự thể hiện trên khuôn mặt để giao tiếp trao đổi kinh nghiệm, suy nghĩ, nhu cầu và cảm xúc. [9],[11].

Đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu

Ngôn ngữ kí hiệu có tính tượng hình [11],[12]:

- Ngôn ngữ kí hiệu còn được gọi là ngôn ngữ thị giác, do vậy, tính tượng hình là một đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ kí hiệu.
- Tính tượng hình của ngôn ngữ kí hiệu có nghĩa là các kí hiệu thường có tính chất biểu thị, mô phỏng các sự vật, hiện tượng, hành động... của thế giới xung quanh dựa trên những đặc điểm đặc trưng, nổi bật của sự vật, hiện tượng, hành động... đó.
- Tính tượng hình của ngôn ngữ kí hiệu có các mức độ khác nhau: Có những kí hiệu mô phỏng gần giống hoàn toàn đặc điểm của sự vật, hiện tượng, hoặc hành động... (ví dụ: kí hiệu “ăn”, “uống”, “viết”...); có những kí hiệu mô phỏng một phần đặc điểm đặc trưng của sự vật, hiện tượng, hoặc hành động... (ví dụ: kí hiệu “con mèo”, “con chó”...)

Ngôn ngữ kí hiệu có cấu trúc và hình thái riêng biệt [11],[12]:

- Ngôn ngữ kí hiệu có hình thái riêng biệt. Ngôn ngữ kí hiệu có hình thái học về mặt không gian, không phải hình thái học về trật tự thời gian, thứ tự trước sau như ngôn ngữ nói.
- Hình thái về mặt không gian có nghĩa là các kí hiệu luôn được thể hiện trong một không gian nhất định; những sự vật, hiện tượng xuất hiện trong không gian trước sẽ có xu hướng được làm kí hiệu trước.

Ví dụ: để thể hiện câu: “Tôi sẽ đến thăm nhà bạn”.

Ngôn ngữ nói: phải nói theo thứ tự từng từ: tôi+ sẽ + đến + thăm + nhà + bạn.

Ngôn ngữ kí hiệu: tôi + bạn + nhà + thăm.

- Ngôn ngữ kí hiệu có cấu trúc riêng biệt. Cấu trúc ở đây là cấu trúc ngữ pháp. Cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu khác với cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ nói.
- Một số đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu sẽ được trình bày cụ thể ở phần sau. Tuy nhiên, nhìn chung, ngôn ngữ kí hiệu có cấu trúc: chủ đề- lời dẫn, có nghĩa là đối tượng, sự vật có liên quan được làm kí hiệu trước, sau đó mới dẫn giải thêm thông tin. Ví dụ: Câu: “Tôi mua 3 quyển sách” sẽ được thể hiện bằng ngôn ngữ kí hiệu như sau: Tôi + sách + 3 + mua. (Đối tượng cần là: “sách” sẽ được làm kí hiệu trước, sau đó là các thông tin dẫn giải thêm: số lượng “3”, hành động “mua”).

Ngôn ngữ kí hiệu có tính đa dạng [11]

- Tính đa dạng của ngôn ngữ kí hiệu thể hiện trước hết ở tính vùng, miền, giữa các quốc gia, thậm chí giữa các địa phương trong cùng một đất nước.
 - Tính đa dạng của ngôn ngữ kí hiệu còn thể hiện ở việc sử dụng nhiều hình thức hỗ trợ kèm theo: chữ cái ngón tay, cử chỉ điệu bộ, hình miệng...
 - Tính đa dạng của ngôn ngữ kí hiệu còn thể hiện ở:
- + Cùng một kí hiệu có thể thể hiện một số nghĩa khác nhau.
- Ví dụ: kí hiệu “quét” có thể mang nghĩa là động từ “quét” hoặc danh từ “cái chổi”.
- + Ngược lại, một ý nghĩa/một khái niệm nào đó có thể được thể hiện bằng một số cách làm kí hiệu khác nhau. Ví dụ: Ý nghĩa/khái niệm “con chó” có 2 cách làm kí hiệu.

Hoạt động 3: Phân tích các thành tố của kí hiệu

a) Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu và nhớ được các thành tố của một kí hiệu.
- Phân tích được các kí hiệu theo các thành tố
- Làm được các kí hiệu rõ ràng, chính xác hơn.

b) Cách thức tiến hành:

- Xem video người khiếm thính làm một số kí hiệu
- Thảo luận nhóm cặp đôi về các thành tố của một kí hiệu
- Giảng viên trình bày và phân tích từng thành tố của một kí hiệu
- Thực hành phân tích một số kí hiệu theo các thành tố

c) Thông tin cơ bản:

Các thành tố của một kí hiệu

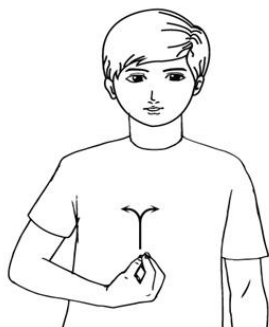
Mỗi kí hiệu bao gồm 5 thành tố [1],[11],[12]:

- + Vị trí làm kí hiệu
- + Hình dạng bàn tay
- + Chiều hướng của bàn tay
- + Chuyển động của tay
- + Sự diễn tả không bằng tay

Vị trí làm kí hiệu [7],[11]:

- Vị trí làm kí hiệu là vị trí của tay so với cơ thể khi làm kí hiệu.
- Mỗi kí hiệu đều có một vị trí làm nhất định và xuất phát từ một trong 17 vị trí thuộc các vùng trên cơ thể, đó là: đầu, trán, mắt, mũi, tai, má, miệng, cằm, cổ, bên trái ngực, bên phải ngực, chính giữa ngực, vùng bụng, cánh tay, khuỷu tay, lòng bàn tay và lưng bàn tay. Ngoài ra, nhiều kí hiệu được làm ở vị trí khoảng không gian phía trước cơ thể.
- Vị trí làm kí hiệu khác nhau thì ý nghĩa của kí hiệu cũng khác nhau.

Ví dụ: (hình vẽ kí hiệu được trích từ “*Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật*- Bộ Giáo dục&Đào tạo-2020 [1])



Cảm động (vị trí làm kí hiệu là tay để sát ngực)

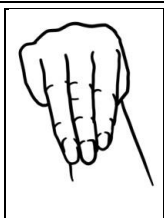


Hoa (vị trí làm kí hiệu là tay để ở khoảng không trước ngực)

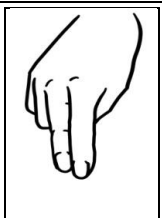
Hình dạng bàn tay [7]:

- Hình dạng bàn tay là những hình thái khác nhau của bàn tay khi thực hiện kí hiệu: số ngón tay, độ mở của lòng bàn tay, độ mở của các ngón tay. Chỉ cần một chi tiết khác sẽ dẫn đến một nghĩa hoàn toàn khác.
- Hoặc cách thực hiện các chữ cái ngón tay: số lượng các ngón tay, chiều hướng, độ lệch giữa các ngón tay,... sẽ qui định nhiều chữ cái khác nhau.

Ví dụ: (hình vẽ kí hiệu được trích từ “*Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật*- Bộ Giáo dục&Đào tạo-2020 [1])



Chữ M



Chữ N



Chữ U



Chữ V



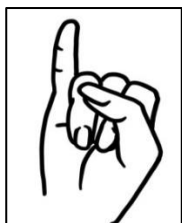
Chữ M



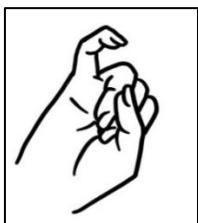
Số 3

- Hoặc cùng các ngón tay và số ngón tay nhưng hình dạng khác nhau thì kí hiệu cũng mang một ý nghĩa khác hẳn:

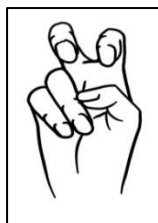
Ví dụ: (hình vẽ kí hiệu được trích từ “*Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật- Bộ Giáo dục&Đào tạo-2020 [1]*)



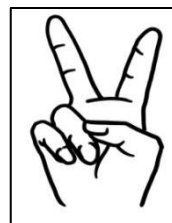
Chữ I



Dấu móc



Dấu mũ



Chữ V

- Hoặc cùng hình dạng bàn tay ấy, nhưng tăng độ mở của lòng bàn tay ta được kí hiệu khác.

Ví dụ: (hình vẽ kí hiệu được trích từ “*Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật- Bộ Giáo dục&Đào tạo-2020 [1]*)



Cái bát



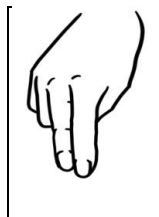
Hoa

Chiều hướng của bàn tay [7], [11]:

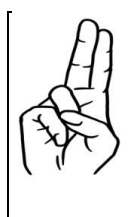
- Chiều hướng của bàn tay khi làm kí hiệu là hướng của lòng bàn tay và các ngón tay. Thành tố này rất quan trọng, nó góp phần giúp cho việc làm kí hiệu được chính xác.
- Khi phân tích và mô tả kí hiệu, thành tố này luôn được nói đến, giúp cho người học kí hiệu có thể dễ dàng xác định được chiều hướng của lòng bàn tay và các ngón tay.
- Khi chiều hướng lòng bàn tay thay đổi cũng tạo ra các kí hiệu khác nhau.

Ví dụ: (hình vẽ kí hiệu được trích từ “*Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho*

người khuyết tật- Bộ Giáo dục & Đào tạo-2020 [1])



Chữ N



Chữ U

Chuyển động của tay [7]:

- Chuyển động của tay là những cử động của tay khi làm kí hiệu, bao gồm sự chuyển động của cánh tay, cổ tay, những ngón tay hay hai bàn tay, ...chẳng hạn như bàn tay nắm lại hay mở ra? Tay chuyển động: ra phía trước hay sau? Xoay tròn, vòng cung hay bất chéo?... Chuyển động bằng một tay hay cả hai tay. Hai tay chuyển động lại gần nhau hoặc hai tay chuyển động ra xa nhau...

Ví dụ: (hình vẽ kí hiệu được trích từ “Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật- Bộ Giáo dục & Đào tạo-2020 [1])

Chuyển động một tay xuống dưới



Buổi chiều

Chuyển động một tay lên trên



Cao

Chuyển động hai tay ra xa



Bàn

Chuyển động hai tay lại gần



Bằng nhau

Chuyển động khác nhau cũng làm cho ý nghĩa của kí hiệu khác nhau. Ví dụ như kí hiệu “bàn/cái bàn” và kí hiệu bằng nhau (hình vẽ ở trên). Kí hiệu “bàn”: đưa hai tay sang hai

bên; kí hiệu “bằng nhau”: đưa hai tay lại gần, chạm vào nhau... hoặc ví dụ kí hiệu “nước” (chuyển động lắc rung cổ tay) và kí hiệu “cái bát” (tay giữ nguyên).



Nước



Cái bát

Sự diễn tả không bằng tay [11]

- Sự diễn tả không bằng tay khi làm kí hiệu chính là những cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, cử động của cơ thể kèm theo chuyển động của tay.
- Cùng với việc làm kí hiệu bằng tay, sự diễn tả bằng nét mặt, cử chỉ, điệu bộ giúp cho thông tin được truyền tải một cách rõ ràng, chính xác.
- Sự diễn tả không bằng tay gắn bó chặt chẽ với việc làm kí hiệu trong quá trình giao tiếp. Đây là một thành tố rất đặc trưng trong ngôn ngữ kí hiệu.
- Đặc biệt, với những kí hiệu chỉ tình cảm, cảm xúc thì thành tố “sự diễn tả không bằng tay” càng được thể hiện rõ. Ví dụ, kí hiệu “vui”- nét mặt thể hiện sự vui vẻ, phấn khởi; kí hiệu “khó”- nét mặt nhăn lại, thể hiện sự khó khăn...

Tóm lại, mỗi kí hiệu đều bao gồm năm thành tố. Khi học ngôn ngữ kí hiệu, việc hiểu được *năm thành tố của kí hiệu* là rất quan trọng để giúp người học nhận dạng, phân biệt các kí hiệu một cách nhanh chóng; học kí hiệu sẽ nhanh hơn, ghi nhớ được lâu hơn và thực hành được chính xác hơn.

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số đặc trưng về ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu

a) Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu được một số đặc trưng về ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu.
- Bước đầu biết vận dụng một số đặc điểm đặc trưng về ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu trong giao tiếp.

b) Cách thức tiến hành:

- Trình bày và phân tích về một số đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu
- Thực hành làm một số câu kí hiệu theo đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu

c) Thông tin cơ bản:

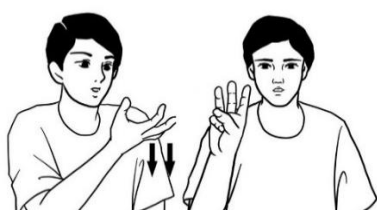
Một số đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu

* Các cụm từ- các ngữ [7], [11]

Cấu trúc	Tiếng Việt (ví dụ)	NNKH (ví dụ)
Ngữ danh từ Danh từ - Số từ	3 quả táo 2 quyển sách	táo + 3 quyển sách + 2
Ngữ động từ Danh từ - Số từ - Động từ	mua táo mua 3 quả táo	táo + mua táo + 3 + mua
Ngữ tính từ Tính từ - biểu cảm nét mặt	Ngon lắm Tốt lắm/Giỏi lắm	Ngon- nét mặt Tốt/giỏi- nét mặt

Ví dụ:

Ngữ danh từ [7]:



Táo 3

Ngữ danh từ: **3 quả táo**



Táo đỏ 3

Ngữ danh từ: **3 quả táo đỏ**

Ngữ động từ [7]:



Táo mua

Ngữ động từ: **mua táo**



Táo 3 mua

Mua ba quả táo

Cấu trúc câu trong ngôn ngữ kí hiệu [7], [11]:

- Câu khẳng định

Câu khẳng định	Câu tiếng Việt	Câu NNKH
	CN – VN (động từ/tính từ + BN)	CN-VN (BN + động từ/tính từ)
Ví dụ:	Tôi học lớp 4.	Tôi + lớp + 4 + học.
	Tôi thích màu đỏ	Tôi + màu đỏ + thích

- *Câu phủ định*

Khi biểu đạt ý phủ định người khiếm thính có thể kết hợp kí hiệu với một số cử chỉ điệu bộ, chẳng hạn như lắc đầu hoặc làm kí hiệu “không” kèm theo động tác lắc đầu. Và ý phủ định (hoặc kí hiệu “không”) luôn được làm kí hiệu cuối cùng.

Ví dụ: Làm kí hiệu **ăn** + **lắc đầu** (hoặc làm kí hiệu **ăn** + kí hiệu **không** + **lắc đầu**) sẽ có nghĩa là **không ăn**.

Đây là một nét độc đáo trong cách biểu đạt của người khiếm thính, đảm bảo tính giản lược và qui tắc của ngôn ngữ kí hiệu. Vì thế cần chú ý lúc giao tiếp, chỉ cần một chút xao lãng không tập trung nhìn vào người kí hiệu ta sẽ bỏ sót và hiểu sai nghĩa. Đồng thời nếu sử dụng đúng phương thức này người khiếm thính sẽ khắc phục được tình trạng nhầm lẫn giữa câu phủ định với câu hỏi “có - không” khi từ để hỏi “không” ở cuối câu.

Câu phủ định	Câu tiếng Việt	Câu NNKH
	CN -TỪ PHỦ ĐỊNH – VN	CN – VN (BN-động từ/tính từ) – TỪ PHỦ ĐỊNH
<i>Trong ngôn ngữ kí hiệu, yếu tố phủ định được làm kí hiệu cuối cùng</i>	Ví dụ: Tôi không thích màu đỏ Tôi không ăn cơm	Tôi + màu đỏ + thích + không Tôi + ăn cơm + không

- *Câu hỏi (câu nghi vấn)*

Cấu trúc của câu nghi vấn có 2 dạng: dạng câu hỏi có kí hiệu hỏi và dạng câu không có kí hiệu hỏi.

Câu hỏi (có kí hiệu hỏi)	Câu tiếng Việt	Câu NNKH
<i>Trong ngôn ngữ kí hiệu, từ để hỏi luôn làm kí hiệu cuối cùng</i>	Từ để hỏi đứng ở các vị trí khác nhau: đầu câu, cuối câu, giữa câu. Ví dụ: Mấy giờ rồi? Gia đình bạn có bao nhiêu người? Nhà bạn ở đâu ?	Từ để hỏi luôn được làm kí hiệu cuối cùng: Giờ + Mấy ? Bạn + gia đình + người + bao nhiêu ? Bạn + nhà + ở đâu ?

Với câu hỏi có-không (không có kí hiệu hỏi), người khiếm thính thường sử dụng cử chỉ điệu bộ hoặc nét mặt của người kí hiệu mà không cần dùng từ để hỏi và diễn đạt hết tất cả các từ trong câu.

Ví dụ: - **Ăn cơm không?** ⇒ kí hiệu: cơm - nét mặt, cơ thể đặc biệt là đầu và vai hướng về phía người cần hỏi, nét mặt và cụ thể là *chân mày nhướng lên*.

- **Biết không?** ⇒ kí hiệu: biết - mặt hơi đưa về trước phía người đang giao tiếp *chân mày hơi nhướng lên* tỏ ý chờ đợi câu trả lời.

- **Câu cảm thán:** Trong ngôn ngữ kí hiệu, các từ cảm thán sẽ được thể hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt.

Ví dụ: Ôi, nóng quá!

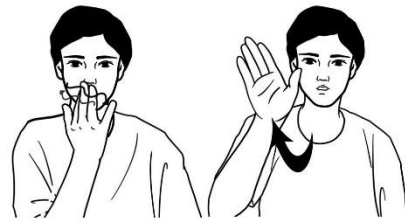
(từ “quá” được thể hiện thông qua nét mặt nhăn lại và tay chuyển động nhanh hơn)



Nóng quá

- **Câu cầu khiến:** Luôn có kí hiệu biểu thị sự cầu khiến đi kèm biểu cảm nét mặt.

Ví dụ: câu tiếng Việt: “Ăn cơm đi”.
Câu NNKH: “Ăn cơm/**đi**” (bàn tay thả lỏng tự nhiên, lòng tay hướng xuống, hất cổ tay về phía trước).



Ăn cơm đi

Rút gọn kí hiệu: [11]

- Rút gọn kí hiệu là một đặc trưng nổi bật về ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu.

- Khi giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu, để đảm bảo tốc độ truyền đạt thông tin được nhanh, gọn nhưng vẫn đầy đủ những gì muốn truyền đạt, người khiếm thính thường có xu hướng rút gọn kí hiệu.

- Sự rút gọn kí hiệu được thể hiện ở:

Thứ nhất, có sự lược bỏ bớt một số thành phần/từ phụ, không quan trọng khi làm kí hiệu

Ví dụ: để thể hiện câu “Tên bạn là gì?” hoặc “Bạn tên là gì?”.

+ Ngôn ngữ nói sẽ được thể hiện đầy đủ theo thứ tự: “*Bạn + tên + là + gì?*”.

+ Ngôn ngữ kí hiệu sẽ được thể hiện: “*Bạn + tên + gì?*” (bỏ “*là*”)

Thứ hai, có xu hướng kết hợp các kí hiệu khi làm kí hiệu

Ví dụ: từ “*ăn táo*”

+ Trong ngôn ngữ nói, phải tách ra hai từ: *ăn + táo*.

+ Trong ngôn ngữ kí hiệu, không làm tách biệt hai kí hiệu “*ăn*” và “*táo*”, mà có sự kết hợp bằng cách làm kí hiệu “*táo*” ở phía trước miệng kết hợp với động tác nhai của miệng.

Thứ ba, có sự kết hợp tay khi làm kí hiệu

Ví dụ, cụm từ “*trèo cây*”, khi làm kí hiệu sẽ làm đồng thời cả hai tay, tay thuận là kí hiệu “*cây*”, tay thuận làm kí hiệu “*trèo*”, đặt chạm tay thuận vào gần khuỷu tay không thuận, rồi di chuyển tay thuận dần lên gần cổ tay không thuận. Hoặc thể hiện cụm từ “*mèo vỗ chuột*”, tay thuận làm kí hiệu “*mèo*”, tay không thuận làm kí hiệu “*chuột*”, sau đó đưa tay thuận chộp mạnh vào tay không thuận.



Trèo cây



Mèo vỗ chuột

2. Thực hành ngôn ngữ kí hiệu, sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính

Hoạt động 5: Thực hành ngôn ngữ kí hiệu: chữ cái ngón tay và số tự nhiên; các kí hiệu giao tiếp cơ bản; các kí hiệu môn Toán và Tiếng Việt

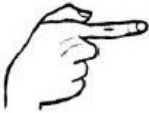
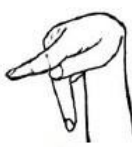
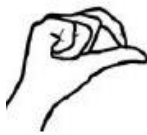
a) Yêu cầu cần đạt:

- Làm được các kí hiệu theo hướng dẫn.
- Giao tiếp cơ bản bằng ngôn ngữ kí hiệu

b) Cách thức tiến hành:

- Xem video người khiếm thính làm một số kí hiệu
- Giảng viên hướng dẫn
- Thực hành làm kí hiệu chữ cái ngón tay, số tự nhiên, một số kí hiệu giao tiếp cơ bản, một số kí hiệu môn Toán và Tiếng Việt

c) Thông tin cơ bản:

Bảng chữ cái ngón tay [1]					
					
A	B	c	D	đ	e
					
G	H	i	k	l	m
					
n	O	p	q	r	s
					
t	U	v	x	y	
	$\hat{a} = a + \wedge$ $\hat{e} = e + \wedge$ $\hat{o} = o + \wedge$		$\tilde{a} = a + \sim$		$u = u + '$ $\sigma = o + '$
					

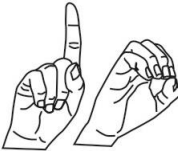
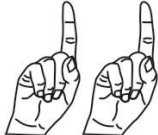
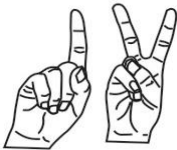
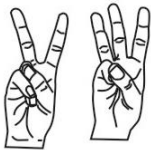
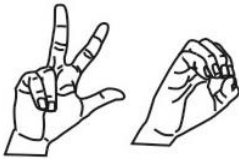
Một số lưu ý khi làm kí hiệu chữ cái ngón tay và đánh chữ cái ngón tay [11]

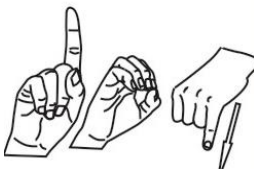
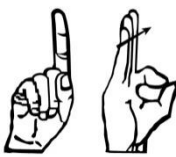
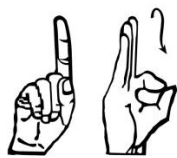
- Chỉ dùng một tay thuận đánh các chữ cái.
- Vị trí đánh các chữ cái là ở khoảng không, phía trước cơ thể, tầm ngang với vai.
- Với hầu hết các chữ cái, lòng bàn tay hướng về phía trước. Tuy nhiên, các chữ cái

“m, n, p, q, x”- lòng bàn tay hướng xuống dưới; các chữ cái “c, o, ô, ơ” lòng bàn tay hướng sang bên đối diện; chữ cái “g”- lòng bàn tay hướng vào người.

- Chỉ dùng ngón út để đánh các dấu thanh, đưa ngón út mô phỏng động tác viết các dấu.
- Các chữ cái ghép như: ch, ng, th... đánh riêng lẻ từng chữ cái.
- Khi đánh chữ cái ngón tay tên hoặc địa điểm thì nên theo cách viết chữ (tức là đánh các chữ cái trước rồi đánh hệ thống dấu sau

Bảng kí hiệu chữ số [1]

0 Không	1 một	2 hai	3 ba
4 bốn	5 năm	6 sáu	7 bảy
			
8 Tám	9 chín	10 mười	11 mười một
			
12 mười hai	23 hai mươi ba	33 ba mươi ba	40 bốn mươi
			
80 tám mươi	90 chín mươi	100 một trăm	1.000 một nghìn

			
5.000 năm nghìn	10.000 mười nghìn	1.000.000 một triệu	1.000.000.000 một tỉ

Một số lưu ý khi làm kí hiệu chữ số [11]

- Khi làm kí hiệu các số tự nhiên, tay để ở trước cơ thể, ngang tầm với vai.
- Chỉ dùng một tay thuận làm kí hiệu. (giống như khi làm kí hiệu các chữ cái).
- Từ số 10 đến số 100: làm kí hiệu riêng lẻ từng số.
- Số 100: có 2 cách làm kí hiệu. Cách 1: làm riêng lẻ từng số. Cách 2: làm kí hiệu số “1” sau đó đưa tay sang bên 1 đoạn ngắn rồi chuyển tay thành hình số “0”
- Các số hàng nghìn: làm kí hiệu số lượng rồi đưa ngón út về phía trước. (Ví dụ: 10.000: làm kí hiệu số “10” rồi đưa ngón út về phía trước).
- Các số hàng triệu: làm kí hiệu số lượng, sau đó đánh chữ cái “T”. (Ví dụ: 1 triệu: làm kí hiệu số “1”, sau đó đánh chữ cái “T”).
- Các số hàng tỷ: làm kí hiệu số lượng, sau đó đánh chữ cái “T” rồi đưa tay theo hình dấu hỏi. (Ví dụ: 1 tỷ: làm kí hiệu số “1”, sau đó đánh chữ cái “T” rồi đưa tay theo hình dấu hỏi).

Một số kí hiệu giao tiếp cơ bản

- Học và thực hành các kí hiệu trong từ điển 6000 kí hiệu của dự án [2]
- Học và thực hành các kí hiệu theo video clip “5 kí hiệu mỗi ngày”- tập 1 đến tập 10. “5 kí hiệu mỗi ngày”- www.youtube.com [5]
- Học và thực hành một số kí hiệu để hỏi: Ai, gì (cái gì), Khi nào, Thế nào, Mấy (bao nhiêu), Tại sao (vì sao), Ở đâu, Làm gì
- Học và thực hành các kí hiệu cơ bản trong tài liệu “Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu” [1]
- Giao tiếp, hội thoại, làm kí hiệu hỏi và trả lời liên quan đến bản thân, gia đình, màu sắc, trường lớp...

Bạn/Em tên là gì? Tôi/Em tên là.....

Bạn/Em làm nghề gì? Tôi/Em làm.....

Bạn/em bao nhiêu tuổi? Tôi/em.....

Nhà bạn/em ở đâu? Nhà tôi/em ở.....

Gia đình bạn/em có bao nhiêu người? Gia đình tôi/em có.....

Bố (mẹ, anh, chị...) bạn/em bao nhiêu tuổi? Bố (mẹ) tôi/em.....

Bố (mẹ, anh, chị...) bạn/em làm nghề gì? Bố (mẹ) tôi/em.....

Bạn (anh, chị của bạn/em...) học lớp mấy?

Bạn (anh, chị của bạn/em...) học trường nào?

Nhà bạn/em cách trường có xa không?

Lớp bạn/em có bao nhiêu học sinh?

Bạn/em thích học môn gì? (Hoặc Bạn/em thích học Toán không? Vì sao)

Sáng nay bạn/em đi học lúc mấy giờ?

Các kí hiệu môn Toán và Tiếng Việt

- Xem trong từ điển 6000 kí hiệu của dự án [2]

- Xem trong 150 bài dạy Toán và Tiếng Việt của dự án [3]

- Học và thực hành các kí hiệu môn Toán và Tiếng Việt trong tài liệu “Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu” [1]

- Làm kí hiệu một số câu sau:

Bây giờ chúng ta cùng học tiết Tập đọc/Toán/Tập viết...

Các em về nhà nhớ học thuộc.

Bạn làm đúng hay sai?

Em thích học Toán hay Tiếng Việt?

Em thấy học Toán/ Tiếng Việt có khó không?

Các em cùng chú ý lên bảng.

Các em mở sách giáo khoa trang (ví dụ trang 20).

Bây giờ cô kiểm tra bài cũ.

Ai trả lời được câu hỏi này?

Các em cố gắng, chăm chỉ học tập để học tốt.

Hoạt động 6: Giới thiệu một số nguồn tài liệu để học viên tự học ngôn ngữ kí hiệu

a) Yêu cầu cần đạt:

- Biết một số nguồn học liệu để học ngôn ngữ kí hiệu và cách truy cập.

- Tự học ngôn ngữ kí hiệu qua các nguồn học liệu.

b) Cách thức tiến hành:

- Giới thiệu một số nguồn học liệu và cách truy cập
- Học viên thực hành truy cập vào các nguồn học liệu

c) Thông tin cơ bản:

Một số nguồn học liệu để học ngôn ngữ kí hiệu

*** Một số nguồn học liệu bằng phần mềm/ các trang web:**

- Bộ từ điển 6.000 kí hiệu của dự án. [2]

Cách truy cập: Theo đường link dự án cung cấp

- 150 bài dạy Toán và Tiếng Việt bằng ngôn ngữ kí hiệu của dự án [3]

Cách truy cập: Theo đường link dự án cung cấp

- 100 bài dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình [10]

- Cách truy cập: Vào google → gõ vào tìm kiếm “Dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình bài 1” → www.youtube.com. Các bài tiếp theo cứ tìm kiếm như vậy và ghi số thứ tự của bài muốn tìm kiếm.

- 5 kí hiệu mỗi ngày [5]

- Cách truy cập: Vào google → gõ vào tìm kiếm “5 kí hiệu mỗi ngày tập 1” → www.youtube.com. Các bài tiếp theo cứ tìm kiếm như vậy và ghi số thứ tự của tập muốn tìm kiếm.

- Từ điển ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam. [6]

- Cách truy cập: Vào google → gõ vào tìm kiếm “từ điển ngôn ngữ kí hiệu” → <https://www.tudienngonngukyhieuhieu.com> → mở phần mềm từ điển → đánh từ muốn tra kí hiệu vào ô → màn hình sẽ hiện ra người khiếm thính làm kí hiệu đó.
- ❖ Hiện nay, các nguồn học liệu bằng các phần mềm/trang web để tự học ngôn ngữ kí hiệu đã phong phú hơn so với trước đây. Việc truy cập vào các phần mềm/trang web không quá khó và phức tạp đối với giáo viên/người học. Việc tự học ngôn ngữ kí hiệu thông qua các phần mềm/ trang web rất dễ dàng, tiện lợi vì giáo viên/người học có thể dễ dàng quan sát được người khiếm thính làm các kí hiệu, đặc biệt là dễ quan sát được các cử chỉ, điệu bộ, biểu cảm khuôn mặt để học và làm theo các kí hiệu đó. Do đó, các giáo viên dạy học sinh khiếm thính nên tận dụng các nguồn học liệu bằng phần mềm/trang web để tự học ngôn ngữ kí hiệu, nâng cao vốn kí hiệu của bản thân để có thể dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính một cách hiệu quả và dễ dàng hơn.

Một số nguồn học liệu bằng sách/tài liệu in

- *Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật (2020)*, Bộ Giáo dục và Đào tạo. [1]

- *“Giáo trình ngôn ngữ kí hiệu thực hành”*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội. Các tác giả: Trần Thị Thiệp (chủ biên), Bùi Thị Anh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Hương, Vương Hồng Tâm. Năm xuất bản 2016. [11]

- Bộ sách *“Kí hiệu của người điếc Việt Nam”*- 3 tập. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (dự án giáo dục hòa nhập cho trẻ khiếm thính) năm 2003. [4]

✚ Tự học ngôn ngữ kí hiệu thông qua các nguồn học liệu bằng sách/tài liệu in có nhiều khó khăn hơn so với học ngôn ngữ kí hiệu qua các phần mềm/trang web vì các hình vẽ kí hiệu trong sách/tài liệu rất khó để hiểu và quan sát được hình dạng bàn tay, chiều hướng của bàn tay hoặc chuyển động của tay, đặc biệt là các cử chỉ, biểu cảm nét mặt.

✚ Khi tự học ngôn ngữ kí hiệu qua các hình vẽ kí hiệu trong sách/tài liệu in, giáo viên/người học cần lưu ý:

- Trình tự làm kí hiệu được thể hiện trong hình vẽ bằng cách đánh số thứ tự 1, 2, 3... hoặc được thể hiện bằng nét đứt và nét liền. Khi nhìn vào hình vẽ kí hiệu, hãy làm theo trình tự các số từ số 1 đến các số tiếp theo; hoặc làm kí hiệu theo trình tự nét đứt trước rồi đến nét liền. Ví dụ: kí hiệu "Chim bồ câu"; kí hiệu "Giày". [11]

Chim bồ câu

Giày

- Nhìn vào mũi tên có trong mỗi hình vẽ kí hiệu để biết chuyển động của tay. Mỗi mũi tên thể hiện những điều sau :

+ Mũi tên chỉ hướng chuyển động của tay. Ví dụ: kí hiệu "ông" mũi tên hướng xuống nên chuyển động của tay là kéo tay xuống dưới. Hoặc kí hiệu "người" mũi tên hướng sang phải nên chuyển động của tay là kéo tay về bên phải. [11]

Ông

Người

+ Độ dài mũi tên chỉ độ dài tương ứng của chuyển động tay. Mũi tên vẽ dài thì chuyển động dài, mũi tên vẽ ngắn thì chuyển động ngắn. Ví dụ: kí hiệu "Mệt" chuyển động ngắn; kí hiệu "Chải đầu" chuyển động dài hơn. [11]

Mệt

Chải đầu

+ Số mũi tên chỉ số lần chuyển động. Có những hình vẽ minh họa rõ số mũi tên. Ví dụ kí hiệu "Vui" (kí hiệu Hà Nội) (mỗi tay hai mũi tên nên mỗi tay chuyển động hai lần). Có những hình vẽ chỉ minh họa bằng phần đầu mũi tên. Ví dụ kí hiệu "Bò" (kí hiệu Hà Nội) (phần đầu mũi tên được vẽ hai lần nên tay chuyển động hai lần). [11]

Vui

Bò

+ Mũi tên chỉ chuyển động lặp lại từ điểm này tới điểm khác. Ví dụ kí hiệu "cá heo" (kí hiệu Hà Nội) hoặc kí hiệu "biển".

[11]

Cá heo

Biển

+ Có một số hình vẽ không có mũi tên có nghĩa là tay giữ nguyên. Ví dụ kí hiệu "bó" [11]



Bó

- Ngoài ra, có một số sách/tài liệu, bên cạnh hình vẽ kí hiệu có viết mô tả cách làm kí hiệu bên dưới mỗi kí hiệu. Hãy kết hợp nhìn hình vẽ với đọc mô tả cách làm kí hiệu đó để làm kí hiệu được dễ dàng, chính xác.
- Hoặc một số sách/tài liệu có chú thích quy ước chiều mũi tên ở đầu quyền sách/tài liệu. Giáo viên/người học xem các chú thích đó để thể hiện chuyển động của tay

Hoạt động 7: Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu được các cách thức sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính.
- Vận dụng ngôn ngữ kí hiệu để dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính

b) Cách tiến hành

- Xem video clip về cách sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính.
- Trình bày một số cách thức sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính.
- Thực hành thiết kế và tổ chức một hoạt động dạy học có sử dụng ngôn ngữ kí hiệu (theo nhóm)

**Một số cách thức sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp
với học sinh khiếm thính**

Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ thứ nhất của học sinh khiếm thính/song ngữ

- Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ thứ nhất của học sinh khiếm thính/song ngữ là cách thức sử dụng ngôn ngữ kí hiệu theo đúng trật tự ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu, coi việc học bằng ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ thứ nhất của học sinh khiếm thính, học ngôn ngữ nói là ngôn ngữ thứ hai của học sinh.
- Học sinh khiếm thính sẽ phát triển cả hai ngôn ngữ, học sinh được giao tiếp, học tập bằng ngôn ngữ kí hiệu và học đọc, học viết theo ngôn ngữ nói.
- Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ thứ nhất của học sinh khiếm thính cũng chính là việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của chính học sinh khiếm thính. Đây được coi là một cách thức lý tưởng, mang lại nhiều lợi ích cho học sinh, giúp học sinh khiếm thính dễ dàng hiểu bài, tự tin giao tiếp với giáo viên và bạn bè.
- Cách thức này sẽ phù hợp hơn khi có giáo viên chính là những người khiếm thính dạy cho học sinh khiếm thính bởi giáo viên là người khiếm thính thì ngôn ngữ kí hiệu chính là ngôn ngữ thứ nhất của họ.
- Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ thứ nhất của học sinh khiếm thính/song ngữ trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính đòi hỏi giáo viên phải có khả năng sử dụng thành thạo 2 ngôn ngữ: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ kí hiệu theo đúng cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu, cũng như am hiểu về hai nền văn hóa: văn hóa của người nói và văn hóa của cộng đồng người khiếm thính.
- Mặc dù đây là cách thức lý tưởng trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính nhưng trong điều kiện hiện nay, cách thức này đang gặp phải những bất cập nhất định, chẳng hạn như: hiện nay số lượng giáo viên là người khiếm thính còn quá ít, chưa đáp ứng đủ nhu cầu của học sinh; đa số giáo viên dạy ở các lớp hòa nhập học sinh khiếm thính đều là người nghe bình thường. Dù đã được tập huấn hay chưa được tập huấn về phương pháp dạy học sinh khiếm thính, dù đã biết ngôn ngữ kí hiệu hay chưa biết ngôn ngữ kí hiệu thì các giáo viên là người nghe bình thường, ngôn ngữ mẹ đẻ của họ là ngôn ngữ nói nên rất khó để có thể sử dụng ngôn ngữ kí hiệu như là ngôn ngữ thứ nhất; trong các trường hòa nhập, bạn bè của học sinh khiếm thính chủ yếu là học sinh nghe nói bình thường nên để các em có thể sử dụng ngôn ngữ kí hiệu thành thạo ngôn ngữ kí hiệu như là ngôn ngữ thứ nhất cũng là điều rất khó; ngoài ra, dù học ở trường chuyên biệt hay hòa nhập, học sinh khiếm thính vẫn phải học các môn học theo sách giáo khoa của chương

trình phổ thông bình thường (có sự giảm tải hoặc điều chỉnh). Các bài học trong sách giáo khoa vẫn theo trật tự ngôn ngữ nói. Vì vậy, học sinh khiếm thính sẽ gặp khó khăn trong việc hiểu văn bản, viết câu, viết văn, dùng từ...

Sử dụng kí hiệu hỗ trợ lời nói

- Sử dụng kí hiệu hỗ trợ lời nói trong dạy học học sinh khiếm thính là việc giáo viên vừa sử dụng lời nói kết hợp với làm kí hiệu trong quá trình giảng dạy, hay nói cách khác, giáo viên vừa đồng thời sử dụng miệng để nói, vừa sử dụng tay để làm các kí hiệu. [8]

- Trong thực tế hiện nay, nhiều giáo viên chưa có khả năng ngôn ngữ kí hiệu thành thạo, đặc biệt là giáo viên trong các trường hòa nhập dạy học sinh khiếm thính, do đó trong giao tiếp với học sinh khiếm thính, giáo viên chủ yếu sử dụng kí hiệu kết hợp với lời nói (theo trật tự diễn đạt của tiếng Việt).

Có những cách thức sử dụng kí hiệu hỗ trợ lời nói như sau:

- * Kết hợp vừa nói vừa đánh vần chữ cái những từ khó hoặc từ chưa có kí hiệu.
- * Kết hợp vừa nói vừa làm kí hiệu, các kí hiệu sẽ theo trật tự ngôn ngữ nói hoặc kí hiệu để minh họa cho một số từ chính trong câu, chứ không theo ngữ pháp ngôn ngữ kí hiệu.

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

- 1) Ngôn ngữ kí hiệu là gì? Phân tích các đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu? Cho ví dụ minh họa?
- 2) Phân tích các thành tố của kí hiệu? Cho ví dụ minh họa?
- 3) Mô tả các kí hiệu theo các thành tố đã học?
- 4) Phân tích các đặc điểm đặc trưng về ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu? Cho ví dụ minh họa?
- 5) Phân tích các cách vận dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính?

2. Bài tập thực hành

- 1) Thực hành làm kí hiệu bằng chữ cái ngón tay, số tự nhiên.
- 2) Thực hành làm kí hiệu đánh chữ cái ngón tay một số tên gọi, địa điểm
- 3) Thực hành làm các kí hiệu theo các chủ đề đã học.
- 4) Tìm hiểu và sưu tập các câu hoặc đoạn văn bằng chữ viết hoặc thể hiện bằng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính có ảnh hưởng bởi ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu.

5) Quay lại một đoạn hoặc một hoạt động dạy học trong đó có vận dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học và giao tiếp với học sinh khiếm thính.

IV. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào Tạo (2020), *Bộ chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật*, Hà Nội.
2. Dự án QUIPEDC (2019), *6000 kí hiệu*, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Ngân hàng thế giới.
3. Dự án QUIPEDC (2019), *150 bài dạy Toán và Tiếng Việt cấp tiểu học*, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Ngân hàng Thế giới.
4. Dự án giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính (2004), *Kí hiệu của người điếc Việt Nam, Bộ 3 tập*, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và Tổ chức Pearl S. Buck.
5. Dự án IDEO (2015), chương trình “5 kí hiệu mỗi ngày”. www.youtube.com
6. Giáo dục sáng tạo. (2017). *Từ điển ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*. <https://www.tudienngonngukyhieu.com>.
7. Cao Thị Xuân Mỹ (chủ biên), Trần Thị Ngọc Lan. (2017). *Kí hiệu ngôn ngữ và ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Bùi Thị Anh Phương (2015), Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu hỗ trợ trong dạy học hòa nhập học sinh khiếm thính cấp tiểu học, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Volume 60, Number 6BC, tr187-193.
9. Sandy Niemann, Deborah Greenstein, Darlena David (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
10. Vương Hồng Tâm, Bùi Thị Anh Phương, Phạm Thị Trang, Lê Tố Uyên (2012), *Dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình*. <http://www.youtube.com>.
11. Trần Thị Thiệp (chủ biên), Bùi Thị Anh Phương, Nguyễn Thị Cẩm Hương, Vương Hồng Tâm (2016) *Giáo trình Ngôn ngữ kí hiệu thực hành*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

Tiếng Anh

12. Kyle I.G., Woll B. with Pullen G., Maddix F. (2002), *Sign Language*, Cambridge University, United Kingdom.

Chủ đề 3. KĨ NĂNG SƯ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

DẠY HỌC SINH KHIẾM THÍNH

(5 tiết lí thuyết, 5 tiết thực hành, 5 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Xác định được khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính.
- Thực hiện được kĩ năng điều chỉnh trong dạy học đối với học sinh khiếm thính.
- Xây dựng được kế hoạch bài học cho học sinh khiếm thính.

- Vận dụng một cách sáng tạo các kỹ năng dạy học đặc thù đối với học sinh khiếm thính trong các bài học cụ thể đảm bảo phù hợp với khả năng, nhu cầu của các em và điều kiện thực tế của nhà trường.

2. Phẩm chất

- Tôn trọng khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính.
- Tích cực học hỏi và rèn luyện các kỹ năng sư phạm trong giáo dục học sinh khiếm thính.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Kỹ năng tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính

Hoạt động 1: Xác định nội dung cần tìm hiểu về khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên xác định được tầm quan trọng và các nội dung cần tìm hiểu về khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Đàm thoại về tầm quan trọng của việc tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính.
- Thảo luận nhóm về nội dung tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính.

c) Thông tin cơ bản:

Tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính

Tầm quan trọng của việc tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính

- Là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, điều chỉnh nội dung dạy học và sử dụng các phương pháp dạy học để giúp học sinh khiếm thính có thể học được và học tập tiến bộ.[1]
- Là cơ sở để đánh giá kết quả giáo dục và sự tiến bộ trong học tập của học sinh khiếm thính.[5]

Nội dung tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính

Tìm hiểu về khả năng nghe của học sinh khiếm thính:

- + Giáo viên cần biết học sinh còn nghe được những âm thanh nào, tai nào nghe tốt hơn, khi nào thì nghe tốt, học sinh có sử dụng thiết bị trợ thính không? Thiết bị trợ thính giúp ích như thế nào? Từ đó, giáo viên biết cách tận dụng sức nghe còn lại và tạo môi trường nghe tốt cho học sinh khiếm thính.
- + Khi tìm hiểu, giáo viên có thể sử dụng những câu hỏi như sau:
 - ✓ Học sinh được phát hiện khiếm thính từ khi nào? Khiếm thính mức độ mấy?
 - ✓ Tai nào của học sinh nghe tốt hơn?
 - ✓ Học sinh có thiết bị trợ thính không? Thiết bị loại nào?

- ✓ Khi sử dụng thiết bị trợ thính, học sinh có nghe rõ hơn không?
- ✓ Nói to, gọi to học sinh có nghe được không?
- ✓ Học sinh còn nghe được những âm nào? Trong trường hợp nào học sinh nghe tốt nhất?

- Tìm hiểu về khả năng ngôn ngữ và giao tiếp:

- + Giáo viên cần biết học sinh khiếm thính có nói được hay không, chất lượng tiếng nói như thế nào, học sinh có dùng ngôn ngữ kí hiệu hay không, chất lượng giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu có tốt không. Từ đó, giáo viên xác định được cách thức giao tiếp phù hợp, hiệu quả với học sinh khiếm thính.
- + Khi tìm hiểu, giáo viên có thể sử dụng những câu hỏi như sau:

Về ngôn ngữ nói:

- ✓ Tiếng nói của học sinh nghe dễ hay khó? Có phân biệt được các âm trong tiếng nói của học sinh không?
- ✓ Học sinh thường nói sai âm, vần, thanh điệu nào?
- ✓ Học sinh nói được cả câu hay nhất gừng, nói chậm?
- ✓ Giọng nói của học sinh như thế nào: giọng bình thường, giọng yếu, giọng cao, giọng mũi hay không có giọng?

Về ngôn ngữ kí hiệu:

- ✓ Học sinh sử dụng ngôn ngữ kí hiệu nhiều hay ít?
- ✓ Học sinh thường sử dụng trong trường hợp nào? Khi nào là nhiều nhất?
- ✓ Vốn từ hiểu và vốn từ diễn đạt bằng ngôn ngữ kí hiệu như thế nào?
- ✓ Học sinh dùng kí hiệu theo trật tự ngữ pháp của ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ kí hiệu?

Về giao tiếp:

- ✓ Học sinh thường xuyên giao tiếp với ai (ở nhà và trên lớp)?
- ✓ Khi nào học sinh thường giao tiếp với người khác?
- ✓ Học sinh có chủ động trò chuyện, làm quen, trao đổi với người khác không?
- ✓ Khi đó, học sinh sử dụng lời nói hay cử chỉ điệu bộ, hay ngôn ngữ kí hiệu?

- Tìm hiểu về khả năng nhận thức

- + Khi có những thông tin về khả năng tư duy, tưởng tượng, ghi nhớ... của học sinh khiếm thính, giáo viên sẽ có những yêu cầu về nội dung, kĩ năng phù hợp và tìm ra những phương pháp dạy học phù hợp.
- + Những câu hỏi thường dùng:
 - ✓ Học sinh phát hiện hình bị thiếu trong tranh vẽ nhanh hay chậm? (trí giác nhìn)
 - ✓ Sau khi nhìn, học sinh có nhớ lại được số hình bị lấy mất đi không? (trí nhớ ngắn hạn)
 - ✓ Học sinh có phát hiện được điểm giống nhau và khác nhau của hai bức tranh

không? (so sánh, phân tích)

- ✓ Học sinh có tìm được điểm giống nhau chung của hai bức tranh không? (tổng hợp)
- ✓ Học sinh có vẽ thêm được hình còn thiếu vào ô trống trong chuỗi hình hoạt động không? (tưởng tượng)
- ✓ Học sinh học môn học nào tốt nhất? Môn học nào ưa thích nhất?

- *Tìm hiểu về khả năng hoà nhập cộng đồng:*

+ Giáo viên cần biết học sinh khiếm thính có thể kết hợp với bạn bè như thế nào trong quá trình học tập, thái độ, tâm lý của học sinh như thế nào? Từ đó, giáo viên thay đổi cách sắp xếp môi trường học tập, lựa chọn hình thức và cách thức học tập, làm việc của lớp học sao cho hiệu quả.

+ Những câu hỏi thường dùng:

- ✓ Học sinh khiếm thính thường chơi với ai? Có vui vẻ với bạn bè không?
- ✓ Có giúp đỡ và kết hợp với bạn bè hay không? Khi nào?
- ✓ Có kiên trì không? Có hay cáu giận không? Có hay phá phách không? Khi nào?
- ✓ Học sinh thích tham gia hoạt động nào? Với ai? Khi nào?
- ✓ Có hành vi nào còn sai trái? Do chưa biết hay lí do gì?

Sau khi đặt ra những câu hỏi này, giáo viên cần đưa ra kết luận về điểm mạnh và những nhu cầu cần hỗ trợ đối với học sinh khiếm thính theo các tiêu chí: Khả năng nghe; Khả năng phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; Khả năng phát triển nhận thức; Khả năng hoà nhập cộng đồng.

Hoạt động 2: Lựa chọn và vận dụng các phương pháp để tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt

- Học viên xác định được phương pháp tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Vận dụng các phương pháp để tìm hiểu khả năng, nhu cầu của một học sinh khiếm thính cụ thể.

b) Cách thức tiến hành

- Thảo luận về các phương pháp tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính.
- Thực hành theo nhóm: tìm hiểu khả năng, nhu cầu của 1 học sinh khiếm thính cụ thể

c) Thông tin cơ bản

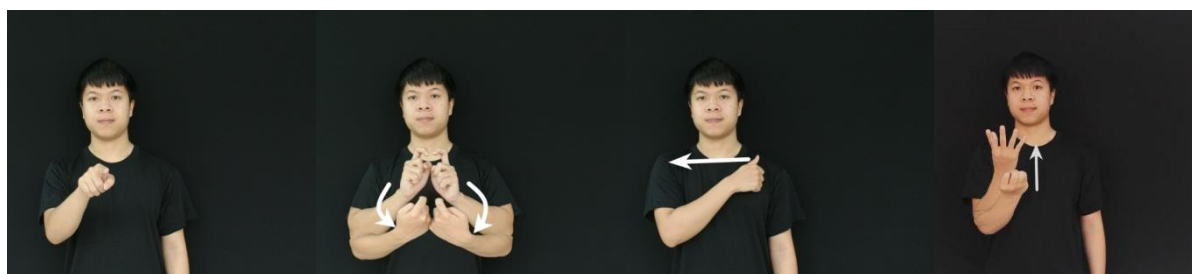
Phương pháp tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính
Kiểm tra trực tiếp

Để tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính, giáo viên có thể thực hiện các bài kiểm tra trực tiếp như:

- + Sử dụng các dụng cụ phát ra âm thanh (trống, thanh la, chuông...), 6 âm Ling, ngôn ngữ để kiểm tra khả năng nghe của học sinh khiếm thính.
- + Sử dụng bảng từ thử để kiểm tra khả năng phát âm của học sinh khiếm thính.
- + Sử dụng danh sách từ vựng theo chủ đề để kiểm tra vốn từ về ngôn ngữ nói và vốn từ về ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính.
- + Giao tiếp với học sinh khiếm thính để tìm hiểu về khả năng ngôn ngữ, giao tiếp của các em.
- + Sử dụng các bài trắc nghiệm, phiếu bài tập để tìm hiểu khả năng nhận thức, tư duy của học sinh khiếm thính...

Ví dụ: Giáo viên giao tiếp với HS khiếm thính để tìm hiểu khả năng NNKH của HS

- Gia đình em có mấy người?



EM

GIA ĐÌNH

NGƯỜI

MẤY?

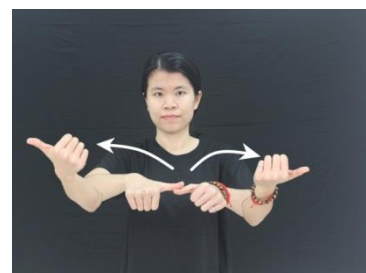
- Nhà của em ở đâu?



NHÀ

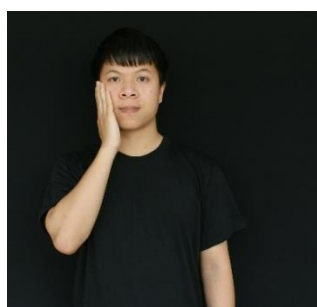


CỦA EM

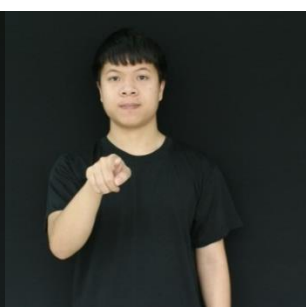


Ở ĐÂU?

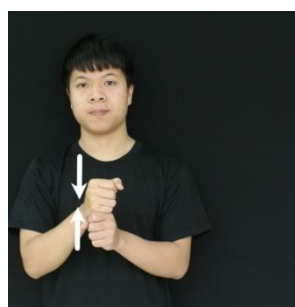
- Mẹ em làm gì?



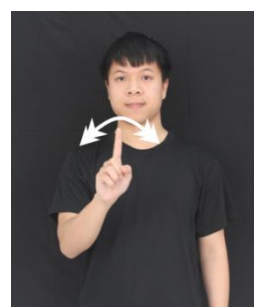
MẸ



EM



LÀM



GÌ?

Phương pháp quan sát

Qua quan sát có thể thu thập được nhiều thông tin về học sinh khiếm thính ở nhiều lĩnh vực như: ngôn ngữ, giao tiếp, hành vi, tính cách, khả năng nhận thức, khả năng hòa nhập cộng đồng, khả năng lao động hướng nghiệp.

Có 2 cách quan sát đó là quan sát có chủ đích và quan sát tự nhiên:

+ *Quan sát có chủ đích:* được thực hiện theo kế hoạch, có sự thiết kế và can thiệp của người quan sát để đảm bảo thu thập được những thông tin cần thiết về học sinh khiếm thính.

+ *Quan sát tự nhiên:* Là việc ghi lại những hành vi của học sinh khiếm thính khi nó xuất hiện ở những hoàn cảnh khác nhau. *Ví dụ:* sự liên hệ của học sinh khiếm thính với bạn trong giao tiếp (học sinh có thể chủ động hay bị động? học sinh tỏ ra độc lập hay phụ thuộc trong các hoạt động cùng nhau?...).

Phương pháp phỏng vấn

Để tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính, giáo viên có thể trao đổi với cha mẹ, người chăm sóc, các giáo viên đã trực tiếp giảng dạy, bạn cùng lớp với học sinh khiếm thính...

Tùy vào nội dung muốn tìm hiểu, giáo viên cần chuẩn bị hệ thống câu hỏi phù hợp, có thể dựa vào các câu hỏi gợi ý ở hoạt động trên để xây dựng hệ thống câu hỏi phỏng vấn phù hợp với đối tượng và mục đích phỏng vấn.

Phương pháp nghiên cứu hồ sơ

Giáo viên có thể tìm hiểu những thông tin cần thiết từ hồ sơ của học sinh khiếm thính, như: thính lực đồ, phiếu khám để xác định mức độ mất thính lực và khả năng nghe của học sinh khiếm thính, bản kế hoạch giáo dục cá nhân, kết quả học tập, các bản nhận xét, đánh giá về học sinh khiếm thính ở các năm học trước; các sản phẩm của học sinh khiếm thính...

2. Kỹ năng điều chỉnh trong dạy học học sinh khiếm thính

Hoạt động 3: Xác định những vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

Học viên xác định được các vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Xem clip minh họa một nội dung dạy học hòa nhập học sinh khiếm thính, xác định và nhận xét về việc điều chỉnh của giáo viên trong đoạn clip đó.

- Thảo luận về những vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

c) Thông tin cơ bản:

Những vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học học sinh khiếm thính

Trong dạy học đối với học sinh khiếm thính cấp tiểu học, giáo viên cần điều chỉnh tất cả các thành tố của quá trình dạy học [5]:

- *Điều chỉnh mục tiêu bài học:* Trên cơ sở xác định rõ các khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính, giáo viên cần đề ra các mục tiêu phù hợp, không đặt ra các mục tiêu quá mơ hồ, xa vời với khả năng thực tế của các em hay không quá dễ, đánh giá thấp khả năng của các em, đồng thời vẫn nằm trong mục tiêu chung của chương trình. Bên cạnh đó, giáo viên cần đặc biệt chú ý đến mục tiêu hình thành, phát triển kĩ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính.
- *Điều chỉnh nội dung dạy học:* Khi điều chỉnh nội dung dạy học cho học sinh khiếm thính, giáo viên nên chọn những nội dung cơ bản nhất, thiết thực nhất với mức độ yêu cầu cần đạt thấp hơn sao cho phù hợp với khả năng và đặc điểm của học sinh khiếm thính.
- *Điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:* Giáo viên cần dựa trên các khó khăn đặc trưng của học sinh khiếm thính để lựa chọn và sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp, cần đặc biệt coi trọng phương pháp đa giác quan, trong đó trực quan có vai trò quan trọng. Khi tổ chức tiết học trên lớp, giáo viên cần chú ý điều chỉnh một số thói quen nhằm giúp cho học sinh khiếm thính có thể tiếp cận tốt nhất với thông tin, nội dung bài học. Cụ thể:
 - + Giáo viên cần đứng ở vị trí mà học sinh dễ nhìn thấy khuôn mặt, kí hiệu của giáo viên khi giảng bài.
 - + Tạm dừng làm kí hiệu khi chuyển sang viết trên bảng.
 - + Nên tránh đứng trước cửa sổ nơi có thể bị ngược sáng.
 - + Sắp xếp chỗ ngồi của học sinh theo hình bán nguyệt để tất cả học sinh có thể nhìn thấy cô và các bạn.
 - + Yêu cầu học sinh trong lớp khi có ý kiến luôn giơ tay trước khi trình bày ý kiến.
 - + Giáo viên nhắc lại các câu hỏi, câu trả lời của bạn cùng lớp bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính.
 - + Cuối cùng, tốt nhất là liệt kê tất cả từ mới trước khi bắt đầu lớp học, chuẩn bị kí hiệu và cách giải nghĩa từ đó cho học sinh khiếm thính.
- *Điều chỉnh môi trường học tập:*
 - + Thiết kế môi trường nghe tốt nhất cho học sinh khiếm thính sử dụng phương tiện trợ

thính như:

- ✓ Sử dụng thảm trải sàn để hạn chế tối đa tiếng động nền gây khó chịu cho học sinh có sử dụng phương tiện trợ thính.
- ✓ Bọc chân bàn, ghế thay cho thảm trải sàn.
- ✓ Sử dụng rèm cho cửa sổ, cửa ra vào để hạn chế tiếng ồn từ bên ngoài và hạn chế sự vang dội của âm thanh do cửa kính.
- ✓ Trang trí tạo sự hấp dẫn của tường để hạn chế sự vang dội âm thanh.
- ✓ Sử dụng hệ thống FM để tạo thuận lợi cho việc nghe âm thanh lời nói, hạn chế thông tin bị nhiễu bởi tiếng động nền.
- ✓ Sắp xếp chỗ ngồi theo hình bán nguyệt đảm bảo học sinh khiếm thính được gần giáo viên nhất trong lớp học...

+ Thiết kế môi trường phù hợp đối với học sinh khiếm thính dùng ngôn ngữ kí hiệu:

- ✓ Sử dụng đèn chiếu sáng để đảm bảo đủ ánh sáng cho học sinh khiếm thính có thể nhìn thấy kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, nét mặt của giáo viên và các bạn.
- ✓ Sắp xếp chỗ ngồi đảm bảo đủ khoảng cách để học sinh khiếm thính sử dụng ngôn ngữ kí hiệu có không gian làm kí hiệu trong giờ học.
- ✓ Giáo viên học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp tốt hơn với học sinh khiếm thính và tạo sự tôn trọng với học sinh.
- ✓ Khuyến khích học sinh trong lớp học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp với học sinh khiếm thính.
- ✓ Chọn vị trí đứng giảng bài sao cho học sinh khiếm thính dễ dàng quan sát, tránh vừa giảng bài vừa đi lại, vừa kí hiệu vừa quay lại viết bảng...
- ✓ Giáo viên không nên mặc những bộ quần áo bắt mắt, nhiều màu sắc sặc sỡ, quá nhiều chi tiết hoặc đeo quá nhiều trang sức, trang điểm quá cầu kỳ, đậm nét sẽ làm học sinh khiếm thính mất tập trung và khó quan sát kí hiệu.

- *Điều chỉnh cách kiểm tra, đánh giá đối với học sinh khiếm thính:* Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học cần đảm bảo các quy định chung trong đánh giá học sinh tiểu học, song cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với học sinh khiếm thính. Đánh giá học sinh khiếm thính cần đảm bảo các nguyên tắc sau: (1) Đánh giá trên cơ sở khả năng, nhu cầu và kế hoạch giáo dục cá nhân của học sinh khiếm thính; (2) Bám sát vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung chương trình dạy học đã điều chỉnh đối với học sinh khiếm thính; (3) Đánh giá theo hướng khuyến khích động viên những tiến bộ dù là nhỏ nhất của học sinh khiếm thính, tạo niềm tin cho các em có chí hướng vươn lên và đạt kết quả học tập tốt hơn.[1]

Hoạt động 4: Tìm hiểu và vận dụng các phương pháp điều chỉnh trong dạy học cho học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên chỉ ra được các phương pháp điều chỉnh trong dạy học cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học;
- Vận dụng được các phương pháp điều chỉnh vào thiết kế nội dung dạy học cho phù hợp với khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính.

b) Cách thức tiến hành:

- Trao đổi nhóm về các phương pháp điều chỉnh trong dạy học cho học sinh khiếm thính.
- Thực hành vận dụng các phương pháp điều chỉnh vào thiết kế một hoạt động dạy học cho học sinh khiếm thính.

c) Thông tin cơ bản:

Các phương pháp điều chỉnh trong dạy học học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Để thực hiện các điều chỉnh cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính, giáo viên cần:

- Tìm căn cứ để điều chỉnh: (1) Căn cứ vào khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính; (2) Căn cứ vào mục tiêu, nội dung chương trình môn học, bài học; (3) Căn cứ vào điều kiện, nguồn lực thực tế của giáo viên và của nhà trường.
- Xác định những nội dung cần điều chỉnh và lựa chọn phương pháp điều chỉnh.
- Xác định thời điểm điều chỉnh
- Lựa chọn cách điều chỉnh phù hợp nhất để học sinh khiếm thính có thể tham gia vào bài học hiệu quả mà không ảnh hưởng đến các học sinh nghe ở trong lớp.

Có 4 phương pháp điều chỉnh mà giáo viên có thể lựa chọn áp dụng trong từng hoạt động dạy học:

- **Điều chỉnh đồng loạt:** Tất cả học sinh trong lớp đều hướng tới mục tiêu học tập chung trong cùng một hoạt động. Giáo viên thay đổi hình thức học tập của lớp, với sự hỗ trợ nhất định từ giáo viên và các bạn, học sinh khiếm thính tham gia hoạt động với mức độ yêu cầu như các học sinh nghe.

Ví dụ: Trong môn Toán lớp 3, Tiết 20: Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ), học sinh khiếm thính có thể thực hiện mục tiêu, nội dung học tập theo chương trình nhưng thay vì giáo viên chỉ hướng dẫn bằng lời thì giáo viên hướng dẫn bằng ngôn ngữ kí hiệu, kết hợp với việc sử dụng phương pháp trực quan.

- **Điều chỉnh đa trình độ:** Học sinh khiếm thính cùng tham gia vào một bài học trong cùng một chương trình nhưng với mục tiêu học tập ở mức độ nhận thức khác nhau dựa trên trình độ nhận thức và nhu cầu của mỗi học sinh. Thông thường, giáo viên xác định mức độ nhận thức của học sinh khiếm thính thấp hơn so với các học sinh nghe.

Ví dụ: Trong khi học sinh nghe cần biết vận dụng, áp dụng kiến thức, kỹ năng vào tình huống khác mẫu hoặc tình huống thực tế, thì học sinh khiếm thính cần biết nêu lại, nhắc lại, thực hiện lại hành vi theo mẫu (mức độ biết và hiểu). Cũng có thể, trong số rất nhiều mục tiêu cần đạt được của bài học, giáo viên tập trung hình thành cho học sinh khiếm thính một hoặc hai mục tiêu quan trọng nhất.

- **Điều chỉnh trùng lặp giáo án:** Học sinh khiếm thính tham gia trong cùng một bài học, chung ngữ liệu nhưng theo đuổi mục tiêu học tập khác với mục tiêu chung của cả lớp.

Ví dụ: Khi các học sinh nghe luyện đọc rõ ràng, đọc diễn cảm thì học sinh khiếm thính học kí hiệu về các từ có trong bài tập đọc để mở rộng vốn kí hiệu của bản thân.

- **Điều chỉnh thay thế:** Nếu có những nội dung học tập mà học sinh khiếm thính không thể tham gia vào các hoạt động học tập chung của lớp học thì giáo viên cần áp dụng phương pháp điều chỉnh thay thế, lựa chọn nội dung học tập của học sinh khiếm thính trong giờ học đó khác hoàn toàn so với các học sinh nghe ở trong lớp. Phương pháp này chỉ được sử dụng khi không thể sử dụng được ba phương pháp điều chỉnh nêu trên.

Ví dụ: Trong môn Tiếng Việt, cả lớp đang học bài chính tả nghe - viết thì học sinh khiếm thính được thay thế bằng bài chính tả tập chép hoặc nhìn - viết.

3. Kỹ năng xây dựng kế hoạch bài học ở lớp học có học sinh khiếm thính

Hoạt động 5: Thiết kế mục tiêu học tập cho học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

Học viên thiết kế được mục tiêu học tập phù hợp với học sinh khiếm thính theo mục tiêu hành vi.

b) Cách thức tiến hành:

- Thảo luận về những lưu ý khi thiết kế mục tiêu học tập cho học sinh khiếm thính
- Thực hành thiết kế mục tiêu học tập cho học sinh khiếm thính

c) Thông tin cơ bản:

Thiết kế mục tiêu học tập cho học sinh khiếm thính

Những lưu ý khi thiết kế mục tiêu học tập cho học sinh khiếm thính

- Xác định xem học sinh khiếm thính sẽ lĩnh hội lượng kiến thức và sử dụng những kiến thức đó ở mức độ nào, sẽ hình thành những kỹ năng và thái độ ở mức độ nào.
- Lồng ghép mục tiêu phát triển ngôn ngữ kí hiệu, giao tiếp vào các bài học phù hợp đối với học sinh khiếm thính.
- Áp dụng các phương pháp điều chỉnh để thiết kế mục tiêu học tập phù hợp cho học sinh khiếm thính: có thể thay thế mục tiêu của bài học này bằng mục tiêu của bài học khác, nghĩa là cho học sinh khiếm thính học một bài học khác trong cùng

thời gian đó (trùng lặp giáo án trong một tiết dạy). Cũng có thể đặt ra những mức độ yêu cầu nhận thức khác nhau cho mỗi đối tượng học sinh (mục tiêu đa trình độ nhận thức) trong đó có những mục tiêu phù hợp với học sinh khiếm thính. Thông thường, giáo viên xác định mức độ nhận thức của học sinh khiếm thính nhẹ hơn so với các học sinh nghe.

Ví dụ: Với bài tập đọc, thông thường mục tiêu của học sinh nghe là hiểu được nội dung toàn bài đọc, đọc đúng (phát âm đúng, ngắt nghỉ đúng), đọc diễn cảm. Với học sinh khiếm thính có thể *đặt ra những mức độ yêu cầu phù hợp* hơn với khả năng của học sinh đó là: Hiểu được nghĩa của các từ khó, hiểu nội dung của bài hoặc của một đoạn (*quan trọng nhất trong bài*), biết được ý nghĩa của bài. Trả lời được một số câu hỏi đơn giản (*không bắt buộc phải trả lời câu hỏi có tính chất tổng hợp*); Đọc bài bằng ngôn ngữ kí hiệu.

Thiết kế mục tiêu học tập theo mục tiêu hành vi

Một mục tiêu bài học được xác định theo kiểu mục tiêu hành vi khi bao gồm 4 yếu tố sau:

1. Điều kiện để học sinh đạt được mục tiêu
2. Đối tượng học sinh thực hiện mục tiêu hành vi
3. Những hành vi học sinh cần thực hiện có thể “quan sát được”, “đo” được.
4. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện hành vi của học sinh

Ví dụ: Mục tiêu hành vi đối với học sinh khiếm thính (Minh): Được thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi và được giáo viên hướng dẫn bằng ngôn ngữ kí hiệu, được tham gia chơi trò chơi, học sinh Minh biết đặt tính dọc đúng và làm đúng phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ số, nêu được cách làm bằng ngôn ngữ kí hiệu, làm đúng ít nhất 2/3 các phép tính trong 3 bài tập trong sách giáo khoa. (Môn Toán, Lớp 3, Tiết 20: Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).

Hoạt động 6: Thiết kế bài học tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

Học viên thiết kế được các hoạt động tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính trong từng bài học cụ thể.

b) Cách thức tiến hành:

- Thảo luận về cách thiết kế các hoạt động tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính trong bài học.
- Thực hành thiết kế các hoạt động tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính trong một bài học cụ thể.

c) Thông tin cơ bản:

Thiết kế bài học tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính

Để thiết kế bài học tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính, có thể chia bài học thành 3 phần chính: Giới thiệu bài, Phát triển bài và Kết thúc. Trong từng phần của bài giảng, chúng ta có thể sử dụng những biện pháp và kỹ năng giảng dạy cụ thể để học sinh khiếm thính học tập một cách tích cực.

- Giới thiệu bài

Thông thường, một giới thiệu bài có hiệu quả cần đáp ứng được 3 tiêu chí sau:

- + Gây được sự chú ý, hứng thú của học sinh
- + Mọi học sinh được tham gia, nhiều em được tham gia trực tiếp
- + Học sinh thấy được sự cần thiết của bài học

Một số gợi ý đối với giáo viên trong phần giới thiệu bài:

- + Đặt câu hỏi gợi mở và trả lời câu hỏi của học sinh khiếm thính bằng ngôn ngữ kí hiệu kết hợp với cử chỉ điệu bộ.
- + Kích thích suy nghĩ và sở thích của học sinh khiếm thính với đồ vật, tranh ảnh, chuyện và câu hỏi.
- + Dùng đồ dùng giảng dạy để trình bày một tình huống thực sự, kích thích ý tưởng của học sinh và giúp học sinh học tập một cách tích cực.
- + Hướng dẫn học sinh chơi trò chơi
- + Giải thích nội dung chính và để học sinh tự khám phá và tìm hiểu những nội dung còn lại thông qua hoạt động của chính học sinh.

- Phát triển bài

Đây là phần chính của bài nhằm cung cấp cho học sinh khiếm thính những kiến thức, kỹ năng chủ yếu của bài mới. Giáo viên cần có sự sáng tạo và khả năng tổ chức cao nhằm giúp học sinh khiếm thính khai thác nội dung bài học một cách hiệu quả. Một vài gợi ý đối với hoạt động của giáo viên trong phần này là:

- + Hướng dẫn, hỗ trợ và mở rộng suy nghĩ của học sinh khiếm thính bằng cách đặt câu hỏi gợi mở cho học sinh trả lời bằng ngôn ngữ kí hiệu kết hợp với cử chỉ điệu bộ và tăng cường sự hỗ trợ của các hình ảnh, đồ dùng trực quan.
- + Đánh giá mức độ hiểu biết và nhu cầu của từng cá nhân học sinh khiếm thính bằng cách quan sát học sinh trong các hoạt động và đặt câu hỏi.
- + Hỗ trợ cá nhân nếu học sinh khiếm thính có khó khăn khi thực hiện một nhiệm vụ nào đó.
- + Khuyến khích học sinh khiếm thính đặt câu hỏi và tự nói về hoạt động của mình bằng cách sử dụng ngôn ngữ kí hiệu.
- + Chấp nhận cách diễn đạt của học sinh khiếm thính. Tôn trọng ý kiến của học sinh, tránh chê bai làm học sinh nản chí, tự ti.

- + Tổ chức các hoạt động hợp tác nhóm, trò chơi để tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính. Khi tổ chức cần phân công trách nhiệm cho học sinh khiếm thính phù hợp với khả năng của các em như khả năng minh họa bằng hình vẽ, bắt chước...
- + Cung cấp trực quan để hỗ trợ những gì mà giáo viên trình bày. Ví dụ: dùng bản đồ, tranh ảnh, vật thật, máy móc, bảng từ ngữ, ... để minh họa những nội dung mà giáo viên đang giảng. Sử dụng bảng thường xuyên hơn. Viết lên bảng những điểm quan trọng, viết từ mới, phác họa nhanh bằng hình ảnh để minh họa vấn đề mà giáo viên đang đề cập và cung cấp kí hiệu từ mới cho học sinh khiếm thính.

- *Kết thúc bài học:*

Phần kết thúc bài học nhằm giúp học sinh khiếm thính khái quát lại những kiến thức kĩ năng đã học trong bài. Kết thúc bài học cần đảm bảo các tiêu chí cơ bản:

- + Để học sinh khiếm thính tự biểu đạt những phát hiện chính qua bài học.
- + Để học sinh khiếm thính tự tóm tắt những thông tin mới lĩnh hội.
- + Học sinh khiếm thính biết vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn.
- + Xác định các tiêu chí và hình thức đánh giá sau bài học.

Trong hoạt động này, những việc giáo viên cần thực hiện bao gồm:

- ✓ Nhận xét về hoạt động thực hành của học sinh khiếm thính.
- ✓ Tóm tắt những nội dung học tập chính (nên viết lại nội dung học tập chính lên bảng, sử dụng hình vẽ, sơ đồ ngắn gọn để học sinh khiếm thính ghi nhớ nội dung).
- ✓ Đặt câu hỏi về những nội dung học tập chính.
- ✓ Hướng dẫn học sinh khiếm thính tham gia hoạt động/trò chơi để củng cố kiến thức bài học.
- ✓ Kiểm tra kết quả hoạt động của học sinh khiếm thính và khuyến khích học sinh tự sửa lỗi.

Giáo viên có thể tổ chức cho học sinh khiếm thính tham gia hoạt động kết thúc bài thông qua:

- + Trưng bày sản phẩm thực hành quanh lớp
- + Vẽ tranh thể hiện những ý tưởng học tập chính và trình bày trước lớp
- + Báo cáo hoạt động của nhóm và kết quả thảo luận...

4. Kỹ năng đặc thù trong dạy học học sinh khiếm thính ở tiểu học

Hoạt động 7: Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu và hỗ trợ kênh thị giác

a) Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày về cách thức hỗ trợ kênh thị giác cho học sinh khiếm thính
- Mô tả về cách thức sử dụng ngôn ngữ kí hiệu ở lớp có học sinh khiếm thính

- Mô tả trường hợp học sinh khiếm thính ở trường/lớp của mình và cho ví dụ cách thức hỗ trợ thị giác và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu với em đó.

b) Các thức tiến hành:

- Thảo luận nhóm về cách thức hỗ trợ thị giác và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để thuận lợi cho việc quan sát và tiếp thu của học sinh khiếm thính.
- Thực hành thiết kế một nội dung dạy học ngắn 3-5 câu cần trình bày trước lớp có học sinh khiếm thính. Sắm vai thể hiện trình bày đó sao cho thuận lợi việc tiếp thu bằng thị giác và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu.

c) Thông tin cơ bản:

Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu và hỗ trợ kênh thị giác

Học sinh khiếm thính là những em học chủ yếu qua nhìn. Vì thế, việc đảm bảo môi trường tiếp thu thông tin dạy học qua kênh thị giác là điều kiện quan trọng. Thêm nữa, sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong dạy học sẽ giúp học sinh khiếm thính giao tiếp và tư duy thuận lợi hơn, nhưng cũng là thách thức đối với giáo viên nghe.

- Điều kiện thích hợp về ánh sáng, hình ảnh là những yếu tố thiết yếu đảm bảo sự tiếp cận thông tin cho học sinh khiếm thính. Chính vì thế, cần có sự kiểm tra và điều chỉnh các yếu tố này. Dưới đây là một số gợi ý:

- + Điều chỉnh ánh sáng trong lớp học bằng cách bật hoặc tắt số lượng và vị trí đèn phù hợp; đóng hoặc mở cửa sổ hoặc rèm che cửa sổ lớp học. Ánh sáng trong lớp học quan trọng với học sinh nghe thì còn quan trọng hơn nữa với học sinh khiếm thính vì các em liên tục phải nhìn các trình bày của giáo viên cũng như các hành động và trao đổi khác.
- + Sắp xếp chỗ ngồi trong lớp sao cho mọi học sinh đều tiếp cận thông tin cũng hết sức quan trọng. Các học sinh khiếm thính nên được ngồi bàn trên để dễ theo dõi bài học. Tuy thế, sự sắp xếp cũng cần linh hoạt; ví như học sinh đó cao và che bạn ngồi sau, thì có thể để em ngồi bàn trên nhưng ở góc ngoài hoặc trong cùng.
- + Độ cao và khoảng cách của các bàn học so với bảng và/hoặc màn chiếu ảnh hưởng đến tầm nhìn của học sinh và đặc biệt ảnh hưởng đến học sinh khiếm thính. Phải ngược nhìn lên trên lâu sẽ gây mỏi mắt và cổ; nhưng nếu thấp sẽ bị che khuất; và ở xa thì nhìn không rõ. Giáo viên cần kiểm tra lại yếu tố này trước bài học để sắp xếp tầm nhìn rõ ràng cho tất cả học sinh.

- Ngôn ngữ kí hiệu được thể hiện bằng tay và tiếp nhận qua kênh thị giác, có ngữ pháp khác với ngôn ngữ nói. Vì thế, nếu trong lớp có cả học sinh nghe và học sinh khiếm thính thì giáo viên nên trình bày bằng lời trước, sau đó trình bày bằng ngôn ngữ kí hiệu. Cần lưu ý:

- + Luôn trình bày phía trước mặt học sinh khiếm thính



- + Cần huy động thêm các nguồn lực hỗ trợ giao tiếp kí hiệu với học sinh khiếm thính. Các nguồn lực hỗ trợ đa dạng gồm: 1) Bạn học biết sử dụng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính; 2) Các tài liệu in và băng hình hướng dẫn bài học bằng ngôn ngữ kí hiệu (ví dụ, trong dự án QIPEDC, có 150 bài Toán và Tiếng Việt dạy bằng ngôn ngữ kí hiệu); 3) Các nguồn lực hỗ trợ khác như cha mẹ học sinh, người lớn điếc...

Hoạt động 8: Tìm hiểu cách thức và phương tiện giao tiếp phù hợp trong dạy học học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Nêu các phương thức giao tiếp với học sinh khiếm thính
- Mô tả cách thiết lập các quy tắc giao tiếp trong lớp học có học sinh khiếm thính
- Trình bày và thực hiện các cách học thêm vốn ngôn ngữ kí hiệu sử dụng trong dạy học học sinh khiếm thính.

b) Cách thức tiến hành:

- Trao đổi về phương thức giao tiếp phù hợp cho mỗi trường hợp học sinh khiếm thính.
- Thảo luận nhóm về cách thức học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, cách biểu đạt các từ/khái niệm không có sẵn trong vốn ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính.
- Thực hành theo nhóm: Mỗi nhóm lựa chọn 10 từ/khái niệm trừu tượng trong sách giáo khoa Toán và Tiếng Việt; Tìm các ví dụ minh họa mỗi khái niệm đó; Thể hiện các từ/khái niệm đó bằng ngôn ngữ kí hiệu.

c) Thông tin cơ bản:

Cách thức và phương tiện giao tiếp phù hợp trong dạy học học sinh khiếm thính

- Do mỗi học sinh khiếm thính có điều kiện và khả năng nghe-nói khác nhau, cần xác định phương thức giao tiếp phù hợp trong lớp có học sinh này. Có 3 phương thức giao tiếp chính của và với học sinh khiếm thính: 1) giao tiếp nghe-nói; 2) giao tiếp tổng hợp; và 3) giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu.

Điều kiện & khả năng giao tiếp của học sinh khiếm thính	Phương thức giao tiếp phù hợp
1) Có máy trợ thính, nghe-nói được	Giao tiếp bằng lời nói (chú ý đảm bảo môi trường nghe thuận lợi)
2) Có máy trợ thính, nghe được một phần nhưng không nói được	- Giáo viên và học sinh khác: Giao tiếp tổng hợp (kết hợp lời nói, kí hiệu, chữ viết, hình ảnh trực quan, ...) - Học sinh khiếm thính: giao tiếp bằng kí hiệu, có thể kết hợp với chữ viết hoặc phương tiện phi lời nói khác.
3) Không có máy trợ thính, không nghe-nói được	Giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu; tiếp cận song ngữ (ngôn ngữ kí hiệu và chữ viết).

- Ở lớp có học sinh khiếm thính, giáo viên cần thiết lập các quy tắc giao tiếp phù hợp, hỗ trợ truyền đạt và tiếp nhận thông tin cho mọi học sinh. Ví dụ:
- + Hạn chế tiếng ồn/tiếng động nền (*như*: không nói chuyện riêng, hạn chế gây tiếng động khi xếp dịch bàn ghế hoặc lấy đồ, huơ hai tay hoặc vỗ tay không thành tiếng thay cho vỗ tay to, ...).
- + Viết bài khi giáo viên viết bảng, nhìn và nghe khi giáo viên trình bày.
- + Mỗi lần chỉ một người phát biểu. Yêu cầu mọi học sinh muốn phát biểu hoặc đặt câu hỏi thì phải giơ tay để các bạn, nhất là bạn khiếm thính biết ai đang hoặc sắp trình bày.
- + Khi giáo viên gọi tên học sinh kết hợp với chỉ tay về vị trí em nào đó thì có nghĩa em đó sẽ được gọi trình bày.
- + Hạn chế khua tay thiếu chủ ý (vì có thể gây nhầm lẫn thông tin với học sinh khiếm thính), và không dùng tay che miệng, mặt khi nói (để các em có thể đọc hình miệng).

- Cộng đồng người điếc địa phương cần được tính đến và huy động như một nguồn lực hướng dẫn ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính, phụ huynh học sinh, và cả giáo viên chưa biết hoặc biết ít về ngôn ngữ kí hiệu.

Hoạt động 9: Hướng dẫn sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lớp tiểu học có học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Giải thích tầm quan trọng của đồ dùng trực quan trong dạy học học sinh khiếm thính.
- Mô tả cách thức sử dụng hiệu quả đồ dùng trực quan trong lớp tiểu học có học sinh khiếm thính.
- Lấy ví dụ và thực hiện tình huống hướng dẫn học sinh khiếm thính trong lớp bằng đồ dùng dạy học trực quan.

b) Cách thức tiến hành:

- Đàm thoại về tầm quan trọng của việc sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học học sinh khiếm thính.
- Thảo luận nhóm về cách thức sử dụng hiệu quả đồ dùng trực quan khi dạy học sinh khiếm thính.
- Thực hành theo nhóm: Thiết kế đồ dùng trực quan để hướng dẫn một khái niệm trừu tượng hoặc một nội dung khó trong môn Tiếng Việt hoặc môn Toán cho lớp có học sinh khiếm thính.

c) Thông tin cơ bản

Hướng dẫn sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lớp tiểu học có học sinh khiếm thính

- Đồ dùng trực quan có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong dạy học học sinh khiếm thính. Các em này chủ yếu học qua nhìn và thực hành. Đồ dùng trực quan giúp các em dễ hình dung và lĩnh hội khái niệm, kiến thức bài học.
- Có nhiều dạng đồ dùng trực quan khác nhau, trong đó thông dụng nhất là: 1) vật thật hoặc mô hình 3D; 2) Tranh ảnh, sơ đồ dạng 2D; 3) Bảng hình minh họa.
- Để khai thác hiệu quả đồ dùng dạy học ở lớp học sinh khiếm thính, cần lưu ý:
 - + Với sơ đồ, công thức, tranh ảnh, biểu đồ, slides (2D) cần có thêm chú thích rõ ràng.



- + Với băng hình minh họa, cần có phụ đề (bằng chữ hoặc ngôn ngữ kí hiệu)



- + Nên phát trước tài liệu trực quan bản sao để học sinh khiếm thính tiện theo dõi.
- + Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để liên kết các khái niệm và kiến thức đã học.

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

- 1) Phân tích khả năng và nhu cầu của học sinh khiếm thính.
- 2) Phân tích các vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học đối với học sinh khiếm thính.
- 3) Trình bày các phương pháp điều chỉnh và cho ví dụ minh họa.
- 4) Phân tích cách thức hỗ trợ kênh thính giác và thị giác cho học sinh khiếm thính.
- 5) Trình bày cách sử dụng hiệu quả các phương tiện giao tiếp trong dạy học học sinh khiếm thính.

2. Bài tập thực hành

- 1) Xác định khả năng và nhu cầu của một học sinh khiếm thính mà thầy/cô đang dạy.
- 2) Lập kế hoạch dạy học một tiết trong chương trình của thầy/cô đang dạy cho học sinh khiếm thính mà thầy/cô đã xác định được khả năng, nhu cầu.
- 3) Lựa chọn các đồ dùng dạy học cần thiết cho tiết học mà thầy/cô đã lên kế hoạch và xác định thời điểm, cách thức sử dụng đồ dùng đó đối với học sinh khiếm thính.

IV. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Nguyễn Xuân Hải (2009), *Giáo dục học trẻ khuyết tật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lynas W. (2000). *Những cách thức lựa chọn phương thức tiếp cận trong giao tiếp với người khiếm thính*. Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường ĐHSP Hà Nội.
3. Sandy Niemann, Devorah Greenstein and Darienna David (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động. Hà Nội.
4. Vương Hồng Tâm (2009), *Sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp để phát triển nhận thức của trẻ điếc tiểu học trong lớp học hòa nhập*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
5. UNESCO (2002), *Hiểu và đáp ứng nhu cầu đặc biệt trong lớp hoà nhập (tài liệu dịch)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

6. Kyle I.G., Woll B.with Pullen G., Maddix F. (2002). *Sign Language, the Study of Deaf and their Language*, Cambrigde University, UK.
7. NDCS (2004), *Sign Language and your Deaf Child*,UK.

V. Phụ lục

Phụ lục 1: Ví dụ minh họa kế hoạch bài học cho HS khiếm thính trong lớp hòa nhập

Bài: Bím tóc đuôi sam

(Sách tiếng Việt, lớp 2, tập 1, trang 31-32)

A. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung của học sinh nghe: Sau khi được tìm hiểu bài, tập đọc, trao đổi nhóm, nghe giảng học sinh lớp 2A:
 - Đọc trôi chảy cả bài
 - Đọc đúng các từ khó: oang, ương, ước, iu
 - Biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu cảm thán, dấu chấm hỏi.
 - Đọc hiểu: Hiểu các từ khó (ngượng nghịu, phê bình, đối xử); Hiểu nội dung câu chuyện, rút ra bài học cho bản thân.
2. Mục tiêu riêng của học sinh khiếm thính (Duy Bách): Sau khi được nhìn giáo viên đọc mẫu bằng NNKH, được giải nghĩa các từ khó hiểu, được hướng dẫn cách đọc bằng NNKH, được thảo luận nhóm, tìm hiểu các câu hỏi, học sinh Bách:
 - Đọc được bài bằng ngôn ngữ kí hiệu.
 - Hiểu được nghĩa của các từ: bím tóc đuôi sam, tết, ngượng nghịu, loạng choạng, phê bình, đùa dai.
 - Hiểu được nội dung chính của câu chuyện.

B. Chuẩn bị

- Bộ tranh gồm 3 tranh như trong sách giáo khoa
- Video minh họa hành động: tết tóc, loạn choạng
- Tình huống đóng vai để giải nghĩa các từ: ngượng ngịu, phê bình, đùa dai
- Phiếu luyện tập dành riêng cho Bách

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS nghe	Hoạt động của Bách
Hoạt động 1. Giới thiệu bài - Nêu vấn đề: Giáo viên đặt câu hỏi (nói trước và làm ký hiệu sau): + Các em có thích chơi đùa với bạn bè không? + Chơi đùa như thế nào sẽ làm bạn mình không vui? + Cư xử với bạn gái như thế nào mới đúng là người tốt? - Giáo viên nhận xét câu trả lời của HS và kết luận: Bài đọc “Bím tóc đuôi sam” sẽ giúp các em hiểu điều đó (GV nói sau đó làm ký hiệu tên bài) Giáo viên viết đầu bài lên bảng và yêu cầu 3 học sinh nhắc lại tên bài trong đó có Bách.	Trả lời 3 câu hỏi của giáo viên đưa ra Hai học sinh nhắc lại tên bài tập đọc to và rõ.	Trả lời câu hỏi 1 của GV và yêu cầu kể tên 1 bạn mà Bách thích chơi nhất (bằng NNKH). Nhắc lại tên bài học bằng kí hiệu.
Hoạt động 2: Luyện đọc Giáo viên đọc mẫu 2 lần (lần 1 đọc diễn cảm, lần 2 đọc bằng ngôn ngữ kí hiệu) sau đó giáo viên yêu cầu: - Hai học sinh đọc bài tập đọc; - Bách đọc đoạn 1; - Một học sinh khác đọc đoạn	Học sinh chăm chú nghe cô giáo đọc, theo dõi trong sách giáo khoa. Hai học sinh đọc bài tập đọc 3 học sinh đọc 3 đoạn còn	Bách đọc thầm bài đọc trong sách giáo khoa Bách quan sát giáo viên đọc bằng NNKH. Bách đọc đoạn 1 bằng NNKH.

2; - Một học sinh đọc đoạn 3; - Một học sinh đọc đoạn 4; Yêu cầu đọc to, rõ ràng. Khi học sinh đọc, giáo viên làm kí hiệu kèm theo để học sinh khiếm thính dễ theo dõi. - Giáo viên giải nghĩa từ khó bằng tranh ảnh, video và tạo ra các tình huống đóng vai: bím tóc đuôi sam, tết, ngưng nghịu, loạn choạng, phê bình, đùa dai? - Giáo viên yêu cầu học sinh nghe nhắc lại nghĩa của các từ khó - Yêu cầu học sinh khiếm thính làm ký hiệu kết hợp cử chỉ điệu bộ các từ này. Giáo viên kết luận ý nghĩa các từ khó. Yêu cầu học sinh cho 1 số ví dụ.	lại, cả lớp theo dõi theo sách giáo khoa. 4 học sinh đọc 4 đoạn văn liên tục, cả lớp nghe và theo dõi trong sách giáo khoa. 1,2 học sinh đóng vai. Học sinh trả lời các câu hỏi của giáo viên.	Bách nhìn cô giáo và đọc bằng kí hiệu. Bách làm ký hiệu kết hợp cử chỉ điệu bộ các từ này Bách đọc và làm lại các từ bằng ký hiệu
Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung phát triển bài Chia lớp thành 5 nhóm bạn Nhóm 1 thảo luận 2 câu hỏi: - Ai tết tóc cho Hà? - Các bạn gái khen Hà thế nào? Nhóm 2 thảo luận câu hỏi: - Khi đến trường, Hà vui vì điều gì? - Vì sao Hà khóc? Nhóm 3 thảo luận câu hỏi - Tả lại trò nghịch ngợm của Tuấn Nhóm 4 thảo luận câu hỏi:	Các nhóm thảo luận câu hỏi được giao. Sau khi kết thúc thảo luận, các nhóm cử người lên trình bày kết quả thảo luận câu hỏi được phân công.	Bách được phân vào nhóm 1 và cô giáo yêu cầu ưu tiên cho Bách được phát biểu trước. Bách trả lời câu hỏi bằng NNKH: - Ai tết tóc cho Hà? - Mẹ tết tóc cho Hà Sau khi cả nhóm đồng ý với ý kiến của Bách, nhóm gợi ý để Bách trả lời tiếp câu hỏi:

- Vì sao Tuấn đến xin lỗi Hà? Nhóm 5 thảo luận câu hỏi: - Em nghĩ như thế nào về trò nghịch ngợm của Tuấn?		- Các bạn gái khen Hà thế nào?
Hoạt động 4. Kết thúc bài: Giáo viên đưa câu hỏi: - Em thấy bạn Tuấn có điểm nào đáng chê và đáng khen? - Em rút ra bài học gì từ câu chuyện này?	Cả lớp phân tích hành động của Tuấn. Đáng chê: Đùa nghịch quá chớn làm bạn gái mất vui Đáng khen: Khi được thầy phê bình, Tuấn nhận ra lỗi của mình, chân thành xin lỗi bạn Không đùa nghịch quá trớn. Phải đối xử tốt với các bạn gái	Bách trả lời ý 1 về hành động của Tuấn đối với bạn Hà bằng NNKH Bách nhắc lại bài học bằng NNKH: Không đùa nghịch quá trớn. Phải đối xử tốt với các bạn gái
Hoạt động 5: Hướng dẫn bài tập về nhà: - Đọc lại bài tập đọc ít nhất 3 lần - Tìm 1 ví dụ hành động đùa nghịch quá chớn của các bạn nam với các bạn nữ	Hoàn thành bài tập theo yêu cầu	Bách về nhà làm phiếu bài tập cũng có đã được thiết kế riêng.

Phụ lục 2: Ví dụ minh họa kế hoạch bài học cho HS khiếm thính ở lớp chuyên biệt

Bài: Làm Anh

(Sách Tiếng Việt, lớp 1, bài 29)

A. Mục tiêu

Sau khi được nhìn giáo viên đọc mẫu bằng NNKH, được giải nghĩa các từ khó hiểu, được hướng dẫn cách đọc bằng NNKH, được thảo luận nhóm tìm hiểu các câu hỏi, học sinh khiếm thính lớp 1B:

- Đọc được bài bằng ngôn ngữ kí hiệu.
- Hiểu được nghĩa của các từ: khó, chuyện đùa, dỗ dành, dịu dàng, nhường.
- Hiểu được nội dung chính của bài tập đọc.

B. Chuẩn bị

- GV: Tranh minh họa nội dung bài dạy; Tình huống đóng vai để giải nghĩa các từ: chuyện đùa, dỗ dành, dịu dàng, nhường.
- HS: SGK, hộp chữ tiếng việt

C. Các hoạt động dạy – học chủ yếu

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Hoạt động 1: Giới thiệu bài GV treo tranh minh họa và đặt câu hỏi bằng ngôn ngữ kí hiệu: - Tranh vẽ gì? - Anh/chị em trong nhà phải như thế nào? Nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu: Hôm nay chúng ta học bài “Làm anh”	Trả lời câu hỏi bằng NNKH: - Vẽ người anh đang nhường đồ chơi cho em - Yêu thương, giúp đỡ nhau - Nhắc lại tên bài bằng NNKH
Hoạt động 2: Luyện đọc bài - GV đọc mẫu lần 1: Chỉ từng câu sau đó đọc bằng NNKH - Yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng, từ khó - Giải nghĩa các tiếng, từ khó - Hướng dẫn HS làm ký hiệu từng tiếng, từ khó - Hướng dẫn HS luyện đọc câu bằng NNKH - Hướng dẫn HS luyện đọc từng khổ thơ bằng NNKH - Hướng dẫn HS luyện đọc cả bài bằng NNKH	- Quan sát GV - Đọc thầm và gạch chân các tiếng, từ khó - Quan sát GV - Làm ký hiệu các tiếng, từ khó theo hướng dẫn - Đọc nối tiếp bằng NNKH - Đọc cá nhân bằng NNKH - Đọc cá nhân, nhóm, cả lớp bằng NNKH
Hoạt động 3: Ôn văn - Tìm tiếng trong bài có vần ia (GV treo bảng phụ ghi nội dung bài tập đọc, giải thích yêu cầu bằng NNKH kết hợp với chữ cái ngón tay và viết lên bảng vần ia) - Tìm tiếng ngoài bài có vần ia, uya (GV giải thích yêu cầu bằng NNKH kết hợp với đánh chữ cái ngón tay và viết lên bảng vần	- Thi đua tìm nhanh trong sách - 1 HS lên bảng làm - Thi đua ghép bảng cài theo tổ

ia, uya)	
Hoạt động 4: Luyện đọc và tìm hiểu bài - GV đọc mẫu bài thơ bằng NNKH lần 2 - Cho HS luyện đọc đoạn, cả bài bằng NNKH - Đặt câu hỏi bằng NNKH: - Làm anh phải làm gì + Khi em bé khóc? + Khi em bé ngã? + Khi mẹ cho quà bánh? + Khi có đồ chơi đẹp? - Gọi 2 HS đọc cả bài thơ bằng NNKH - GV hỏi: Bài tập đọc này nói lên điều gì? - Nhận xét, kết luận và giáo dục học sinh: <i>Làm anh/chị phải biết yêu thương, nhường nhịn em nhỏ.</i> - Cho HS đọc lại cả bài bằng NNKH	- Theo dõi GV - Đọc theo hướng dẫn của GV - Trả lời câu hỏi bằng NNKH - 2 HS đọc cả bài bằng NNKH - Trả lời câu hỏi bằng NNKH - Cả lớp cùng đọc bài bằng NNKH
Hoạt động 5: Luyện biểu đạt thông tin bằng NNKH - Giới thiệu chủ đề: kể về anh chị em - Cho HS quan sát tranh minh họa và nêu các câu hỏi gợi ý để HS kể cho nhau nghe về anh chị em của mình bằng NNKH (theo nhóm 2 HS) - Nhận xét việc biểu đạt của HS, uốn nắn, sửa sai cho HS	- HS nhắc lại chủ đề bằng NNKH - Hoạt động theo nhóm đôi, kể về anh chị em của mình bằng NNKH
Hoạt động 6: Củng cố, dặn dò - Cho HS đọc lại cả bài bằng NNKH và trả lời câu hỏi trong SGK - Nhắc HS về nhà xem lại bài - Nhận xét tiết học	- Đọc bài và trả lời câu hỏi bằng NNKH - Theo dõi yêu cầu của cô

**Chủ đề 4. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH
KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU HỌC THÔNG QUA NGÔN NGỮ KÍ HIỆU**
(8 tiết lí thuyết, 10 tiết thực hành, 10 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Xác định được những điểm mạnh và khó khăn của học sinh khiếm thính cấp tiểu học trong học tập môn Tiếng Việt.
- Vận dụng các cách thức điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

2. Phẩm chất

- Có ý thức rèn luyện năng lực tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Tích cực tìm hiểu và trao đổi về phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Có tinh thần hợp tác với các bên liên quan: nhân viên hỗ trợ, người lớn điếc, cha mẹ của học sinh trong việc hỗ trợ học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Đặc điểm học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 1: Xác định điểm mạnh và khó khăn trong học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên xác định được những điểm mạnh và khó khăn trong học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Nghiên cứu một trường hợp học sinh khiếm thính, phân tích những điểm mạnh và khó khăn trong học tập môn Tiếng Việt của học sinh đó.
- Thảo luận về những điểm mạnh và khó khăn cơ bản trong học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính.

c) Thông tin cơ bản:

**Điểm mạnh và khó khăn trong học tập môn Tiếng Việt
của học sinh khiếm thính cấp tiểu học**

Trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình Tiếng Việt cấp tiểu học hướng vào phát triển cho học sinh năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe, việc xác định điểm mạnh và khó khăn trong học tập môn Tiếng Việt của

học sinh khiếm thính tập trung vào các nội dung sau:

Về khả năng nghe/nói

- **Điểm mạnh:** Đa số học sinh khiếm thính vẫn còn một phần sức nghe. Nếu có thiết bị trợ thính phù hợp và được can thiệp sớm hiệu quả thì các em có thể nghe, tiếp thu tiếng nói và có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói; Có khả năng tiếp thu tiếng nói thông qua đọc hình miệng [3], [12].

- **Khó khăn:** Khó khăn về nghe ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào mức độ mất thính lực và điều kiện trang bị thiết bị trợ thính. Nếu không được can thiệp sớm hiệu quả, tiếng nói của học sinh khiếm thính rất khó nghe, sai nhiều [3], [12], [13]:

- + **Giọng:** phần lớn học sinh khiếm thính phát âm với giọng không bình thường, khó nghe, thường hay nói giọng mũi, giọng cao, giọng yếu, giọng khàn...
- + **Phát âm:** Học sinh khiếm thính thường phát âm không đúng, không phân biệt những âm gần nhau (nghe gần giống nhau) như t/đ, b/m... Phần lớn học sinh khiếm thính phát âm sai phụ âm.
- + **Thanh điệu:** hầu hết học sinh khiếm thính nói khó đúng các thanh điệu của tiếng Việt, thường chỉ sử dụng được 2-3 thanh cơ bản, dễ (thanh không, sắc, huyền).
- + **Ngữ điệu:** Học sinh khiếm thính hay nói rời rạc, ngắt từng tiếng một, lên xuống tùy hứng.
- + **Ngữ pháp:** Học sinh khiếm thính thường nói không theo ngữ pháp tiếng Việt mà thường nói theo tư duy của mình, theo ý hiểu của mình, thường mắc lỗi về trật tự từ trong câu nói, gây khó khăn cho người nghe.
- + **Từ vựng:** Vốn từ sử dụng trong giao tiếp rất nghèo nàn, ít hơn nhiều so với học sinh nghe cùng lứa tuổi.

Về khả năng tiếp nhận/biểu đạt thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu

- **Điểm mạnh:** Dễ dàng tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu, ngôn ngữ không lời và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ khác; Có thể mạnh về khả năng dùng ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, chữ cái ngón tay để diễn đạt thông tin. [7], [13]

- **Khó khăn:** Khó hiểu các từ trừu tượng, từ đa nghĩa, từ mang nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ; Vốn ký hiệu có thể hạn chế hơn so với vốn từ của học sinh nghe cùng lứa tuổi [12], [13].

Về khả năng đọc

- **Điểm mạnh:** Có khả năng đọc bài bằng ngôn ngữ kí hiệu; Có khả năng đọc hiểu những từ/khái niệm cụ thể, tượng hình vì nó gắn liền với những gì học sinh khiếm thính nhìn thấy, ngửi thấy, sờ thấy, tiếp xúc hàng ngày [12, 13].

- **Khó khăn:**

- + Khả năng đọc thành tiếng rất hạn chế;
- + Khó khăn đối với quá trình giải mã chữ thành âm làm cho quá trình đọc hiểu của học sinh khiếm thính rất chậm và thiếu hiệu quả;
- + Vốn từ hiểu rất hạn chế, khó khăn trong việc hiểu các từ trừu tượng, từ đa nghĩa, từ ẩn dụ, từ có nghĩa bóng;
- + Khó khăn trong việc hiểu các câu phức tạp;
- + Việc hiểu văn bản thường thiếu tính toàn diện và rời rạc về nội dung [13].

Về khả năng viết:

- *Điểm mạnh:* Kỹ năng vận động tinh tốt; Có khả năng nhìn viết tốt [3].

- *Khó khăn:*

- + Khó khăn trong việc tiếp nhận cấu trúc ngữ pháp của câu, tiếp nhận những quy tắc của các cụm từ, mối liên hệ ngữ pháp của các từ;
- + Có thể dùng từ không đúng với ý nghĩa cơ bản của nó, có xu hướng sử dụng các từ và cụm từ “hạn hẹp” và dùng chúng lặp đi lặp lại trong khi viết;
- + Trong các bài viết, học sinh khiếm thính hầu như chỉ sử dụng từ ngữ cụ thể và thuần túy nghĩa đen, ít sử dụng các từ trừu tượng, đa nghĩa và các phép ẩn;
- + Các câu trong bài viết thường có cấu trúc đơn giản và ít có sự liên kết giữa các câu, có thể bỏ mất thành phần câu;
- + Thường có thiếu sót về tính logic và trật tự trình bày các sự kiện trong bài viết [12], [13].

Về khả năng nhận thức và tư duy

- *Điểm mạnh:* Tri giác bằng thị giác phát triển; Có thể mạnh về tư duy trực quan hành động; Có khả năng phân tích; Có khả năng ghi nhớ tốt các tư liệu trực tiếp thị giác [12], [13].

- *Khó khăn:*

- + Khó khăn về các thao tác tư duy trừu tượng hóa, khái quát hóa;
- + Khả năng tổng hợp của học sinh khiếm thính rất kém;
- + Trong quá trình ghi nhớ từ ngữ, học sinh khiếm thính gặp khó khăn trong việc dùng thủ thuật so sánh;
- + Khả năng ghi nhớ có ý nghĩa không bền vững, kém phân biệt so với học sinh nghe bình thường [3], [12].

Về khả năng giao tiếp

- *Điểm mạnh:* Có nhu cầu giao tiếp như mọi học sinh nghe; Có thể sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, để thoả mãn nhu cầu giao tiếp của mình [7], [12].

- *Khó khăn:* Sự chú ý trong giao tiếp không được duy trì lâu bền, thường chỉ giao tiếp trong thời gian ngắn; Nội dung giao tiếp thường đơn giản, nghèo nàn, xoay

quanh những chủ đề quen thuộc liên quan đến đời sống của các em [12], [13].

2. Điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 2: Tìm hiểu các vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên xác định được các vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho phù hợp với khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính.

b) Cách thức tiến hành:

- Xem clip minh họa về một hoạt động dạy học trong môn Tiếng Việt.
- Xác định và nhận xét về các nội dung đã điều chỉnh cho học sinh khiếm thính trong hoạt động đó.
- Thảo luận về những vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

c) Thông tin cơ bản:

Các vấn đề cần điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt với học sinh khiếm thính

Điều chỉnh yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt trong dạy học môn Tiếng Việt cần điều chỉnh phù hợp với khả năng, nhu cầu của từng học sinh khiếm thính trong lớp, không đặt ra các yêu cầu quá mơ hồ, xa vời với khả năng thực tế của các em và đồng thời vẫn nằm trong mục tiêu, yêu cầu cần đạt chung của chương trình Tiếng Việt là hướng vào phát triển cho học sinh năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe.

- *Đối với yêu cầu về phát triển kỹ năng nghe, nói:* cần cân nhắc điều chỉnh cho phù hợp với khả năng, nhu cầu của từng học sinh khiếm thính:

- + Nếu học sinh khiếm thính vẫn còn khả năng nghe, nói đáp ứng được việc học tập như các học sinh nghe thì vẫn giữ lại các yêu cầu cần đạt về kỹ năng nghe, nói.
- + Nếu học sinh khiếm thính còn một phần khả năng nghe, nói, cần điều chỉnh theo hướng hạ thấp yêu cầu cần đạt về kỹ năng nghe, nói.
- + Nếu học sinh khiếm thính không còn khả năng nghe, nói cần thay thế bằng yêu cầu về phát triển kỹ năng truyền tải và tiếp nhận thông tin thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

- *Đối với yêu cầu về phát triển kỹ năng đọc:* Tùy theo khả năng của từng học sinh khiếm thính để có những điều chỉnh phù hợp, chủ yếu tập trung vào yêu cầu đọc hiểu: giúp học sinh nắm bắt thông tin, hiểu nội dung bài tập đọc và diễn đạt ý hiểu

của mình bằng nhiều cách khác nhau (như ngôn ngữ nói, ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ...). Đối với mục tiêu đọc thành tiếng, nên giảm bớt yêu cầu học sinh đọc to, đọc diễn cảm chỉ yêu cầu học sinh đọc một số từ, câu ngắn, câu quan trọng nếu học sinh khiếm thính còn khả năng nghe, nói. Nếu học sinh khiếm thính chỉ dùng ngôn ngữ kí hiệu thì thay bằng mục tiêu đọc bằng ngôn ngữ kí hiệu.

- *Đối với yêu cầu về phát triển kĩ năng viết:* Điều chỉnh theo hướng tập trung vào các yêu cầu viết các câu đơn giản về nghĩa và cấu tạo mà vẫn đúng yêu cầu. Nên chuyển các yêu cầu chính tả nghe đọc thành chính tả nhìn viết (nhìn chữ - viết; nhìn giáo viên đánh vần bằng chữ cái ngón tay - viết; nhìn giáo viên ký hiệu - viết).

Điều chỉnh nội dung dạy học

- Tùy theo mức độ nhận thức, khả năng của từng học sinh và mục tiêu đã xác định, giáo viên cần chọn lọc, giới hạn các kiến thức, số lượng thông tin/tài liệu khi cung cấp cho các em, nên tập trung vào những thông tin quan trọng nhất hoặc những điểm quan trọng.
- Đơn giản hoá ngôn ngữ và từ vựng của văn bản/ngữ liệu bằng cách biên tập lại bài đọc (như rút ngắn, bỏ bớt các câu/đoạn có cấu trúc phức tạp, khó hiểu) hoặc chọn những văn bản có số lượng từ vừa phải, sử dụng nhiều từ cụ thể, từ tượng hình và các câu có cấu trúc không quá phức tạp, có thể sử dụng thêm các hình ảnh trực quan/kí hiệu đi kèm để hỗ trợ cho học sinh khiếm thính nắm bắt được nội dung văn bản/ngữ liệu.

Điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Căn cứ vào điểm mạnh và khó khăn của từng học sinh và các nội dung dạy học cụ thể, giáo viên cần lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học Tiếng Việt sao cho phù hợp.
- Nên tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học trực quan, phương pháp hợp tác nhóm, luyện tập thực hành và trò chơi để giúp học sinh khiếm thính hiểu nghĩa của từ, hiểu khái niệm, tăng cường sử dụng các phương tiện giao tiếp không lời (ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, chữ cái ngón tay) để giúp học sinh khiếm thính lĩnh hội kiến thức, kĩ năng trong môn Tiếng Việt.
- Chú ý đến việc sắp xếp môi trường, bao gồm cả môi trường vật chất và môi trường tâm lý để tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh khiếm thính trong quá trình học tập.

Điều chỉnh cách đánh giá

- Việc đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh khiếm thính cần bám sát vào mục tiêu, nội dung dạy học Tiếng Việt đã đặt ra cho học sinh. Ví dụ: Đối với học sinh khiếm thính chỉ sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, giáo viên nên tập trung

đánh giá kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu thay cho kỹ năng nghe, nói; Đánh giá kỹ năng đọc bằng ký hiệu thay vì đọc thành tiếng; Đánh giá kỹ năng nhìn viết thay cho kỹ năng nghe viết...

- Bên cạnh đó, giáo viên cũng cần chú ý thay đổi hình thức bài tập đánh giá hoặc cách thức đánh giá (ví dụ: sử dụng bài kiểm tra viết có thêm tranh ảnh hỗ trợ để học sinh khiếm thính hiểu yêu cầu, kiểm tra vấn đáp bằng ngôn ngữ kí hiệu, đánh giá bằng sản phẩm/dự án học tập của học sinh khiếm thính...), có thể gia hạn thêm về mặt thời gian cho học sinh khiếm thính để thực hiện bài tập.

Hoạt động 3: Trao đổi về cách thức điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên xác định và vận dụng được các cách thức điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính.

b) Cách thức tiến hành:

- Thảo luận về các cách thức điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính.
- Thực hành theo nhóm: vận dụng các cách thức điều chỉnh vào thiết kế một hoạt động dạy học cho học sinh khiếm thính

c) Thông tin cơ bản:

Cách thức điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Để thực hiện việc điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính, giáo viên cần:

- Đối chiếu mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung chương trình môn Tiếng Việt với khả năng, nhu cầu hiện tại của học sinh khiếm thính và điều kiện, nguồn lực thực tế của giáo viên, nhà trường.
- Xác định các vấn đề cần điều chỉnh trong chương trình môn Tiếng Việt nói chung và trong từng bài học cụ thể.
- Lựa chọn các cách thức điều chỉnh phù hợp trong 4 cách điều chỉnh: Điều chỉnh đồng loạt; Điều chỉnh đa trình độ; Điều chỉnh trùng lặp giáo án; Điều chỉnh thay thế.

Ví dụ:

- + Trong giờ Tập đọc, những học sinh nghe học cách đọc thành tiếng, ngắt nghỉ câu theo đúng dấu chấm, dấu phẩy, đọc diễn cảm thì học sinh khiếm thính chỉ cần đọc bằng ngôn ngữ kí hiệu, diễn tả được điệu bộ, nét mặt phù hợp với nội dung bài đọc. (*Điều chỉnh đa trình độ*)

- + Trong giờ luyện nói, khi các học sinh nghe luyện nói theo tranh để phát triển kỹ năng nghe, nói thì những học sinh khiếm thính không còn khả năng nghe nói có thể sử dụng tranh ảnh, ngữ liệu trong sách giáo khoa để phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu. (*Điều chỉnh trùng lặp giáo án*)
- + Trong giờ kể chuyện, giáo viên có thể cho học sinh khiếm thính sắm vai kể lại câu chuyện bằng ngôn ngữ kí hiệu kết hợp với cử chỉ điệu bộ (*Điều chỉnh đa trình độ*)
- + Trong giờ chính tả nghe viết, các học sinh nghe sẽ nghe đọc để viết một bài chính tả thì học sinh khiếm thính thay bằng bài chính tả tập chép khác. (*Điều chỉnh thay thế*)...

3. Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Hoạt động 4: Tìm hiểu phương pháp dạy đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên xác định được các phương pháp dạy đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Vận dụng được các phương pháp trong việc tổ chức hoạt động dạy đọc cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

b) Cách thức tiến hành:

- Xem clip minh họa một hoạt động dạy đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Trao đổi về các phương pháp dạy đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thực hành thiết kế hoạt động dạy đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thực hành tổ chức hoạt động dạy đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

c) Thông tin cơ bản:

Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt

cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu

Lựa chọn và điều chỉnh văn bản (ngữ liệu) cho phù hợp với học sinh khiếm thính:

- Một số nhà nghiên cứu đã khẳng định: Việc sử dụng những bài đọc có sự kiểm soát chặt chẽ về vốn từ và ngữ pháp có hiệu quả đối với học sinh khiếm thính. Do đó, khi dạy đọc hiểu cho học sinh khiếm thính, giáo viên cần lựa chọn văn bản hoặc điều chỉnh văn bản trong sách giáo khoa cho phù hợp với khả năng nhận thức, vốn ngôn ngữ của học sinh khiếm thính cấp tiểu học. Thông thường, đối với học sinh khiếm thính, giáo viên nên chọn những bài đọc có số lượng từ vừa phải, sử dụng nhiều từ

cụ thể, từ tượng hình và các câu có cấu trúc đơn giản, hạn chế các từ tượng thanh, từ trừu tượng và các câu có cấu trúc phức tạp [13].

Ví dụ: Bài Tập đọc “Âm thanh thành phố” (Sách Tiếng Việt lớp 3, tập 1, trang 146)

Bài đọc này sử dụng hầu hết là các từ tượng thanh, không phù hợp với nhóm học sinh khiếm thính không còn khả năng nghe nói mà chỉ sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, do đó giáo viên đã thay thế bằng một bài đọc miêu tả cảnh đẹp của thành phố:

ĐÀ LẠT

Đà Lạt là một trong những nơi nghỉ mát nổi tiếng vào bậc nhất ở nước ta. Đà Lạt phẳng phất tiết trời của mùa thu với sắc trời xanh biếc và không gian khoáng đãng, mênh mông, quanh năm không biết đến mặt trời chói chang mùa hè. Đà Lạt giống như một vườn lớn với thông xanh và hoa trái xứ lạnh. Những vườn lê, táo ... trĩu quả, những vườn su hào, xà lách, cải bắp mơn mớn nối liền với thảm cỏ xanh trải nghiêng dưới chân núi đến những rừng thông hoa lá màu xanh mượt mà bất tận.

Giữa thành phố có hồ Xuân Hương, mặt nước phẳng như gương phản chiếu sắc trời êm dịu. Hồ Than Thở nước trong xanh, êm ả, có hàng thông bao quanh reo nhạc sớm chiều.

(Theo Bài tập Tiếng Việt thực hành lớp 3, NXB ĐHSP Hà Nội)

- Sử dụng những bài đọc có kèm tranh ảnh minh họa sẽ giúp cho học sinh khiếm thính tiểu học đặc biệt ở các lớp đầu cấp tiểu học hiểu bài đọc dễ dàng hơn.

Ví dụ: Hình ảnh minh họa bài tập đọc “Bàn tay mẹ”



Hướng dẫn học sinh khiếm thính đọc thầm và đọc bằng ngôn ngữ kí hiệu

- ***Hướng dẫn học sinh khiếm thính đọc thầm:*** Học sinh khiếm thính có ưu thế về đọc thầm hơn đọc thành tiếng. Đọc thầm giúp học sinh khiếm thính tiếp nhận, thông hiểu nội dung văn bản do không còn phải chú ý đến việc phát âm mà chỉ tập trung để hiểu điều mình đọc. Vì vậy, giáo viên cần yêu cầu học sinh khiếm thính đọc thầm và gạch chân các từ mới/từ khó cần giải nghĩa trong bài. Cùng học sinh khiếm thính đánh vần từ đó bằng chữ cái ngón tay để học sinh nhận diện từ. Sau đó giải nghĩa từ để giúp học sinh khiếm thính ghi nhớ và tái hiện những chi tiết, hình ảnh trong nội dung bài đọc.
- Quá trình đọc thầm đi từ câu đến đoạn giúp học sinh khiếm thính ôn luyện khả năng nhận diện từ, hiểu nghĩa từ và những gợi ý từ ngữ cảnh; từ đó, học sinh chiếm lĩnh ý của các câu, đoạn. Ngoài ra, quá trình đọc thầm sẽ khiến học sinh khiếm thính tham gia phản hồi với các bước tiếp theo trong phần tìm hiểu nghĩa văn bản tích cực hơn. Học sinh khiếm thính có thể đọc thầm nhằm tìm ra ý chung của đoạn hoặc của cả bài, lập dàn ý nội dung; từ đó, hình thành khả năng hiểu văn bản đang đọc.
- ***Hướng dẫn học sinh khiếm thính đọc bằng NNKH:*** Giáo viên hướng dẫn học sinh khiếm thính đọc bằng NNKH theo các giai đoạn như sau:
 - + Giáo viên đọc mẫu bài đọc bằng ngôn ngữ kí hiệu (chú ý kết hợp với sự diễn tả trên nét mặt, ánh mắt, cử chỉ điệu bộ). Trước khi đọc, giáo viên phải ổn định trật tự, tạo cho học sinh khiếm thính tâm thế, hứng thú nhìn giáo viên đọc. Khi đọc, giáo viên cần đảm bảo cho học sinh khiếm thính được quan sát ngôn ngữ kí hiệu, nét mặt, cử chỉ điệu bộ của giáo viên.
 - + Hướng dẫn học sinh khiếm thính thực hành đọc và ký hiệu những từ mới, từ khó trong bài đọc.
 - + Hướng dẫn học sinh khiếm thính thực hành đọc bằng NNKH từng câu trong bài đọc (chú ý hướng dẫn học sinh cách ký hiệu câu theo đúng ngữ pháp của NNKH).
 - + Hướng dẫn học sinh thực hành đọc bằng NNKH từng đoạn trong bài đọc.
 - + Hướng dẫn học sinh thực hành đọc bằng NNKH cả bài đọc.

Giải nghĩa từ và cung cấp ký hiệu từ mới trong bài đọc cho học sinh khiếm thính

- Để giúp học sinh khiếm thính hiểu nội dung văn bản và đọc được văn bản bằng ngôn ngữ kí hiệu, giáo viên cần giải nghĩa từ và dạy học sinh khiếm thính làm ký hiệu các từ đó.
- Để học sinh khiếm thính hiểu nghĩa của từ cần cho học sinh sử dụng kết hợp các giác quan khác nhau như thị giác, xúc giác, khứu giác. Tùy thuộc vào vốn ngôn ngữ của mỗi học sinh và nội dung văn bản, giáo viên cần chọn ra các từ thích hợp để giải

nghĩa và cung cấp ký hiệu cho học sinh, đồng thời cũng cần chuẩn bị sẵn sàng giải đáp cho học sinh khiếm thính về bất cứ từ nào trong bài mà học sinh yêu cầu.

- Để giúp học sinh khiếm thính hiểu nghĩa của từ, giáo viên có thể sử dụng các biện pháp sau:

Loại từ	Biện pháp	Ví dụ cụ thể
Từ chỉ khái niệm cụ thể	Quan sát, sử dụng nhiều giác quan	“Quả khế” học sinh phải được quan sát, sờ, nếm, ngửi (hoạt động với vật thật)
Từ chỉ khái niệm tượng hình	Phải được cụ thể hóa	“Con đường khúc khuỷu”, học sinh phải được quan sát trên hình vẽ hoặc mô hình hóa con đường khúc khuỷu (hoạt động với mô hình)
Từ chỉ khái niệm không cụ thể	Được hình tượng hóa, cụ thể hóa	“Đau bụng”, học sinh khiếm thính phải được quan sát người nhăn nhó và tay ôm bụng.
Từ chỉ khái niệm tượng thanh	Được cụ thể hóa, mô phỏng bằng những hành động, sự việc cụ thể	“Tiếng trống tùng tùng” học sinh phải được nhìn thấy hình ảnh trống/trống thật, cảm giác rung của mặt trống hay nơi âm thanh phát ra của mặt trống đó.
Từ chỉ khái niệm trừu tượng	Được cụ thể hóa bằng hình ảnh và tìm hiểu bản chất của khái niệm	“Dũng cảm”, học sinh được quan sát các hình ảnh, clip mô tả nghĩa của khái niệm, hoặc sắm vai [3]

Ví dụ 1, để giúp học sinh khiếm thính hiểu cụm từ “ánh lửa bập bùng” – là một khái niệm tượng hình, giáo viên có thể:

- + Đưa khái niệm tượng hình về hình ảnh cụ thể: Khái niệm “Ánh lửa bập bùng” gắn với hình ảnh cụ thể: ánh lửa lúc sáng, lúc tối; Lúc to, lúc nhỏ.
- + Mô phỏng khái niệm bằng hình ảnh, mô hình: Cho học sinh quan sát hình ảnh minh họa bằng mô hình hoặc cảnh đóng lửa đang cháy ánh lửa lúc sáng, lúc tối, lúc to, lúc nhỏ.
- + Giới thiệu chữ viết, ký hiệu khái niệm: “Ánh lửa bập bùng”

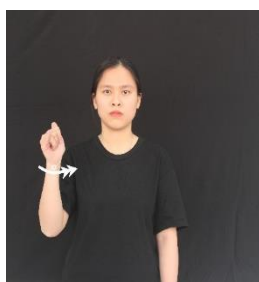
Ví dụ 2, để giúp học sinh khiếm thính hiểu từ “dũng cảm” – là một khái niệm trừu tượng, giáo viên có thể:

+ Cụ thể hóa khái niệm trừu tượng bằng tranh ảnh, động tác, sắm vai: Quan sát những biểu hiện không sợ khó khăn, sẵn sàng lao vào nguy hiểm...; Học sinh sắm vai chơi trò tiem không kêu, không nhả mặt...

+ Giới thiệu chữ viết, ký hiệu khái niệm: “Dũng cảm”

Sử dụng các câu hỏi gợi mở đơn giản, phù hợp để giúp học sinh khiếm thính tìm hiểu nội dung văn bản

- Trước khi đọc một văn bản, giáo viên cần cùng học sinh khiếm thính trao đổi, gợi mở bằng ngôn ngữ kí hiệu về các kiến thức mà học sinh đã biết hoặc có liên quan đến nội dung sắp đọc nhằm chuẩn bị, dẫn dắt học sinh sẵn sàng bước vào tìm hiểu nội dung văn bản.
- Trong quá trình đọc văn bản, giáo viên khuyến khích để học sinh khiếm thính kết nối những gì đang đọc với kinh nghiệm bản thân, đặt các câu hỏi giúp học sinh khắc sâu hơn nội dung đang đọc cũng như phát hiện ra những chỗ học sinh còn thắc mắc, chưa hiểu.
- Sau khi đọc văn bản, giáo viên đặt câu hỏi để giúp học sinh nhớ lại, liên hệ, mở rộng và hiểu được ý nghĩa của nội dung văn bản.
- Các câu hỏi nên đơn giản tối đa, sử dụng từ ngữ dễ hiểu, không rườm rà, không sử dụng các câu quá dài. Đối với học sinh khiếm thính, giáo viên nên sử dụng lặp lại thường xuyên những câu hỏi như: Ai? Cái gì? Vì sao? Như thế nào? Khi nào? Làm gì?



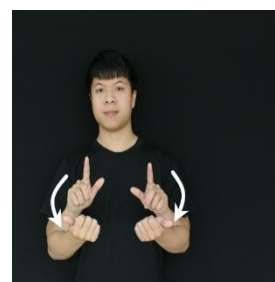
Ai?



Cái gì?



Vì sao?



Như thế nào?



Khi nào?



Làm gì?

Ví dụ: Khi dạy bài tập đọc *Bím tóc đuôi sam* (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập một, trang 31), giáo viên có thể dùng ngôn ngữ kí hiệu để hỏi học sinh khiếm thính hệ thống các câu hỏi đơn giản xoay quanh nội dung bài đọc như sau:

1. Ai tết tóc cho Hà?
2. Các bạn gái khen Hà thế nào?
3. Khi đến trường, Hà vui vì điều gì?
4. Vì sao Hà khóc?
5. Vì sao Tuấn đến xin lỗi Hà?

Hoạt động 5: Tìm hiểu phương pháp dạy viết cho học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên chỉ ra được các phương pháp dạy viết cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học; Vận dụng được các phương pháp trong dạy viết cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Thảo luận nhóm về các phương pháp dạy viết cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Phân tích ví dụ về việc áp dụng các phương pháp trong một nội dung dạy viết cụ thể cho học sinh khiếm thính.
- Thực hành theo nhóm: thiết kế và tổ chức một hoạt động dạy viết cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

c) Thông tin cơ bản:

Phương pháp dạy viết cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Dạy học sinh khiếm thính viết chính tả

- Trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học, có 3 dạng bài chính tả: tập chép, nghe - viết và nhớ - viết. Với dạng bài chính tả nghe - viết, giáo viên cần chuyển sang dạng bài chính tả nhìn - viết (nhìn giáo viên đánh chữ cái ngón tay - viết; nhìn giáo viên ký hiệu - viết).

- Khi dạy chính tả cho học sinh khiếm thính, trước hết giáo viên cần điều chỉnh các bài viết trong sách giáo khoa cho phù hợp với khả năng ngôn ngữ, nhận thức của học sinh khiếm thính. Bài viết không nên quá dài và chứa nhiều tiếng, từ khó đối với học sinh khiếm thính. Các câu trong bài viết nên đơn giản, ngắn gọn, hạn chế những câu có cấu trúc phức tạp.
- Về cơ bản, việc dạy viết chính tả cho học sinh khiếm thính có thể áp dụng các phương pháp dạy chính tả chung. Tuy nhiên, giáo viên cần lưu ý với dạng bài chính tả nhìn ký hiệu – viết, trước hết giáo viên cần đọc và làm ký hiệu bài chính tả theo trật tự của ngôn ngữ nói giúp học sinh khiếm thính viết đúng trật tự ngữ pháp. Sau khi đọc kết hợp với làm ký hiệu, giáo viên cần nhắc nhở học sinh khiếm thính viết đúng một số tiếng có vần khó trong bài. Giáo viên có thể đánh chữ cái ngón tay hoặc viết mẫu tiếng/từ khó lên bảng để học sinh khiếm thính ghi nhớ và chú ý khi viết bài. Khi làm ký hiệu cho học sinh khiếm thính nhìn - viết, giáo viên nên làm ký hiệu từng câu ngắn hay từng cụm từ, dành thời gian cho học sinh khiếm thính viết câu vào vở rồi mới ký hiệu câu tiếp theo. Cuối cùng, giáo viên cần làm ký hiệu lại toàn bài để cho học sinh khiếm thính soát lại bài chính tả vừa viết. Chú ý thời gian dừng sau khi đọc từng câu để học sinh khiếm thính có đủ thời gian soát lại bài.

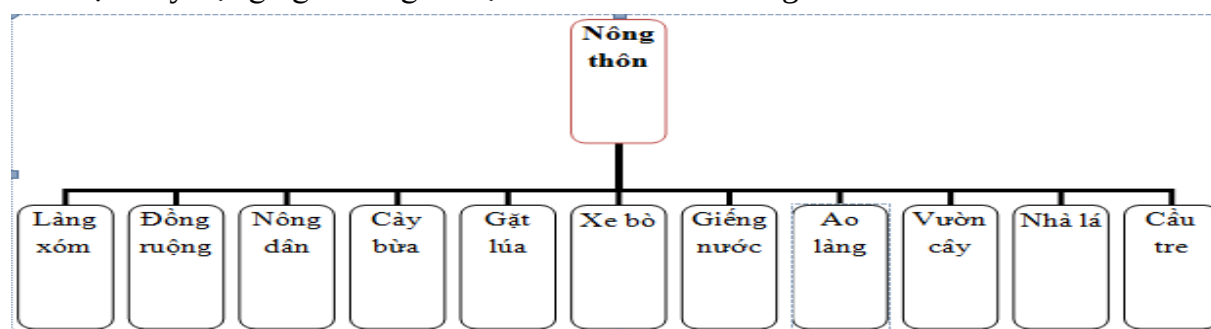
Dạy học sinh khiếm thính viết câu/đoạn văn

- *Làm giàu và hệ thống hóa vốn từ cho học sinh khiếm thính theo chủ điểm nhằm cung cấp nguồn tư liệu hỗ trợ học sinh khiếm thính viết câu/đoạn văn:*

+ Vốn từ chính là chất liệu để tạo ý và viết được câu/đoạn văn. Giáo viên nên tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế để giúp học sinh khiếm thính được mở mang vốn sống, hiểu biết, mở rộng vốn từ ngữ, qua đó các em có thể viết các câu văn/đoạn văn chân thật và phong phú hơn.

+ Bên cạnh đó, giáo viên cần hỗ trợ học sinh khiếm thính xây dựng ngân hàng tư liệu bao gồm tranh ảnh, từ vựng, ký hiệu theo chủ điểm nhằm cung cấp cho học sinh khiếm thính về từ và nghĩa của từ một cách có hệ thống để các em dễ dàng lựa chọn những từ ngữ phù hợp để đưa vào bài viết.

Ví dụ: Xây dựng ngân hàng tư liệu theo chủ điểm nông thôn:





Làng xóm



Cầu tre

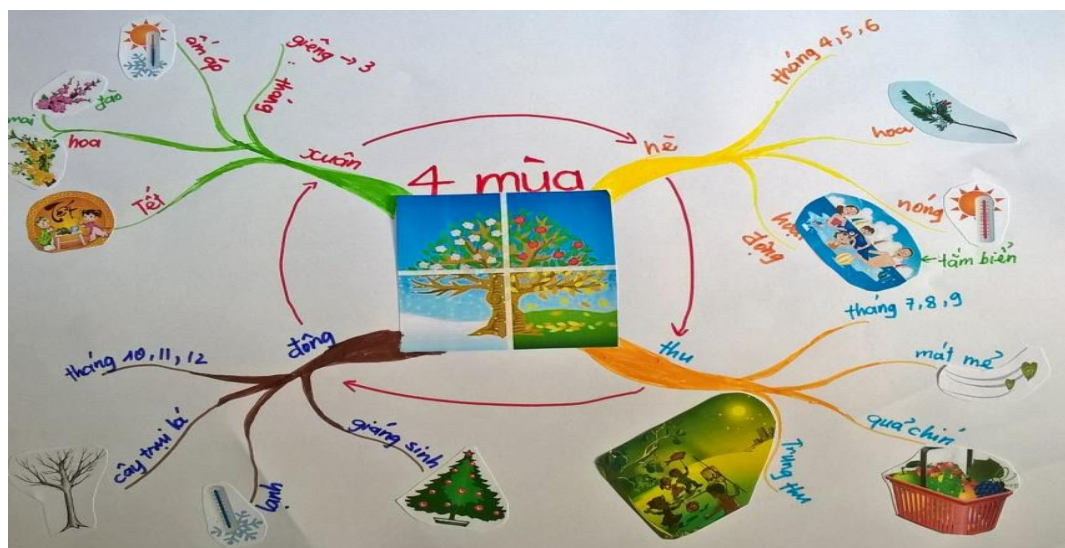


- Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy viết cho học sinh khiếm thính:

Khi dạy viết cho học sinh khiếm thính, giáo viên có thể sử dụng sơ đồ tư duy vào nhiều nội dung dạy học khác nhau, như:

+ Sử dụng sơ đồ tư duy để mở rộng, hệ thống hóa vốn từ cho học sinh khiếm thính: Để thực hiện phương pháp này, trước hết giáo viên lựa chọn những nội dung, bài tập mở rộng vốn từ phù hợp với việc sử dụng sơ đồ tư duy. Từ đó, giáo viên có thể lên kế hoạch tổ chức, hướng dẫn học sinh lập sơ đồ tư duy về mạng lưới các từ theo chủ đề, giúp học sinh khiếm thính sẽ có một hệ thống từ ngữ tương đối phong phú xoay quanh chủ đề hay nội dung đó.

Ví dụ: Với chủ đề bốn mùa (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 77), giáo viên có thể hướng dẫn học sinh khiếm thính lập sơ đồ tư duy như sau:



+ *Sử dụng sơ đồ tư duy trong hoạt động tìm ý và lập dàn ý cho bài văn:* Tùy theo khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính, giáo viên lựa chọn cách sử dụng sơ đồ tư duy cho phù hợp. Với học sinh khiếm thính có khả năng ngôn ngữ, nhận thức còn nhiều hạn chế, giáo viên có thể thiết kế 1 sơ đồ tư duy hoàn chỉnh để hướng dẫn học sinh khiếm thính tìm ý và lập dàn ý cho bài văn. Với học sinh khiếm thính có khả năng ngôn ngữ, nhận thức tốt hơn, giáo viên có thể thiết kế sơ đồ tư duy dạng mở: chỉ thiết kế hình ảnh trung tâm hoặc các nhánh chính, hướng dẫn học sinh khiếm thính tự tìm ý và triển khai các nhánh phụ giúp các em nắm được kiến thức, nội dung học tập.

Ví dụ: Sử dụng sơ đồ tư duy trong hoạt động tìm ý bài văn “Miêu tả về con vật yêu thích (chương trình lớp 5, tuần 30): Từ hoạt động tìm ý và sắp xếp các ý mà học sinh đã làm trong đoạn văn mẫu “Chim họa mi hót” của sách giáo khoa, giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động nhóm 4 với phiếu bài tập sau: Hãy liệt kê các bộ phận chính của con vật, hoạt động của con vật và tìm những từ ngữ thường dùng để miêu tả đặc điểm của hình dáng và hoạt động và trình bày theo sơ đồ mạng.

Sử dụng bài tập luyện tập kỹ năng viết cho học sinh khiếm thính:

- Để phát triển kỹ năng viết cho học sinh khiếm thính, giáo viên cần tăng cường cho học sinh luyện tập, thực hành kỹ năng viết thông qua các bài tập.
- Các dạng bài tập cơ bản để phát triển kỹ năng viết cho học sinh khiếm thính bao gồm:
 - + Bài tập làm giàu vốn từ được chia thành ba nhóm: bài tập dạy nghĩa, bài tập hệ thống hóa vốn từ và bài tập dạy sử dụng từ (tích cực hóa vốn từ).
 - + Bài tập theo các mạch kiến thức và kỹ năng về từ và câu được chia ra thành các nhóm: bài tập luyện từ (bài tập về các lớp từ, về biện pháp tu từ, cấu tạo từ, từ loại), bài tập luyện câu (các kiểu câu, cấu tạo câu, dấu câu, biện pháp liên kết câu), ngoài ra còn có nhóm bài tập về cấu tạo tiếng và quy tắc viết hoa.
 - + Bài tập luyện viết lời thoại và bài tập luyện viết thành đoạn, bài.
- Giáo viên cần cân nhắc đến khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính, lựa chọn các bài tập phù hợp trong sách giáo khoa cho học sinh thực hiện và thiết kế thêm phiếu bài tập dành riêng cho học sinh khiếm thính.
- Trước khi học sinh thực hành, giáo viên cần cho học sinh khiếm thính đọc kỹ đề bài, giải thích yêu cầu bài tập bằng ngôn ngữ kí hiệu và bằng ví dụ mẫu để học sinh hiểu rõ nhiệm vụ cần làm.
- Trong quá trình học sinh làm bài, giáo viên cần sử dụng các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn học sinh hiểu và thực hiện yêu cầu, sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giải thích, hướng dẫn học sinh làm bài.

Ví dụ: Với bài Luyện từ và câu “Ai làm gì?” (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 1), giáo viên có thể thiết kế bài tập cho học sinh khiếm thính như sau:

Em đặt câu theo mẫu câu Ai làm gì (dựa vào hình ảnh)?

	Ai?	Làm gì?
	Bạn	đang viết bài
		
		

Hướng dẫn học sinh khiếm thính viết câu theo mẫu

- Để khắc phục những lỗi về cách diễn đạt trong ngôn ngữ viết của học sinh khiếm thính, giáo viên cần luyện tập cho học sinh viết trên cơ sở những câu mẫu theo cách:

- + Phân tích chức năng ngữ pháp theo mẫu câu và luyện tập đặt câu theo mẫu.
- + Mô hình hoá cấu trúc câu theo sơ đồ: Sử dụng các hình hình học, kết hợp màu sắc biểu thị các thành phần của câu. Ví dụ, chọn các hình vuông, tròn, tam giác... rồi quy định hình nào là chủ ngữ và hình nào là vị ngữ. Sau đó, yêu cầu học sinh ghép hình thành cấu trúc quy định của sơ đồ ngữ pháp. Tiếp theo, là chọn từ lấp vào các hình đó theo cấu trúc quy định.

Đồng thời với các cách này, giáo viên có thể vẽ hình bằng bút hoặc phấn màu hay dùng hình có những màu sắc khác nhau để quy định các bộ phận câu khác nhau. Sau đó, yêu cầu học sinh khiếm thính sắp xếp theo quy định chuẩn.

Ví dụ: Mẫu câu “Ai? như thế nào?”

- + Bước 1: Giới thiệu cấu trúc câu theo sơ đồ:

Chủ ngữ	Vị ngữ
Ai 	Như thế nào? 

+ Bước 2: Phân tích ví dụ mẫu “Bạn Lan rất xinh.” Học sinh dựa theo sơ đồ ở bước 1, gạch chân các từ trả lời cho câu hỏi: **Ai? như thế nào?** để xác định các thành phần chủ ngữ, vị ngữ trong câu.

+ Bước 3: Học sinh vận dụng viết thêm các câu khác theo đúng cấu trúc ngữ pháp của câu mẫu được học. Ở bước này, giáo viên có thể sử dụng thêm tranh ảnh minh họa để hỗ trợ học sinh khiếm thính tạo câu dễ dàng hơn.

Hướng dẫn học sinh khiếm thính liên kết câu bằng các từ nối

Học sinh khiếm thính cần được dạy, hiểu ngắn gọn ý nghĩa bằng ngôn ngữ kí hiệu và ghi nhớ các từ nối thông dụng:

- *Sử dụng từ nối để liên kết các ý trong câu như:*

Sử dụng từ “và” để liệt kê sự vật, sự việc;

Sử dụng từ “nhưng” để kết nối hai vế A - B có ý nghĩa trái ngược nhau;

Sử dụng từ “hay/hoặc” để diễn đạt một tên gọi khác của một sự vật, sự việc hay con người; Hoặc dùng với câu hỏi lựa chọn.

- *Sử dụng từ nối để liên kết các câu trong đoạn văn như:*

“A tuy nhiên B” dùng để nối hai câu A và B có ý trái ngược hoặc khác nhau;

“Nếu A thì B” dùng để nối hai câu A và B trong đó nếu có A thì xảy ra B;

“Vì A nên B” dùng để nối hai câu A và B trong đó A là kết quả khi thực hiện B.

Hướng dẫn học sinh khiếm thính viết đoạn văn

Giáo viên cần chú trọng yêu cầu học sinh khiếm thính tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, logic. Cần bắt đầu bằng việc cho học sinh khiếm thính đọc và phân tích các đoạn văn mẫu để giúp các em nắm được các quy tắc ngữ pháp, lối diễn đạt, phong cách viết và nảy sinh những ý tưởng. Hướng dẫn học sinh khiếm thính viết nháp bằng ngôn ngữ kí hiệu, hỗ trợ bổ sung để giúp học sinh phát triển và sắp xếp các ý tưởng.

Ngoài ra, cần trực tiếp dạy cách cấu trúc câu trong một đoạn, khuyến khích học sinh sử dụng những từ liên kết câu thể hiện trình tự diễn biến của sự việc như: “đầu tiên”; “kế tiếp”; “sau đó”; “cuối cùng” để đoạn văn gắn kết chặt chẽ liên tục từng ý với nhau.

Dạy học sinh khiếm thính viết bài văn

- Hướng dẫn học sinh khiếm thính tìm hiểu đề và khơi gợi ý tưởng về chủ đề
 - + Giáo viên cần giải thích yêu cầu bằng ngôn ngữ kí hiệu để học sinh khiếm thính xác định được chủ đề, yêu cầu của bài viết.
 - + Tạo tình huống hoặc sử dụng tranh ảnh/mẫu vật và trò chuyện bằng ngôn ngữ kí hiệu về tình huống hoặc tranh ảnh/mẫu vật đó để khơi gợi học sinh khiếm thính nghĩ đến chủ đề/đề tài. Sử dụng một bài văn mẫu, hướng dẫn học sinh khiếm thính đọc và phân tích bài văn mẫu đó.
- Hướng dẫn học sinh khiếm thính tìm ý và lập dàn ý cho bài viết
 - + Ở phần này, giáo viên có thể cho học sinh khiếm thính sử dụng ngân hàng tư liệu đã xây dựng để tìm từ/cụm từ phù hợp với chủ đề.
 - + Hướng dẫn học sinh khiếm thính dùng sơ đồ tư duy để viết các ý dưới dạng từ hay cụm từ xung quanh chủ đề.
 - + Hướng dẫn học sinh khiếm thính sắp xếp các ý đã tìm được bằng cách đánh số thứ tự cho các ý.
- Hướng dẫn học sinh khiếm thính diễn đạt các ý thành bài viết
 - + Giáo viên hướng dẫn học sinh khiếm thính diễn đạt mỗi từ ngữ xoay quanh mạng chủ đề bằng ít nhất một câu. Trước tiên, giáo viên yêu cầu học sinh diễn đạt câu bằng ngôn ngữ kí hiệu trước, hỗ trợ học sinh khiếm thính phát triển các ý tưởng. Sau đó, mới yêu cầu học sinh khiếm thính viết lại các câu. Từ câu ngắn phát triển thành câu dài, từ đoạn nhỏ thành đoạn lớn, từ đoạn lớn thành bài văn.
 - + Để giúp học sinh khiếm thính luyện tập kĩ năng viết, giáo viên nên thiết kế các loại bài tập khác nhau để học sinh khiếm thính được thực hành luyện tập từng kĩ năng như: Bài tập phát triển từ thành câu; Bài tập viết đoạn mở bài, kết bài; Bài tập liên kết các câu trong đoạn, các đoạn trong bài văn...
- Hướng dẫn học sinh khiếm thính chỉnh sửa bài viết
 - + Giáo viên hướng dẫn học sinh khiếm thính tự đọc hoặc làm việc theo nhóm/cặp để rà soát lại bài viết và chỉnh sửa các lỗi diễn đạt. Trước tiên, nên tập trung vào sửa các lỗi về cấu trúc và ý tưởng chính của bài viết, sau đó tập trung chỉnh sửa lỗi về từ (như dùng từ chưa chính xác, lỗi chính tả...) và cho học sinh khiếm thính tìm ra các từ phù hợp để thay thế. Tiếp đến sửa các lỗi về câu, về sự chặt chẽ liên kết trong đoạn/bài văn.
 - + Định hướng chung của các phương pháp, kĩ thuật dạy viết là học sinh khiếm

thính thực hành trên cơ sở được giáo viên hỗ trợ trong suốt quá trình học cách tạo lập văn bản, từ quan sát, phân tích văn bản mẫu, tự viết văn bản theo yêu cầu đến chỉnh sửa văn bản. Sau khi viết xong, học sinh khiếm thính cần có cơ hội trao đổi, trình bày những gì đã viết.

Hoạt động 6: Tìm hiểu phương pháp phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên chỉ ra được phương pháp phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học; Vận dụng tổ chức các hoạt động phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Các thức tiến hành:

- Xem clip minh họa về việc phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng NNKH cho học sinh khiếm thính.
- Thảo luận nhóm về các phương pháp phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng NNKH cho học sinh khiếm thính.
- Thực hành theo nhóm: Thiết kế và tổ chức một hoạt động để phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng NNKH cho học sinh khiếm thính.

c) Thông tin cơ bản:

**Phương pháp phát triển kỹ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin
bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính**

Mở rộng vốn ký hiệu cho học sinh khiếm thính

- Để mở rộng vốn ký hiệu cho học sinh khiếm thính, trước hết giáo viên phải hiểu học sinh thông qua ký hiệu tự phát của các em. Mỗi học sinh khiếm thính đều có cách ra hiệu riêng, giáo viên phải tìm hiểu và sử dụng được những ký hiệu riêng của các em trước khi dạy các em ký hiệu qui ước.
- Mở rộng vốn ký hiệu cho học sinh khiếm thính thông qua giao tiếp hàng ngày. Tận dụng những tình huống cụ thể đang xảy ra để dạy các em.
- Trong giảng dạy, những từ ngữ, biểu tượng học sinh không hiểu, giáo viên có thể giải thích bằng tranh ảnh, mô hình kết hợp với ký hiệu, cử chỉ điệu bộ.
- Dạy học sinh các loại ký hiệu khác nhau: ký hiệu hành động, ký hiệu cảm xúc, ký hiệu mô tả...
- Sử dụng các tình huống, trò chơi hoặc cố ý tạo ra lỗi sai và khuyến khích học sinh khiếm thính sửa lỗi để dạy các em sử dụng ký hiệu.

Sử dụng kênh hình kết hợp với đàm thoại bằng ngôn ngữ kí hiệu

- Sử dụng kênh hình kết hợp với đàm thoại bằng ngôn ngữ kí hiệu thông qua hệ thống câu hỏi dẫn dắt sẽ giúp học sinh khiếm thính rèn kĩ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin thông qua ngôn ngữ kí hiệu một cách trực tiếp.
- Phương pháp này được thực hiện như sau:
 - + *Bước 1. Học sinh quan sát tranh/clip:* Quan sát là bước khởi đầu nhưng vô cùng quan trọng, giáo viên cần định hướng cho các em cách quan sát theo mục đích của mình. Vì thế, việc thiết kế một hệ thống câu hỏi tường minh, dễ hiểu nhằm dẫn dắt học sinh khiếm thính tìm hiểu nội dung thông tin của bức tranh (hình ảnh, clip, phim tài liệu...) là một việc làm cần thiết.
 - + *Bước 2. Học sinh đàm thoại bằng ngôn ngữ kí hiệu:* Dưới sự tổ chức, dẫn dắt và gợi mở của giáo viên, học sinh khiếm thính sẽ kết nối những hình ảnh mà mình nhận được với những kiến thức mình đã được trải nghiệm. Trên cơ sở đó, học sinh liên kết các hình ảnh và sự kiện đó với nhau tạo nên một nội dung thông tin hoàn chỉnh.
 - + *Bước 3. Học sinh diễn đạt thông tin thành câu, thành bài bằng ngôn ngữ kí hiệu:* Mỗi học sinh khiếm thính có cách cảm, cách hiểu và vốn ngôn ngữ kí hiệu khác nhau. Chính vì vậy, việc diễn đạt của các em sẽ cho ra những sản phẩm phong phú và đa dạng. Điều quan trọng nhất đối với giáo viên khi xem xét và đánh giá kết quả làm việc của học sinh là luôn nhìn nhận quá trình trong xu hướng tích cực. Giáo viên cần định hình đúng và tổ chức tốt quá trình làm việc của học sinh khiếm thính. Việc diễn đạt của học sinh khiếm thính có thể là theo mẫu (ở giai đoạn đầu), sau đó là sự diễn đạt mang dấu ấn cá nhân ở từng học sinh (ở giai đoạn sau).
 - + *Bước 4. Nhận xét, đánh giá:* Việc diễn đạt thành câu của học sinh khiếm thính sẽ không có đáp án sai, có thể có những câu cần sự tham gia góp ý và điều chỉnh của giáo viên để tạo thành một câu hoàn thiện hơn. Bằng sự động viên, khéo léo, tinh tế thông qua ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, hay một nụ cười, một ánh mắt... giáo viên có thể giúp học sinh hứng thú hơn trong quá trình luyện tập.

Ví dụ: Giáo viên sử dụng bức tranh *Quét nhà*

- + *Bước 1: Học sinh quan sát tranh*

Quét nhà là một đề tài phù hợp với học sinh vì hoạt động này là hoạt động các em đã trực tiếp quan sát ông bà, bố mẹ, anh chị làm hoặc là việc các em đã từng làm.



+ *Bước 2: HS đàm thoại*

Giáo viên tổ chức đàm thoại với học sinh khiếm thính bằng các câu hỏi như:

- ✓ Trong tranh, bạn gái đang làm gì? (*đang quét nhà*)
- ✓ Bạn dùng gì để quét nhà? (*dùng chổi*)
- ✓ Theo em, bạn quét nhà vào khi nào? (*sau bữa ăn, khi nhà bẩn*)
- ✓ Bạn quét như thế nào thì nhà sẽ sạch? (*miết mạnh chổi, quét khắp nhà, moi gầm bàn...*)
- ✓ Bạn đổ rác bẩn đi đâu? (*hót và đổ vào thùng rác, hố rác*)
- ✓ Bạn quét xong, bố mẹ của bạn có vui không? (*rất vui*).

+ *Bước 3: HS diễn đạt thành câu, thành bài*

Sau khi đàm thoại, giáo viên có thể dựa vào kết quả ấy để giúp học sinh khiếm thính diễn đạt thành một chuỗi câu hoặc thành bài diễn đạt hoàn chỉnh. Trong khi học sinh diễn đạt, giáo viên chú ý sửa lỗi dung ngôn ngữ kí hiệu chưa chính xác và lỗi diễn đạt của các em. Giáo viên cần hướng dẫn các em diễn đạt cho rõ ràng, dễ hiểu.

Ví dụ, HS có thể diễn đạt theo tranh với nội dung như sau: *Sau bữa cơm, Lan quét nhà giúp bố mẹ. Lan thu gọn bàn ghế và lấy chổi ra quét. Bạn miết mạnh chổi xuống nền nhà. Chổi đưa đến đâu, nhà sạch đến đấy. Lan moi hết rác bẩn ở gầm bàn, gầm ghế. Sau đó, Lan gom rác lại rồi hót và đổ vào thùng rác. Bố Lan khen: “Con quét nhà sạch quá! Con ngoan lắm!”*

+ *Bước 4: Nhận xét, đánh giá*

HS lắng nghe GV nhận xét, đánh giá. HS có thể hát bằng ngôn ngữ kí hiệu bài hát *Bé quét nhà* (Nhạc và lời: Hà Đức Hậu).

Sử dụng hoạt động kể chuyện, đóng vai bằng ngôn ngữ kí hiệu

- Thông qua các hoạt động kể chuyện, đóng vai, học sinh khiếm thính có rất nhiều cơ hội để luyện tập kĩ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu.
- Đối với học sinh khiếm thính, giáo viên nên tổ chức hoạt động kể chuyện, đóng vai

bằng ngôn ngữ kí hiệu như sau:

- + Giáo viên kể chuyện bằng ngôn ngữ kí hiệu: Trong hoạt động này, giáo viên nên sử dụng tranh minh họa các tình tiết trong câu chuyện, chú ý sự thể hiện bằng nét mặt, ánh mắt, cử chỉ điệu bộ kết hợp với ngôn ngữ kí hiệu để giúp học sinh khiếm thính hiểu và nhớ câu chuyện.
- + Hướng dẫn học sinh khiếm thính làm ký hiệu các từ mới trong bài kể chuyện.
- + Học sinh khiếm thính tập kể từng đoạn dựa theo tranh và câu hỏi gợi ý.
- + Học sinh khiếm thính kể lại câu chuyện bằng hình thức đóng vai.
- + Học sinh khiếm thính kể lại toàn bộ câu chuyện bằng ngôn ngữ kí hiệu.

Hoạt động 7: Hướng dẫn sử dụng video bài giảng môn Tiếng Việt

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên có thể sử dụng video bài giảng môn Tiếng Việt của dự án QIPEDC để hướng dẫn, hỗ trợ học sinh khiếm thính sử dụng nguồn học liệu này.

b) Các thức tiến hành:

- Giảng viên giới thiệu về nội dung, cấu trúc và cách truy cập các video bài giảng môn Tiếng Việt của dự án QIPEDC.
- Học viên thực hành truy cập, xem và thao tác với video bài giảng môn Tiếng Việt của dự án QIPEDC để tìm hiểu thực tế cách sử dụng video bài giảng này.

c) Thông tin cơ bản:

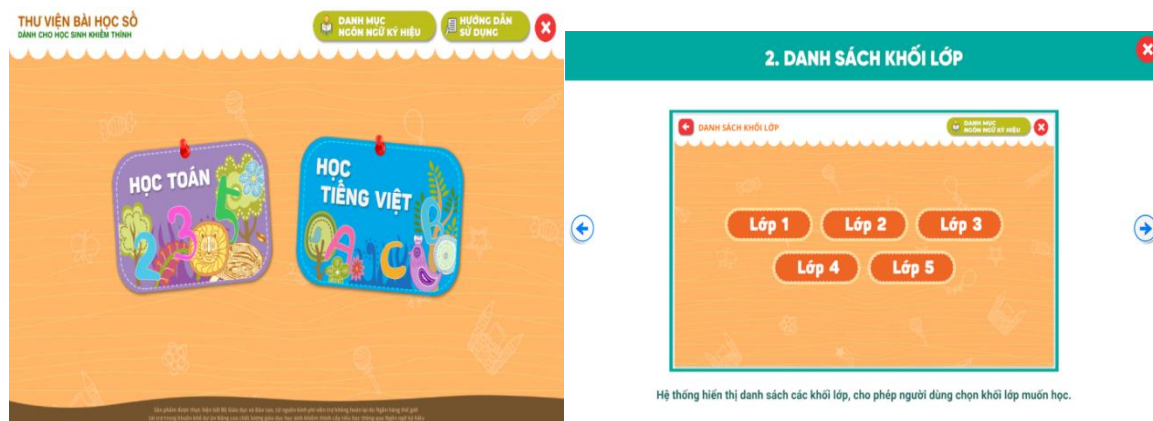
Hướng dẫn sử dụng video bài giảng môn Tiếng Việt

Giới thiệu video bài giảng môn Tiếng Việt

- **Về nội dung:** Bộ video bài giảng gồm có 100 bài học môn Tiếng Việt bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi lớp có 20 video bài giảng. Nội dung các bài giảng được xây dựng dựa trên các kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Tiếng Việt cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đảm bảo hài hòa giữa chương trình hiện hành và chương trình giáo dục phổ thông mới, tập trung vào các phân môn: Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn.
- Nội dung của từng video bài giảng được trình bày sinh động và thu hút với hỗ trợ hình ảnh, âm thanh, clip và được thể hiện bằng ngôn ngữ kí hiệu. Mỗi video bài giảng có thời lượng ngắn, phù hợp với khả năng tập trung của học sinh khiếm thính tiểu học.
- **Về cấu trúc:** Mỗi video bài giảng có cấu trúc gồm hai phần, phần ôn luyện và phần bài tập thực hành. Phần ôn luyện gồm các nội dung chủ đề bài học được diễn đạt bằng ngôn ngữ kí hiệu. Phần bài tập thực hành gồm các nhiệm vụ ôn tập, mang tính chất củng cố nội dung bài học. Các bài tập được thiết kế đa dạng về thể loại và được trình bày sinh động, thu hút sự chú ý của học sinh.

Cách truy cập và sử dụng video bài giảng môn Tiếng Việt

- Mở phần mềm: Vào thư mục hệ thống bài giảng tương tác ➡ vào thư mục khiếm thính 2019 ➡ chạy file khiemthinh2019.exe
- Chọn môn học Tiếng Việt: Hệ thống sẽ hiển thị các khối lớp, cho phép người dùng chọn khối lớp muốn học



- Chọn bài học: Hệ thống hiển thị danh sách các bài học, người dùng chọn bài học muốn học



- Sau khi chọn bài học, người dùng được lựa chọn phần ôn luyện hoặc bài tập thực hành.
- Trên phụ đề các từ ngữ có phần giải nghĩa, khi nhấn vào từ ngữ trong phụ đề, video sẽ tự động tạm dừng và phần giải nghĩa sẽ được hiển thị ở bên phải màn hình.
- Trong video bài giảng, sẽ có các câu hỏi tương tác thể hiện dưới dạng các câu trắc nghiệm đơn giản để học sinh trả lời. Khi có câu hỏi, video sẽ tạm dừng, phần câu hỏi và đáp án sẽ hiển thị ở phần phụ đề. Khi học sinh chọn đúng câu trả lời, video bài giảng sẽ tiếp tục chạy.

- Sau khi kết thúc bài học, học sinh có thể làm bài tập củng cố để củng cố kiến thức sau mỗi bài học.

Một số lưu ý khi hướng dẫn học sinh khiếm thính sử dụng video bài giảng môn Tiếng Việt

- Học sinh có thể lần lượt học các bài học theo trình tự gồm 1 bài tập đọc, sau đó đến bài Luyện từ và câu và Tập làm văn; hoặc lựa chọn các chủ đề học một cách tự do theo danh mục bài học của từng lớp và theo danh mục ngôn ngữ kí hiệu.
- Học sinh có thể sử dụng video bài giảng theo nhiều cách khác nhau: học cá nhân hay học theo nhóm, tự học hoặc học với sự hướng dẫn của giáo viên/nhân viên/phụ huynh...
- Nếu cần xem lại nội dung kiến thức nào, học sinh có thể tạm dừng video hoặc quay lại nội dung đó để xem.
- Học sinh có thể trực tiếp tìm hiểu nghĩa của từ mới, từ khó bằng cách nhấp chuột vào từ ngữ trong phụ đề.

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

1) Phân tích đặc điểm học tập môn Tiếng Việt của một học sinh khiếm thính tiểu học mà thầy/cô đã hoặc đang dạy.

2) Trình bày phương pháp dạy đọc cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

3) Trình bày phương pháp dạy viết cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

4) Trình bày phương pháp phát triển kĩ năng tiếp nhận và biểu đạt thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khiếm thính.

2. Bài tập thực hành

1) Xác định cách thức điều chỉnh trong dạy học môn Tiếng Việt cho một học sinh khiếm thính cụ thể.

2) Chọn một nội dung dạy đọc cho học sinh khiếm thính trong môn Tiếng Việt và thiết kế bài soạn để dạy nội dung đó.

3) Chọn một nội dung dạy viết cho học sinh khiếm thính trong môn Tiếng Việt và thiết kế bài soạn để dạy nội dung đó.

4) Thiết kế bài soạn để giúp học sinh khiếm thính phát triển kĩ năng tiếp nhận/biểu đạt thông tin bằng ngôn ngữ kí hiệu.

IV. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Dự thảo Thông tư Ban hành Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, Bài 3, Một số kĩ năng dạy trẻ khiếm thính trong lớp học hòa nhập*.
3. Nguyễn Thị Hạnh (2002), *Dạy học đọc hiểu ở Tiểu học*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
4. Lê Phương Nga (2019), *Dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
5. Lê Phương Nga – Lê A - Đỗ Xuân Thảo - Đặng Kim Nga (2004), *Giáo trình phương pháp dạy học Tiếng Việt 1*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
6. Lê Phương Nga (2001), *Dạy học tập đọc ở Tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Lê Văn Tạc (2000), *Phương pháp nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ điếc tuổi mẫu giáo và tiểu học trong môi trường giáo dục hòa nhập*, Báo cáo đề tài Khoa học Công nghệ cấp Bộ, Mã số: B98-49-62.
8. Vương Hồng Tâm (2009), *Nghiên cứu cách biểu đạt ngôn ngữ kí hiệu của người điếc Việt Nam*, Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Viện (V2007-19), Hà Nội.
9. Vương Hồng Tâm (2005), *Phương pháp dạy từ ngữ cho trẻ khiếm thính*, Tạp chí Khoa học Giáo dục (số 3), tr 32-33.
10. Trần Thị Thiệp (chủ biên) (2016), *Giáo trình ngôn ngữ kí hiệu thực hành*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
11. Nguyễn Trí (2009), *Một số vấn đề dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2005), *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

Tiếng Anh

13. Marc Marschark, Harry G Lang and John A Albertini (2002), *Educating deaf students: from research to practice*, Oxford University Press, New York, 2002. 277pp, ISBN 0 19 512139 2.

Chủ đề 5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TOÁN CHO HỌC SINH KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU HỌC THÔNG QUA NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

(5 tiết lí thuyết; 5 tiết thực hành; 5 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Mô tả vắn tắt đặc điểm học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Xác định một số phương pháp dạy học môn Toán cấp tiểu học phù hợp với đặc điểm học tập của học sinh khiếm thính.
- Thiết kế hoạt động dạy học vận dụng một số phương pháp dạy học Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thực hiện những điều chỉnh linh hoạt và sáng tạo trong dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

2. Phẩm chất

- Tích cực tìm hiểu và trao đổi về phương pháp dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Hợp tác với các lực lượng khác cùng tham gia giáo dục học sinh như nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, người điếc lớn tuổi, cha mẹ học sinh khiếm thính trong dạy học và hỗ trợ giáo dục các học sinh này.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Đặc điểm học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 1: Tìm hiểu năng lực học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) Yêu cầu cần đạt:

- Nêu được các điểm mạnh trong học tập môn Toán và cách thức tìm hiểu năng lực học tập môn Toán của học sinh khiếm thính
- Cho ví dụ trường hợp học sinh khiếm thính với những điểm mạnh cụ thể trong học tập môn Toán.

b) Cách thức tiến hành:

- Nghiên cứu tài liệu, thảo luận và trao đổi chung;
- Thực hành mô tả về điểm mạnh học tập của học sinh khiếm thính.
- Phản hồi thông tin

c) Thông tin cơ bản:

Năng lực học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

- Năng lực học tập môn Toán, là một năng lực học tập cốt lõi giúp phát triển tư duy toán học, lập luận logic và giải quyết vấn đề, vận dụng vào thực tiễn cũng như hỗ

trợ, kết nối để học tập các môn học khác, nhất là các môn Khoa học, Khoa học tự nhiên, Tin học. Ở cấp tiểu học, Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán năm 2018, bắt đầu áp dụng cho lớp 1 năm học 2020-2021, có 4 mạch nội dung/chủ yếu, gồm: Số học và Đại số, Hình học (*trực quan*) và đo lường, Thống kê và xác suất, Hoạt động thực hành và trải nghiệm [1]. Trong cùng thời gian năm học đó, các lớp 2, 3, 4 và 5 vẫn học theo chương trình Giáo dục phổ thông năm 2000 với 4 chủ đề: Số học, Đại lượng và đo đại lượng, Yếu tố hình học, Giải toán có lời văn [2]. Năng lực học tập môn Toán của học sinh tiểu học được phát triển và bộc lộ qua quá trình và kết quả học tập các chủ đề đã nêu.

- Học sinh khiếm thính cấp tiểu học cũng phát triển và bộc lộ được những năng lực học tập môn Toán ở các mức độ khác nhau. Trước hết, cần khẳng định rằng các em cũng những điểm mạnh riêng, là điểm tựa để học tập môn học này. Đầu tiên có thể kể đến là khả năng quan sát khá tốt [5]. Nhờ khả năng quan sát, các em có bắt chước và làm theo mẫu khá nhanh; đồng thời có thể thuận lợi trong việc ghi nhớ hình ảnh và phân biệt sự giống nhau, khác nhau giữa các đối tượng trực quan [3]. Kiểu tư duy thiên về trực quan hình tượng và trực quan hành động cũng hỗ trợ rất nhiều cho việc học những chủ đề, lĩnh vực nội dung môn Toán có tính trực quan như là hình học và đo đại lượng. Học qua nhìn và thực hành, trải nghiệm, do đó, được cho là cách học tập phát huy được những điểm mạnh của học sinh khiếm thính ở môn Toán, nhất là khi được kết hợp với hướng dẫn bằng ngôn ngữ kí hiệu [6], [7].
- Qua nghiên cứu sản phẩm học tập, hồ sơ, khảo sát cũng như quá trình dạy học môn Toán, giáo viên có thể tìm hiểu và phát hiện ra năng lực học tập môn Toán ở mỗi học sinh khiếm thính. Năng lực học tập môn Toán là khác nhau ở mỗi học sinh và việc tìm hiểu này được cá nhân hóa, theo cách không so sánh với các học sinh khác mà lượng giá và so sánh mức độ lĩnh hội và kết quả học tập các chủ đề hoặc lĩnh vực kiến thức và các kĩ năng học tập khác nhau trong môn Toán của chính học sinh đó. Những khía cạnh nổi trội hơn của cá nhân học sinh được xem như biểu hiện năng lực học tập môn Toán của em đó. Ví dụ dưới đây là minh họa về tìm hiểu năng lực học tập của học sinh khiếm thính Nguyễn Văn A. (lớp 3). Giáo viên lượng giá năng lực học tập môn Toán của em A bằng cách so sánh khả năng học tập các lĩnh vực học tập của em theo thang điểm 10 và vẽ thành biểu đồ hình cột. Theo đó, năng lực học tập môn Toán của em A thể hiện tốt với các kiến thức – kĩ năng về Yếu tố hình học, Đo đại lượng và Số học (khía cạnh đọc, viết, so sánh số).

10								
9								
8								
7								
6								
5								
4								
3								
2								
1								
Mức Lĩnh vực	Số học: đọc, viết, so sánh số	Số học: phép tính cộng, trừ, nhân, chia	Đại lượng: đọc, viết, đổi đơn vị đo	Đo đại lượng: đo và ước lượng	Yếu tố Đại số	Yếu tố Hình học	Yếu tố thống kê	Giải toán có lời văn

Đặc điểm năng lực học tập môn Toán như của em A phản ánh ở trên cũng được thấy tương tự ở nhiều học sinh khiếm thính khác, do có nhiều nét tương đồng về điểm mạnh học tập. Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, năng lực học tập môn Toán, cũng như điểm mạnh để học tập môn này không hoàn toàn giống nhau giữa các học sinh khiếm thính. Do đó, việc tìm hiểu năng lực và thế mạnh học tập môn Toán cần phải cá nhân hóa và sát hợp với từng học sinh.

- Việc tìm hiểu điểm mạnh và năng lực học tập môn Toán của cá nhân học sinh khiếm thính giúp giáo viên có thêm cơ sở để tin tưởng và khả năng học Toán cũng như phát huy được những khía cạnh tích cực đó, tạo thêm tự tin học tập cho các em và hướng tới cải thiện những khía cạnh còn nhiều khó khăn và hạn chế.

Hoạt động 2: Tìm hiểu những khó khăn trong học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) Yêu cầu cần đạt:

- Nêu và giải thích được những khó khăn trong học tập môn Toán của học sinh khiếm thính
- Cho ví dụ trường hợp học sinh khiếm thính với khó khăn cụ thể trong học tập môn Toán.

b) Cách thức tiến hành:

- Nghiên cứu tài liệu học tập, trao đổi và chia sẻ thông tin.
- Thực hành mô tả trường hợp học sinh khiếm thính với các khó khăn học tập cụ thể ở môn Toán.
- Phản hồi thông tin.

c) Thông tin cơ bản:

Những khó khăn trong học tập môn Toán của học sinh khiếm thính cấp tiểu học

- Có bằng chứng nghiên cứu rằng tư duy và năng lực Toán của học sinh khiếm thính chậm hơn từ 2 đến 3,5 năm so với học sinh nghe [8], [9]. Bên cạnh những điểm mạnh học tập môn Toán của cá nhân học sinh làm chỗ dựa cho phát triển năng lực học tập môn học này, có rất nhiều những khó khăn và thách thức trong học tập môn Toán mà các học sinh khiếm thính phải đối mặt. Việc nhận diện, mô tả và giải thích được những khó khăn đó giúp giáo viên có định hướng và sự chuẩn bị tốt hơn cho dạy học các em này.
- Trong quá trình học tập môn Toán, học sinh khiếm thính gặp nhiều khó khăn học tập. Các khó khăn thường bộc lộ gồm:
 - + Khó (hoặc không) nghe-hiểu được các hướng dẫn bằng lời
 - + Khó (hoặc không) diễn đạt được suy nghĩ và ý kiến phản hồi bằng lời
 - + Khó khăn trong lĩnh hội các khái niệm Toán
 - + Hạn chế tư duy logic-toán để giải các bài toán có lời văn.
- Thực tiễn dạy học sinh khiếm thính và cả cứ liệu nghiên cứu chỉ ra, hai vấn đề khó nhất mà những học sinh này thường gặp phải là học các khái niệm Toán và suy luận logic Toán (giải toán có lời văn) [8].
- Các khái niệm môn Toán có đặc điểm chung là trừu tượng, được diễn đạt bằng các thuật ngữ chính xác và nhất quán, khác với ngôn ngữ trong giao tiếp thông thường hoặc trong môn tiếng Việt và các môn học khác. Chẳng hạn, các khái niệm như: phân số, số thập phân, trung bình cộng, chu vi, diện tích, vận tốc,... tưởng như dễ dàng hình dung vì có thể lấy được nhiều ví dụ; nhưng để hiểu bản chất, khái quát hóa và vận dụng vào các bài toán lại không hề dễ dàng với nhiều học sinh, nhất là với các em khiếm thính.
- Vấn đề suy luận logic để giải bài toán có lời văn lại càng khó với học sinh khiếm thính. Chẳng hạn, ta xét bài tập sau:

Hai người ở cùng nhà đi xe đạp theo hai hướng ngược nhau. Sau 15 phút người thứ nhất cách nhà 4 km, người thứ hai cách nhà 3 km. Tính khoảng cách giữa hai người lúc đó.

Với bài tập trên, việc thực hiện phép tính không phải là khó khăn. Cái khó là tư duy logic, rằng hai người xuất phát từ cùng một điểm, đi theo hai hướng ngược nhau thì khoảng cách giữa họ sau một khoảng thời gian sẽ là kết quả phép cộng

hai khoảng cách tính từ điểm xuất phát chung.

- Có nhiều nhân tố gây nên khó khăn cũng như khoảng cách về tư duy và năng lực học Toán của học sinh khiếm thính so với học sinh nghe. Các nhân tố chính gồm:
 - + Sự hạn chế về tư duy ngôn ngữ-logic, do hạn chế về nghe-nói ở trẻ;
 - + Học sinh chưa/không được dạy Toán bằng ngôn ngữ kí hiệu một cách có hệ thống từ nhỏ;
 - + Bản thân ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam còn đang ở trạng thái sơ khai, không dễ để sử dụng trong trường học, nhất là trường hòa nhập.
- Việc tìm hiểu được các khó khăn cụ thể của học sinh khiếm thính trong học tập môn Toán giúp giáo viên có thông tin định hướng để điều chỉnh dạy học và hỗ trợ các em khắc phục khó khăn, hướng đến dạy học hiệu quả hơn.

2. Điều chỉnh trong dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 3: Thực hiện điều chỉnh trong dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) Yêu cầu cần đạt:

- Lí giải được sự cần thiết phải điều chỉnh trong dạy học môn Toán đối với học sinh khiếm thính.
- Cho ví dụ về cách thức điều chỉnh trong dạy học môn Toán cho trường hợp học sinh khiếm thính ở tiểu học có học sinh khiếm thính.

b) Cách thực hiện:

- Trình bày và thảo luận toàn lớp về sự cần thiết và cách thức thực hiện điều chỉnh trong dạy học môn Toán ở lớp tiểu học có học sinh khiếm thính
- Trao đổi và thực hành theo nhóm (4-5 thành viên/nhóm): mô tả trường hợp học sinh khiếm thính và lấy ví dụ về điều chỉnh trong bài học môn Toán ở lớp có học sinh này.
- Phản hồi chung.

c) Thông tin cơ bản:

Điều chỉnh trong dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

- Điều chỉnh trong dạy học được hiểu là những thay đổi có chủ ý sư phạm nhằm giúp học sinh với khó khăn đặc thù có thể tham gia bài học hiệu quả hơn. Như đã đề cập, trong dạy học môn Toán, học sinh khiếm thính thường gặp nhiều khó khăn học tập. Giáo viên cần hiểu được năng lực học tập của học sinh và những khó khăn cụ thể để có cách thức điều chỉnh phù hợp cho mỗi bài học.
- Với lớp học chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính, do chỗ các em khá tương đồng về điểm mạnh và khó khăn học tập, nên sự điều chỉnh khá thuận để thực

hiện theo kiểu đồng loạt. Chẳng hạn, cả lớp sẽ cùng được học Toán bằng ngôn ngữ kí hiệu, cùng được giảm tải yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng so với chương trình giáo dục phổ thông (như mô tả trong chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học), và kết hợp với các phương pháp dạy học đặc thù trong môn Toán (sẽ được trình bày và trao đổi ở phần 3).

- Với lớp học hòa nhập, do tính đa dạng của lớp học với số đông là học sinh nghe và có 1 hoặc 2 học sinh khiếm thính, nên sự điều chỉnh trong dạy học là thực sự cần thiết và nhiều thách thức hơn. Làm thế nào để đảm bảo sự tham gia học tập tích cực và hiệu quả của học sinh khiếm thính, nhưng không gây ảnh hưởng sự chậm trễ, xáo trộn đối với lớp học chung. Tùy thuộc vào từng trường hợp lớp học và học sinh cụ thể. Những điều chỉnh có thể là:
 - + Thiết kế mục tiêu dạy học chung cho lớp và mục tiêu riêng cho học sinh khiếm thính.
 - + Thiết kế phiếu học tập dành riêng cho học sinh khiếm thính.
 - + Hướng dẫn bằng lời nói cho học sinh nghe, và bằng ngôn ngữ kí hiệu đối với học sinh khiếm thính.
 - + Sắp đặt phòng học sao cho học sinh khiếm thính dễ quan sát hướng dẫn của giáo viên (hình miệng, thao tác minh họa trực quan, giao tiếp kí hiệu,...).
 - + Sử dụng học sinh trong lớp như một nguồn hỗ trợ: cho học sinh khiếm thính ngồi gần bạn quen và biết cách giao tiếp cùng; tổ chức hoạt động nhóm để tăng cơ hội trao đổi học sinh – học sinh.
 - + Tăng cường sử dụng trực quan để minh họa cho các khái niệm Toán.
 - + Thiết kế và tổ chức hoạt động thực hành và trải nghiệm để học sinh khiếm thính tham gia và phát huy được điểm mạnh.
 - + Học sinh khiếm thính trả lời bằng ngôn ngữ kí hiệu và/hoặc viết, vẽ lên bảng hay giấy.
 - + Dành thêm thời gian hỗ trợ cá nhân cho học sinh.
 - + Dành thêm thời gian hoặc giảm khối lượng bài tập Toán cần hoàn thành với học sinh khiếm thính...

Ta hãy xét một ví dụ trường hợp lớp 1A3 với học sinh khiếm thính Lưu Văn B với dữ kiện ở bảng sau:

Bối cảnh lớp học	Thông tin về học sinh Lưu Văn B.
- Lớp 1A3, Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ - Lớp hòa nhập: 35 học sinh nghe và 1 học sinh khiếm thính. - Thời điểm giữa học kì II - Lớp học bài: Các số có hai chữ số - Các học sinh nghe đều đã có thể đếm đến 100; nghe-hiểu hướng dẫn về cấu tạo số có hai chữ số, đọc-viết số có hai chữ số. - Sau khi được hướng dẫn bài toán mẫu, học sinh nghe có thể trả lời và thực hiện các bài tập 1-4, trg. 136-137, SGK.	- Khiếm thính mức sâu (trên 90 dB) - Tô, chép được chữ. - Đếm, đọc, viết và làm phép tính phạm vi 10 bằng chữ số ngón tay và trên vở. - Chưa hiểu cấu tạo số và cách đọc, viết số có hai chữ số theo mẫu SGK và theo lời giảng của giáo viên. - Sau phần nhìn bài Toán mẫu và trình bày bảng của giáo viên, B. chép bài vào vở nhưng không thể làm được bài nào trong số 4 bài tập các bài tập vận dụng 1-4, trg. 136-137, SGK.

Với trường hợp như trên, sự điều chỉnh dạy học trong lớp có em B là hết sức cần thiết. Dưới đây là một ví dụ về cách hướng dẫn lớp và em B trong bài học này:

Giáo viên yêu cầu cả lớp trả lời từng câu hỏi, học sinh B trả lời bằng kí hiệu: Hình như dưới đây có mấy cột? Mỗi cột có mấy ô? Mấy cột và mấy ô được tô màu?

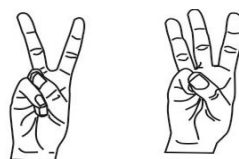
Sau khi cả lớp đồng thanh trả lời từng câu hỏi (em B trả lời bằng kí hiệu), giáo viên hướng dẫn tiếp: Phần tô màu là ví dụ biểu thị số 23, gồm hai chục (tô màu 2 cột) và 3 đơn vị (tô màu 3 ô).

Cách đọc và viết số 23 như sau:

+ (Trên giấy hoặc trên bảng): Đọc (chữ): **Hai mươi ba**

Viết (chữ số): **23**

+ (Bằng ngôn ngữ kí hiệu):

Đọc (chữ cái ngón tay)			
Viết (chữ số ngón tay)			

+ Yêu cầu lớp xem 3 ví dụ trang 136 SGK và làm các bài tập 1-4 (trg. 136-137) vào vở. Riêng em B làm vào Phiếu học tập các bài tập như dưới đây, sau đó làm bài tập 1a và 2 (trg. 136-137) vào vở.

Phiếu học tập

Bài: Các số có hai chữ số

Ngày: ____/____/____

Học sinh: **Lưu Văn B.** Lớp: **1A3** Trường: **Tiểu học Hoàng Văn Thụ**

Tô cột và ô, đọc, viết các số như mẫu dưới đây:

Viết: **23**

Đọc: **Hai mươi ba**

1

Viết: **36**

Đọc: **Ba mươi sáu**

2

Viết:

Đọc: **Bốn mươi bảy**

3

Viết: **88**

Đọc:

4

Viết:

Đọc:

Điền từ vào chỗ ...:

5

Số **38** gồm chục và đơn vị.

Hoạt động 4: Thực hành về điều chỉnh dạy học môn Toán cho lớp có học sinh khiếm thính cấp tiểu học

a) Yêu cầu cần đạt:

- Thiết kế được bài học điều chỉnh môn Toán cho lớp có học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thực hiện hoạt động hướng dẫn có điều chỉnh cho lớp có học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

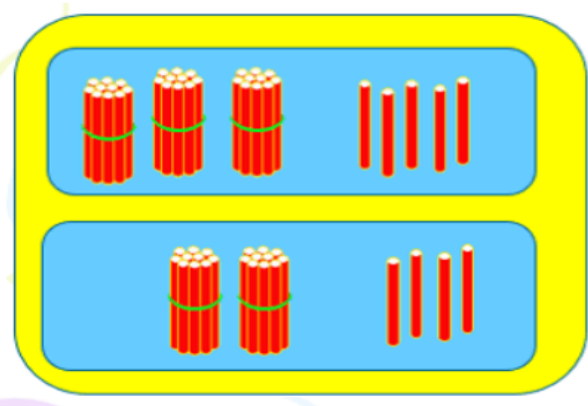
- Trình bày và trao đổi chung về yêu cầu thực hành trước lớp.
- Thực hành theo nhóm, mô tả trường hợp học sinh và thiết kế hoạt động điều chỉnh trong dạy học môn Toán cho lớp tiểu học có học sinh khiếm thính.
- Sắm vai và thể hiện trước lớp

c) Thông tin cơ bản:

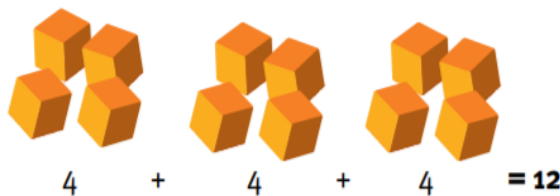
**Điều chỉnh trong dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học
(tiếp theo)**

Như đã đề cập, mỗi học sinh khiếm thính có năng lực và khó khăn học tập ở môn Toán là khác nhau. Để điều chỉnh sát hợp, cần có mô tả trường hợp, đặt trong bối cảnh lớp học cụ thể để thiết kế và thực hiện hoạt động dạy học phù hợp. Dưới đây là một vài ví dụ.

Ví dụ 1: Trường hợp học sinh khiếm thính lớp 1 đã có khả năng đọc, viết, đếm, hiểu cấu tạo số có hai chữ số; thực hiện được phép cộng số có 1 chữ số, nhưng không biết cộng số có hai chữ số. Với thực tế học sinh như vậy, có thể điều chỉnh bằng cách lấy ví dụ và hướng dẫn cụ thể như sau:

 $35 + 24 = ?$ (Minh họa hình ảnh phép cộng hai số có hai chữ số; đặt hai số đó thẳng cột theo hàng; cộng từ hàng đơn vị rồi đến hàng chục)	Số hàng chục	Số hàng đơn vị
	3	5
	2	4
	5	9

Ví dụ 2: Học sinh khiếm thính lớp 2 có thể thực hiện được phép cộng nhưng chưa hiểu khái niệm phép nhân. Trong bài Bảng nhân 4, có thể hướng dẫn cụ thể, từ phép cộng trực quan nhiều lần số 4; tiếp tục bằng cách xếp các hàng 4 đối tượng, đếm số hàng và thay thế phép cộng nhiều lần số 4 bằng phép nhân 4 với một số.



$$4 \times 3 = 12$$

3. Phương pháp dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 5: Trực quan hóa trong dạy các khái niệm Toán

a) Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày và cho ví dụ về trực quan hóa trong dạy khái niệm Toán cho học sinh khiếm thính.
- Thiết kế hoạt động dạy học khái niệm Toán cho lớp có học sinh khiếm thính cấp tiểu học theo phương pháp trực quan hóa.

b) Cách thức tiến hành:

- Trình bày và thảo luận chung toàn lớp về ví dụ dạy học trực quan kết hợp với sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để dạy khái niệm Toán cho học sinh khiếm thính.
- Trao đổi và thực hành theo nhóm: thiết kế hoạt động dạy khái niệm Toán trực quan hóa cho học sinh khiếm thính.
- Phản hồi chung.

c) Thông tin cơ bản:

Trực quan hóa trong dạy các khái niệm Toán

- Khái niệm Toán có tính chất trừu tượng và khó lĩnh hội đối với nhiều học sinh, nhất là đối với học sinh khiếm thính. Thêm nữa, nhiều khái niệm Toán cũng chưa sẵn có trong ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam. Ngay cả khi có kí hiệu thể hiện khái niệm đó và giáo viên sử dụng luôn để giao tiếp mà không hướng dẫn thì học sinh khiếm thính cũng hầu như không thể hiểu được. Do vậy, trực quan hóa để dạy khái niệm Toán cho lớp có học sinh khiếm thính là phương pháp cần thiết giúp các em lĩnh hội khái niệm. Và, hiểu được khái niệm mới có thể tư duy và vận dụng vào các bài tập và tình huống khác nhau.
- Có nhiều cách khác nhau để trực quan hóa khái niệm Toán. Cách thông dụng có

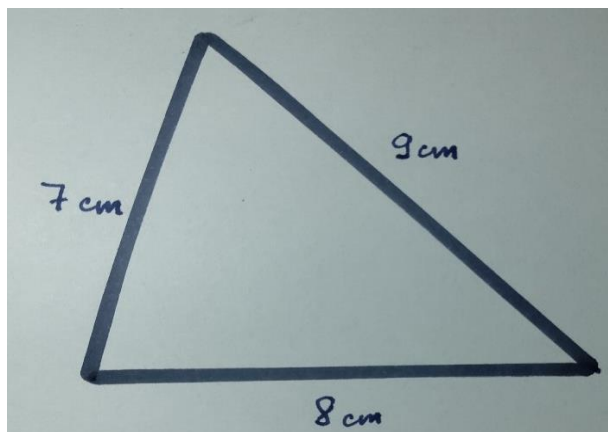
thể là lấy ví dụ minh họa trực quan bằng hình ảnh hoặc vật thật và thao tác trực quan để học sinh nhìn, hiểu và phản hồi.

Ví dụ trường hợp 1:

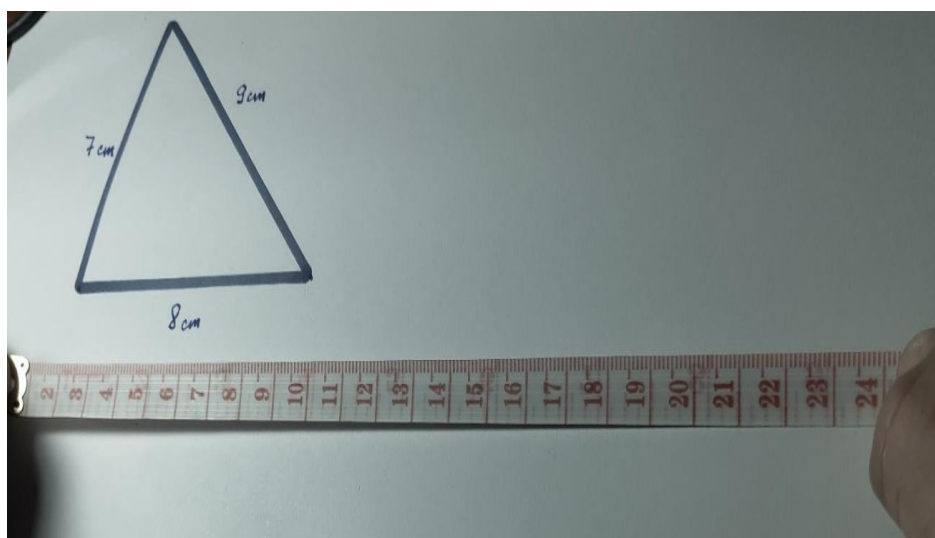
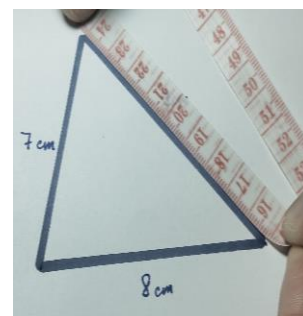
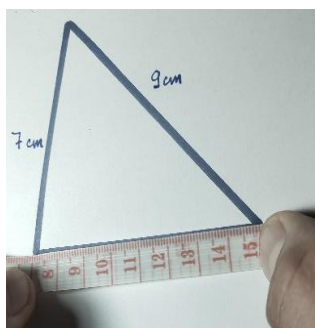
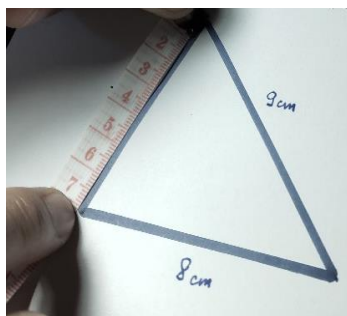
Giáo viên dạy học bài **Chu vi hình chữ nhật** (Toán 3) cho lớp có học sinh khiếm thính. Tuy nhiên, học sinh này (và cả nhiều em khác nữa) không hiểu khái niệm **chu vi** là gì. Giáo viên lấy ví dụ hướng dẫn trực quan như sau:

Ví dụ 1:

+ Vẽ hình tam giác có số đo các cạnh lần lượt là 7cm, 8cm, và 9cm.



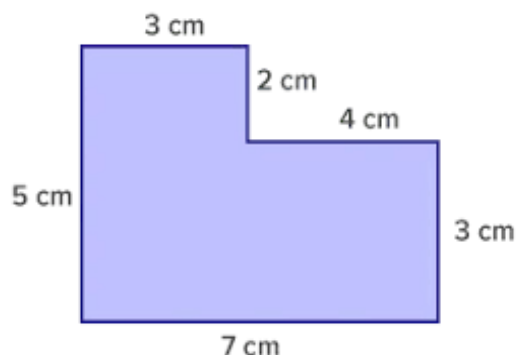
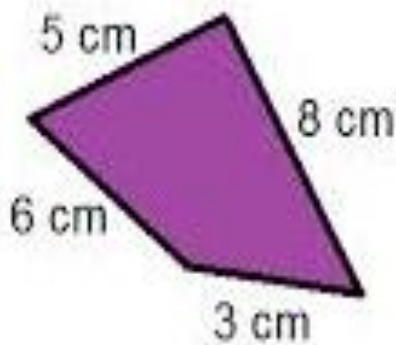
+ Dùng thước dây đo kế tiếp liên tục các cạnh để được số đo độ dài đường bao quanh hình tam giác: 24 cm. Ta nói chu vi hình tam giác này là 24cm.



+ Chu vi tam giác này cũng là tổng độ dài 3 cạnh của nó: $7 + 8 + 9 = 24$ cm.

Ví dụ 2 và 3:

Thử tính chu vi các hình có số đo các cạnh như dưới đây:



⇒ Như thế, **chu vi** là **độ dài đường bao quanh của một hình, và bằng tổng độ dài các cạnh của hình đó.**

Ví dụ trường hợp 2: Học sinh khiếm thính không hiểu khái niệm diện tích và quy tắc tính diện tích hình chữ nhật (Toán 3). Có thể hướng dẫn học sinh theo các bước trực quan hóa như sau:

1) Chuẩn bị các mảnh giấy ô-li hình chữ nhật có kích thước khác nhau (các ô vờ đều là hình vuông cạnh 1cm). Chẳng hạn có 3 mảnh giấy ô-li có các kích thước: A) 9 cm x 3 cm; B) 8 cm x 3 cm; C) 6 cm x 2 cm.

2) Cho học sinh so sánh xem mảnh giấy nào to nhất, mảnh giấy nào bé nhất, bằng cách xếp chồng lên nhau.

3) Đếm số ô vuông của mỗi mảnh giấy, xem số đo của mỗi mảnh giấy là bao nhiêu.

⇒ Như thế: Mảnh giấy A có diện tích lớn nhất (27 ô vuông), mảnh giấy C có diện tích nhỏ nhất (12 ô vuông).

⇒ Diện tích: số đo bề mặt của một hình. Mỗi ô vuông có cạnh 1 cm thì diện tích của ô vuông là 1 cm². Như thế diện tích của mỗi mảnh giấy hình chữ nhật là: A = 27 cm²; B = 24 cm²; C = 12 cm²

4) Lập bảng số đo diện tích, chiều dài và chiều rộng của các hình chữ nhật A, B và C

Hình chữ nhật	Diện tích (cm ²)	Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)
A	27	9	3
B	24	8	3
C	12	6	2

5) Tìm mối liên hệ giữa diện tích hình chữ nhật với số đo chiều dài và chiều rộng: 9 x 3 = 27; 8 x 3 = 24; 6 x 2 = 12.

⇒ Diện tích hình chữ nhật bằng chiều dài nhân với chiều rộng (*chiều dài và chiều rộng cùng đơn vị đo*).

Hoạt động 6: Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm trong dạy học môn Toán

a) Yêu cầu cần đạt:

- Nhắc lại được đặc điểm học tập môn Toán của học sinh khiếm thính là học qua nhìn và thực hành, trải nghiệm.
- Thiết kế hoạt động thực hành, trải nghiệm trong dạy học môn Toán cho lớp có học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Trình bày và thảo luận chung toàn lớp về vấn đề hoạt động thực hành, trải nghiệm trong dạy học môn Toán ở lớp có học sinh khiếm thính.
- Trao đổi và thực hành theo nhóm: thiết kế hoạt động dạy học áp dụng phương pháp tăng cường trải nghiệm, thực hành trong môn Toán cho lớp có học sinh khiếm thính.
- Phản hồi chung.

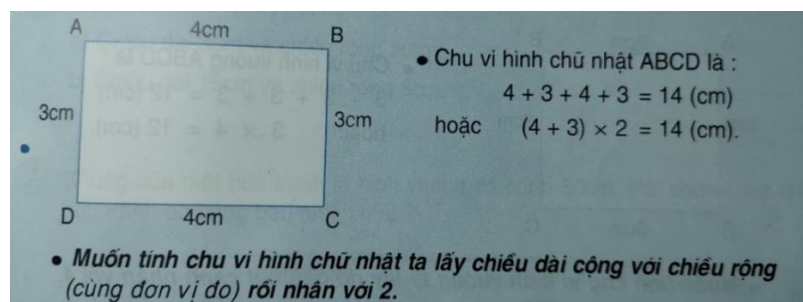
d) Thông tin cơ bản:

Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm trong dạy học môn Toán

- Học qua nhìn và thực hành, trải nghiệm là kiểu học tập phù hợp với học sinh khiếm thính. Nếu như phương pháp trực quan hóa trong dạy khái niệm giúp các em hiểu về khái niệm, thì phương pháp thực hành, trải nghiệm giúp các em củng cố và khắc sâu kiến thức Toán đã học. Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm trong dạy học môn Toán ở lớp có học sinh khiếm thính cấp tiểu học cũng là phương pháp rất phù hợp với xu hướng đổi mới dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực người học của đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay [4].

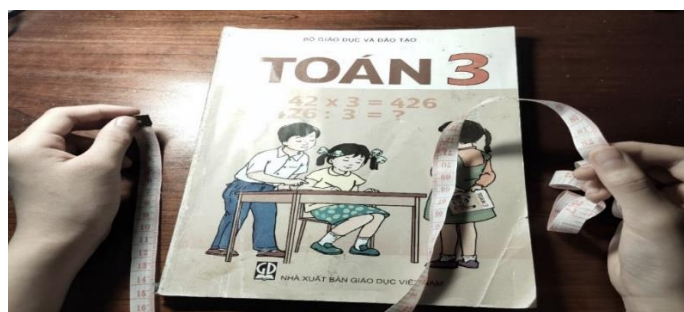
Ví dụ 1: Dạy học bài **Chu vi hình chữ nhật** (Toán 3) cho lớp có học sinh khiếm thính. Một giáo viên đã thực hiện như sau:

+ Hướng dẫn cách tính chu vi hình chữ nhật bằng sử dụng bài toán mẫu như ở trang 87 SGK. Sau đó, yêu cầu 2-3 học sinh nghe nhắc lại công thức tính diện tích hình chữ nhật; học sinh khiếm thính nhắc lại công thức bằng ngôn ngữ kí hiệu.



+ Tổ chức thực hành, trải nghiệm: Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm đôi với các yêu cầu: a) Đo các cạnh bìa của sách Toán 3, ghi các số đo và tính chu vi bìa

sách; b) Dùng thước dây đo độ dài đường bao quanh bìa sách rồi so sánh kết quả tính chu vi vừa thực hiện.



+ Cho học sinh thực trải nghiệm tương tự về chu vi hình chữ nhật (ví dụ, đo và tính chu vi cái bảng con, cái mặt bàn hình chữ nhật).

- Phương pháp thực hành, trải nghiệm giúp các học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời củng cố và khắc sâu kiến thức Toán đã học. Việc tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm trong dạy học môn Toán phù hợp với xu hướng đổi mới dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực người học hiện nay.

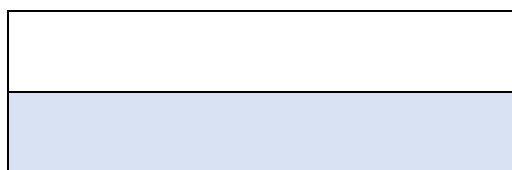
Ví dụ 2: Tương tự, với bài **Diện tích hình chữ nhật** (Toán 3), thì sau khi được hướng dẫn khái niệm diện tích, học công thức tính diện tích hình chữ nhật và làm một số bài tập vận dụng, có thể cho học sinh thực hành, trải nghiệm đếm xem cần bao nhiêu viên gạch để lát phòng học của lớp và hành lang của lớp (với điều kiện lớp học và hành lang đều hình chữ nhật và lát cùng loại gạch). Học sinh cũng có thể được yêu cầu so sánh xem diện tích của phòng học so với hành lang thì diện tích nào lớn hơn?.

Ví dụ 3: Dạy học **Bài cộng 2 phân số không cùng mẫu số** (Toán 4) cho học sinh khiếm thính.

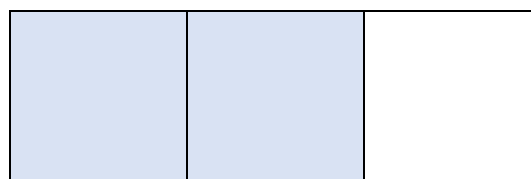
Bài toán mẫu: $\frac{1}{2} + \frac{2}{3} = ?$

1) *Biểu diễn hai phân số:*

- Cho học sinh cả lớp chuẩn bị hai mảnh giấy giống nhau.
- Mảnh thứ nhất gấp đôi theo chiều ngang, kẻ theo đường gấp và tô màu 1 nửa để biểu thị phân số $\frac{1}{2}$;
- Mảnh thứ hai gấp ba theo chiều dọc, kẻ theo đường gấp và đánh dấu chọn 2 phần để biểu thị phân số $\frac{2}{3}$.



$$\frac{1}{2}$$



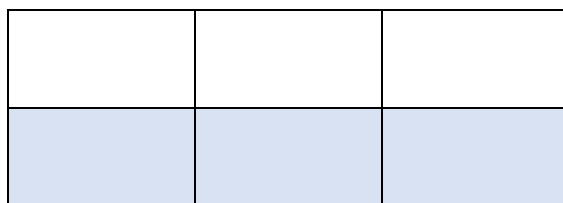
$$\frac{2}{3}$$

- Hỏi học sinh: ‘Mẫu số của hai phân số có bằng nhau không?’ => “Không bằng nhau” => không cộng được mà phải làm cho mẫu số của hai phân số giống nhau

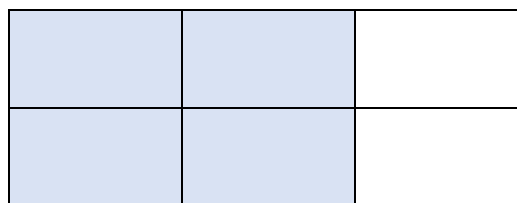
(quy đồng mẫu số).

2) *Quy đồng mẫu số:*

- Mảnh giấy thứ nhất: gấp dọc thành 3 phần bằng nhau (gấp cả tử số và mẫu của phân số thứ nhất số lần bằng mẫu số của phân số thứ hai)
- Mảnh giấy thứ hai: gấp đôi theo chiều ngang (gấp cả tử và mẫu của phân số thứ hai số lần bằng mẫu của phân số thứ nhất).

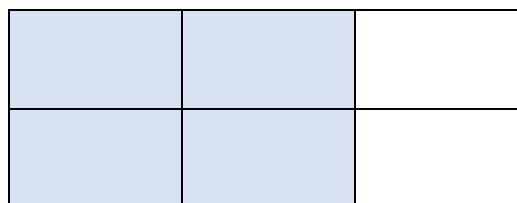
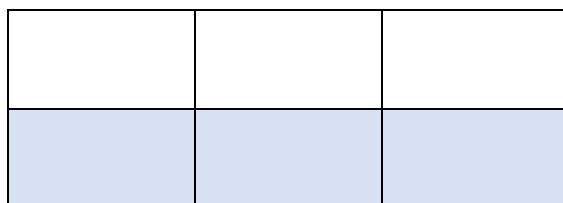


$$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 3}{2 \times 3} = \frac{3}{6}$$



$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 2}{3 \times 2} = \frac{4}{6}$$

3) Cộng hai phân số vừa quy đồng mẫu số



$$\frac{1}{2} + \frac{2}{3} = \frac{3}{6} + \frac{4}{6} = \frac{7}{6}$$

Hoạt động 7: Sơ đồ hóa các bước giải bài toán có lời văn

a) *Yêu cầu cần đạt:*

- Phân tích những khó khăn của học sinh khiếm thính trong giải toán có lời văn.
- Thiết kế hoạt động hướng dẫn giải toán có lời văn cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học sử dụng phương pháp sơ đồ hóa.

b) *Cách thức tiến hành:*

- Trình bày và thảo luận chung toàn lớp về những khó khăn của học sinh khiếm thính khi học giải toán có lời văn và hướng giải quyết.
- Trao đổi và thực hành theo nhóm: thiết kế các bước hướng dẫn giải bài toán có lời văn cho học sinh khiếm thính
- Phản hồi chung.

b) *Thông tin cơ bản:*

Sơ đồ hóa các bước giải bài toán có lời văn

- Giải toán có lời văn là một trong những vấn đề thách thức nhất đối với học sinh

khiểm thính. Nguyên nhân là do có rất nhiều từ học sinh không hiểu, các em lại không mạnh về suy luận lô-gic.

- Có thể hướng dẫn học sinh khiếm thính giải bài toán có lời văn theo sơ đồ nhất quán gồm 5 bước như sau: 1) **Đọc kĩ đề bài** - gạch chân những từ không hiểu để hỏi thầy/cô, hỏi bạn hoặc tra từ điển; 2) **Phân tích đề bài** - dùng bút nhấn **bôi xanh** từ ngữ và số bài toán **cho biết** và **bôi đỏ** vào yêu cầu **cần tìm**; 3) **Tóm tắt đề bài** – vẽ sơ đồ hoặc dùng chữ (nếu không vẽ được sơ đồ); 4) **Giải bài toán** – suy nghĩ, viết lời giải, thực hiện phép tính và viết đáp số; & 5) **Kiểm tra lại, thử lại**.

Bước 1: Đọc kĩ đề bài - gạch chân những từ không hiểu để hỏi thầy/cô, hỏi bạn hoặc

Bước 2: Phân tích đề bài - dùng bút nhấn **bôi xanh** từ ngữ và số bài toán **cho biết** và **bôi đỏ** vào yêu cầu **cần tìm**

Bước 3: Tóm tắt đề bài – vẽ sơ đồ hoặc dùng chữ (nếu không vẽ được sơ đồ)

Bước 4: Giải bài toán – suy nghĩ, viết lời giải, thực hiện phép tính và viết đáp số.

Bước 5:
Kiểm tra lại,
thử lại

Xét ví dụ bài toán lớp 5 như sau:

Ôtô tải và ô tô con cách nhau quãng đường 330 km và cùng xuất phát ngược chiều nhau. Ôtô tải đi với vận tốc 50 km/h. Vận tốc của ô tô con là 60 km/h. Hỏi sau mấy giờ thì hai xe gặp nhau?

Bước 1: Đọc kĩ đề bài - gạch chân những từ không hiểu để hỏi thầy/cô, hỏi bạn hoặc tra từ điển.

Ôtô tải và ô tô con cách nhau quãng đường 330 km và cùng xuất phát ngược chiều nhau. Ôtô tải đi với vận tốc 50 km/h. Vận tốc của ô tô con là 60 km/h. Hỏi sau mấy giờ thì hai xe gặp nhau?

(GV giải thích bằng kí hiệu hoặc hình ảnh:

xuất phát: bắt đầu đi; ngược chiều: ví dụ, ô tô tải đi từ A đến B, còn ô tô con đi từ B đến A).

Bước 2: Phân tích đề bài - dùng bút nhấn bôi xanh từ ngữ và số bài toán cho biết và bôi đỏ vào yêu cầu cần tìm.

Ô tô tải và ô tô con cách nhau quãng đường 330 km và cùng xuất phát ngược chiều nhau. Ô tô tải chạy với vận tốc 50 km/h. Vận tốc của ô tô con là 60 km/h. Hỏi sau mấy giờ thì hai xe gặp nhau?

Bước 3: Tóm tắt đề bài

GV hướng dẫn học sinh tóm bằng chữ trước sau đó tóm tắt bằng sơ đồ.

Cho biết:

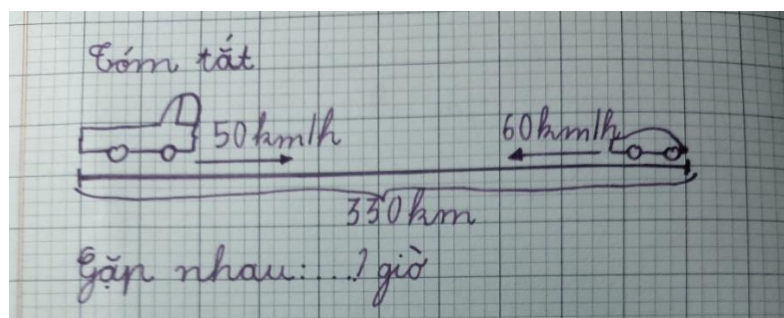
Quãng đường hai xe cách nhau: 330 km

Xuất phát: cùng thời gian, ngược chiều nhau.

Vận tốc ô tô tải: 50 km/h

Vận tốc ô tô con: 60 km/h

Hỏi: Thời gian (sau mấy giờ) để hai xe gặp nhau?



Bước 4: Giải bài toán

Gợi ý suy nghĩ:

+ Hai xe đi ngược chiều nên tổng quãng đường hai xe đi được đến lúc gặp nhau bằng 330 km.

+ Hai xe xuất phát cùng nhau: quãng đường/khoảng cách mỗi giờ cả hai xe đi được bằng tổng vận tốc hai xe.

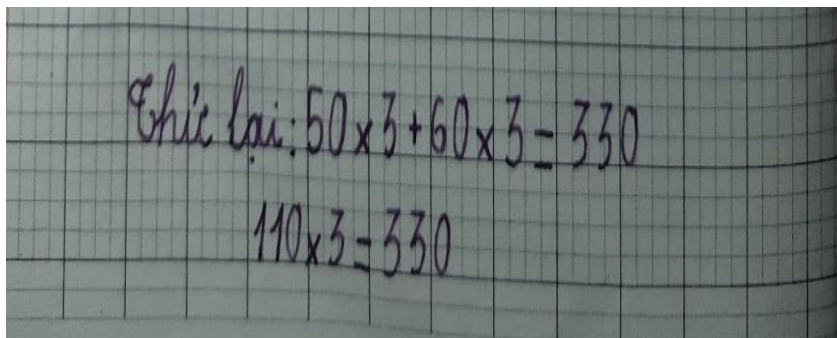
+ Muốn tìm thời gian (số giờ) để hai xe gặp nhau: Lấy tổng quãng đường chia cho quãng đường mỗi giờ cả hai xe đi được (tổng vận tốc hai xe).

+ Giải bài toán:

Bài giải
Mỗi giờ cả hai xe đi được quãng đường:
 $50 + 60 = 110 \text{ (km)}$
Hai xe sẽ gặp nhau sau số giờ đi là:
 $330 : 110 = 3 \text{ (giờ)}$
Đáp số: 3 giờ

Bước 5: Kiểm tra lại, thử lại.

Gợi ý: Nhân ngược số giờ vừa tìm được với tổng vận tốc; hoặc tìm tổng quãng đường hai xe đi được sau 3 giờ xem có bằng 330km.



Thử lại: $50 \times 3 + 60 \times 3 = 330$
 $110 \times 3 = 330$

- Học sinh khiếm thính cần được hướng dẫn giải bài toán có lời văn theo một sơ đồ các bước nhất quán, để thành một thói quen.

Hoạt động 8: Sử dụng băng hình bài học môn Toán cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu của Dự án QIPEDC**a) Yêu cầu cần đạt:**

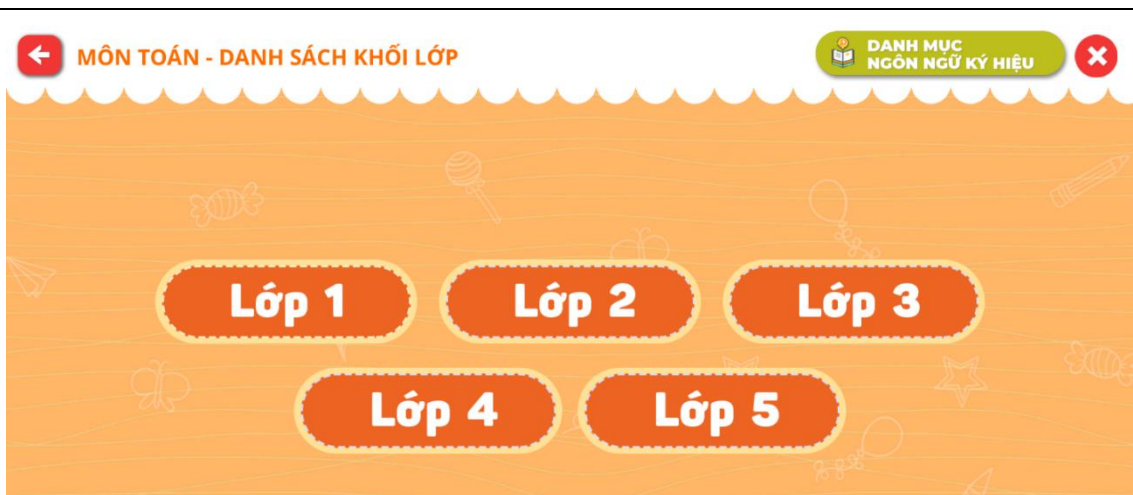
- Sử dụng băng hình bài học môn Toán cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu trong quá trình dạy học môn học này cho các em.
- Hướng dẫn lại cho học sinh khiếm thính sử dụng nguồn học liệu này.

c) Cách thức tiến hành:

- Giới thiệu chung về băng hình 50 bài học môn Toán cho học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Hướng dẫn học viên tải ứng dụng băng hình các bài học này và chạy thử.
- Trao đổi nhóm và phản hồi về cách thức để sử dụng trong dạy học và hướng dẫn lại cho học sinh khiếm thính học tập với học liệu này.

c) Thông tin cơ bản:**Hướng dẫn sử dụng băng hình dạy học Toán cho học sinh khiếm thính**

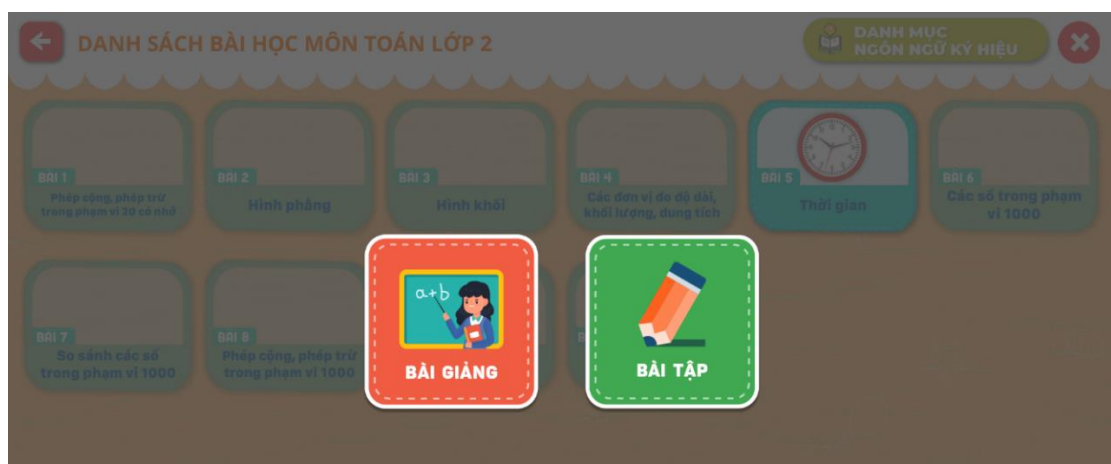
Khai thác, sử dụng và hướng dẫn sử dụng có hiệu quả học liệu điện tử môn Toán cho học sinh khiếm thính được xem như một phương pháp dạy học đặc thù cho các em này. Trong dự án QIPEDC, 50 bài học với các kiến thức – kĩ năng cốt lõi môn Toán cấp tiểu học dành cho học sinh khiếm thính đã được xây dựng dưới dạng học liệu điện tử, có thể tải về máy tính và điện thoại thông minh để tham khảo và hướng dẫn học sinh khiếm thính cấp tiểu học học tập môn này. Mỗi lớp, từ lớp 1 -5, sẽ có 10 bài học như thế.



Các bài học được chia theo khối lớp



Danh sách 10 bài học Toán 2



Mỗi bài học đều có phần bài giảng và phần bài tập.

Phần bài giảng có hướng dẫn ở dạng đa kênh: Kênh hướng dẫn bằng ngôn ngữ kí hiệu; Kênh chữ viết; Lời nói; và Hình ảnh minh họa.



MỤC LỤC

1. Giới thiệu
2. Ngày giờ
3. Giờ Phút
4. Ngày tháng

9 giờ

DANH MỤC NGÔN NGỮ KÝ HIỆU

BÀI TẬP

Phần bài tập cho phép học sinh làm trực tiếp và đáp án dạng tương tác.

BÀI TẬP

HOÀN THÀNH

Bài 5 Nối đồng hồ với thời gian thích hợp

LÀM LẠI ĐÁP ÁN





8 giờ đúng

1 giờ 30 phút

5 giờ 15 phút

>

BÀI 1 BÀI 2 BÀI 3 BÀI 4 BÀI 5 BÀI 6 BÀI 7

Học sinh làm đúng sẽ được phản hồi bằng mặt cười, làm sai sẽ hiện hình mặt buồn.

BÀI TẬP

HOÀN THÀNH 0/7

Bài 5 Nối đồng hồ với thời gian thích hợp

LÀM LẠI ĐÁP ÁN





8 giờ đúng

1 giờ 30 phút

5 giờ 15 phút





>

BÀI 1 BÀI 2 BÀI 3 BÀI 4 BÀI 5 BÀI 6 BÀI 7

- Để sử dụng học liệu điện tử này, giáo viên cần:
- + Tải bằng hình về máy tính hoặc điện thoại thông minh.
- + Tìm hiểu và tham khảo để ứng dụng các phương pháp vào quá trình dạy học môn Toán ở lớp. Nhiều yếu tố có thể tham khảo như các kí hiệu Toán, cách hướng dẫn kết hợp trực quan và ngôn ngữ kí hiệu, cách đặt câu hỏi và giao bài tập cho học sinh khiếm thính...
- + Hướng dẫn phụ huynh học sinh khiếm thính tải về máy tính và hoặc điện thoại thông minh cho các em học và thực hành, làm bài tập ở nhà.
- + Sử dụng một phần các bài học này cho học sinh khiếm thính khi dạy bài học tương ứng trên lớp.
- + Trao đổi thêm với đồng nghiệp và những người hỗ trợ học sinh khiếm thính để tham khảo cách dạy học Toán thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

- 1) Học sinh khiếm thính cấp tiểu học có những đặc điểm học tập môn Toán như thế nào?
- 2) Vì sao cần thực hiện điều chỉnh trong dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học? Cho ví dụ minh họa?
- 3) Có những điểm giống và khác nhau như thế nào ở phương pháp đặc thù dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học?

2. Bài tập thực hành

- 1) Mô tả về một trường hợp học sinh khiếm thính ở lớp thầy/cô đang phụ trách: thông tin về trẻ, điểm mạnh, khó khăn, kiểu học tập của em đó.
- 2) Chọn một bài học môn Toán, hãy thiết kế các điều chỉnh trong dạy học bài học đó cho em học sinh vừa mô tả.
- 3) Chọn 1-2 bài toán thuộc một trong ba chủ đề: 1) Số và phép tính; Đại lượng và yếu tố Hình học; 3) Giải toán có lời văn. Hãy thiết kế cách hướng dẫn học sinh khiếm thính thực hiện bài toán đó thông qua ngôn ngữ kí hiệu.

IV. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán*, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông: cấp tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Thị Hằng (2008), *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính*, Nxb. Đà Nẵng.

4. Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt và các tác giả (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2001), *Đại cương về giáo dục trẻ điếc*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

Tiếng Anh

6. Lane H, Pillard RC, Hedberg U (2011), *People of the eye: Deaf ethnicity and ancestry*, New York, NY: Oxford University Press.
7. Marschark M, Hauser PC (2012), *How deaf children learn*, New York, NY: Oxford University Press.
8. Swanwick R., Oddy A., Roper T. (2005), *Mathematics and Deaf Children: An exploration of barriers to success*, Deafness and Education International, 7(1), 2005, Whurr Publishers Ltd.
9. Wood, D., Wood, H., Griffiths, A. & Howarth, I. (1986), *Teaching and Talking with Deaf Children*, Chichester: John Wiley.

Chủ đề 6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU HỌC

(5 tiết lí thuyết; 5 tiết thực hành; 4 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Trình bày vắn tắt những điểm chính trong các quy định hiện hành về đánh giá học sinh khuyết tật cấp tiểu học.
- Phân tích các định hướng & nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập thường xuyên và định kì đối với học sinh khiếm thính môn Tiếng Việt và Toán.

2. Phẩm chất

- Tích cực tìm hiểu và trao đổi về các quy định và cách thức đặc thù đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính.
- Tôn trọng tính khách quan và thực chứng trong đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Các quy định hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học và áp dụng đối với học sinh khiếm thính

Hoạt động 1: Tìm hiểu các quy định hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học và áp dụng đối với học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Liệt kê các văn bản hiện hành quy định về đánh giá học sinh tiểu học và văn bản về giáo dục học sinh khuyết tật liên quan đến đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật.
- Tóm tắt những điểm chính trong các quy định áp dụng được cho đánh giá học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Giải thích việc vận dụng quy định trong đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Nghiên cứu các văn bản quy định về đánh giá học sinh tiểu học bao gồm học sinh khuyết tật: a) *Thông tư số 30/2014/TT-BGD-ĐT ngày 28/8/2014*; b) *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016*; c) *Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016*; các văn bản về giáo dục học sinh khuyết tật liên quan đến đánh giá kết quả học tập: d) *Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLDTBXH-BTC ngày 31/12/2013*; & e) *Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018*.
- Trao đổi nhóm nhỏ và toàn lớp, tóm lược những điểm chính và điểm liên quan đến đánh giá học sinh khuyết tật cấp tiểu học.

- Trao đổi nhóm (4-5 người/nhóm) về cách thức áp dụng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

c) *Thông tin phản hồi:*

**Một số quy định hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học
và áp dụng đối với học sinh khiếm thính**

Đến nay (năm 2020), việc đánh giá học sinh tiểu học bao gồm học sinh khuyết tật cấp tiểu học được thực hiện theo quy định tại 5 văn bản thuộc 2 nhóm như sau:

- Nhóm I gồm 3 văn bản quy định về đánh giá học sinh cấp tiểu học: a) Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014; b) Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016; c) Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016.
- Nhóm II, gồm 2 văn bản về giáo dục học sinh khuyết tật liên quan đến đánh giá kết quả học tập: d) Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; & e) Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018.
- Những điểm chính trong các văn bản nhóm I quy định về nội dung và cách thức đánh giá học sinh tiểu học như sau:
 - + Nội dung đánh giá: Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh.
 - + Cách thức đánh giá:
 - Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét; Đánh giá định kì cuối học kì I và cuối học kì II với các môn học Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc (với học sinh dân tộc học song ngữ), riêng lớp 4 và lớp 5 có thêm kiểm tra Toán và Tiếng Việt giữa học kì I và giữa học kì II.
 - Đánh giá định kì: đề kiểm tra định kì phù hợp chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực, với các câu hỏi và bài tập theo 4 mức độ: Biết; Hiểu; Vận dụng vào tình huống quen thuộc; Vận dụng vào tình huống mới.
- Những điểm chính trong các văn bản nhóm II liên quan đến đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật:
 - + Nguyên tắc: động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh
 - + Học sinh học hòa nhập: đánh giá như học sinh không khuyết tật có giảm nhẹ yêu cầu; hoặc theo kế hoạch giáo dục cá nhân
 - + Học chuyên biệt: theo yêu cầu chương trình GD chuyên biệt, hoặc theo kế

hoạch giáo dục cá nhân.

(điều 4, Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLDTBXH-BTC)

+ Mỗi học sinh khuyết tật học hòa nhập có kế hoạch giáo dục cá nhân.

(điểm 1, điều 9, Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT)

Từ các văn bản quy định nêu trên, có thể vận dụng vào đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học theo định hướng như sau:

- Vận dụng các quy định theo hướng coi học sinh khiếm thính là một nhóm học sinh khuyết tật (dạng *khuyết tật nghe, nói* theo Luật người khuyết tật 2010)

- Nguyên tắc & hướng dẫn:

+ *Đánh giá sự tiến bộ*: có khảo sát ban đầu, có hỗ trợ và kiểm tra, đánh giá thường xuyên, và định kì.

+ *Linh hoạt*: Yêu cầu đa dạng các mức độ nhận thức (biết, hiểu và vận dụng); đa dạng hình thức kiểm tra (phiếu bài tập, kiểm tra vấn đáp bằng ngôn ngữ kí hiệu, đánh giá bằng dự án học tập, ra đề kiểm tra định kì riêng).

+ *Có minh chứng*: lưu lại sản phẩm kiểm tra thường xuyên và định kì của học sinh.

+ *Có điều chỉnh*: giảm nhẹ mức độ yêu cầu; thay đổi hình thức đánh giá thường xuyên.

+ *Học sinh học hòa nhập*: có kế hoạch giáo dục cá nhân, ghi rõ những điều chỉnh về đánh giá kết quả học tập (sử dụng đề chung có giảm nhẹ yêu cầu, hay đánh giá riêng, hoặc kết hợp).

2. Đánh giá thường xuyên đối với học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 2: Ví dụ về kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Cho ví dụ về cách thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả học tập của học sinh khiếm thính cấp tiểu học ở môn Tiếng Việt và môn Toán.
- Mô tả trường hợp học sinh khiếm thính cấp tiểu học và thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả học tập của học sinh ở môn Tiếng Việt và môn Toán.

b) Cách thức tiến hành:

- Trình bày và trao đổi chung về các ví dụ hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên ở môn Tiếng Việt và môn Toán đối với học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thực hành theo nhóm (4-5 người/nhóm): thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên học sinh khiếm thính tiểu học.

- Chia sẻ chung và phản hồi thông tin.

c) *Thông tin cơ bản:*

Những lưu ý và ví dụ về kiểm tra thường xuyên ở môn Tiếng Việt và Toán

Những lưu ý và ví dụ về kiểm tra thường xuyên ở môn Tiếng Việt

Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong kiểm tra thường xuyên môn Tiếng Việt:

- Với những học sinh khiếm thính giao tiếp bằng ngôn ngữ kí hiệu, kiểm tra vấn đáp bằng ngôn ngữ kí hiệu là cách nên được sử dụng thường xuyên.
- Khi kiểm tra vấn đáp bằng ngôn ngữ kí hiệu, giáo viên nên sử dụng các câu hỏi theo trật tự ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu để học sinh khiếm thính dễ hiểu và trả lời câu hỏi. Bên cạnh đó, giáo viên có thể sử dụng tranh ảnh, phương tiện trực quan để giúp học sinh khiếm thính được gợi mở, liên tưởng và huy động vốn ngôn ngữ đã có của bản thân.

Thiết kế phiếu bài tập dành riêng cho học sinh khiếm thính

- Khi thiết kế phiếu bài tập dành riêng cho học sinh khiếm thính, giáo viên cần lưu ý:
 - + Bài tập cần đơn giản hóa lượng thông tin
 - + Bài tập cần có những khoảng trống để học sinh không thấy quá sức với quá nhiều chữ viết.
 - + Sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau để tránh sự đơn điệu, tránh lặp lại nguyên văn những câu hỏi, bài tập đã được dùng trong lúc giảng dạy bài cũ.
 - + Nên sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm (câu hỏi đúng sai, lựa chọn, ghép nối, điền thêm) hoặc các câu trả lời ngắn cho phù hợp với khả năng nhận thức và vốn ngôn ngữ của học sinh khiếm thính.
 - + Câu hỏi phải nêu bật được ý muốn hỏi, diễn đạt cụ thể, rõ ràng, tránh dài dòng.
 - + Không được đưa ra các thuật ngữ không rõ ràng.
 - + Sử dụng thêm các tranh ảnh/sơ đồ minh họa khi thiết kế bài tập để giúp làm giảm căng thẳng cho học sinh khiếm thính, hỗ trợ học sinh khiếm thính hiểu và thực hiện yêu cầu.

Ví dụ về thiết kế phiếu bài tập riêng cho học sinh khiếm thính:

- + Ví dụ 1: Phiếu bài tập môn Tập đọc lớp 2, bài Mua kính

(SGK Tiếng Việt 2, tập một, trang 53)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

1. Cậu bé mua kính để làm gì?

- Để làm người lớn
- Để đọc được sách
- Để đeo cho đẹp

2. Cậu bé nhằm tưởng điều gì?

- Cứ đeo kính là đọc được sách

- b. Bác bán kính đưa nhầm kính cho cậu
- c. Mọi người mua kính vì không đọc được sách

3. Cậu bé đã thử kính như thế nào?

- a. Thử chiếc kính đẹp nhất
- b. Thử năm bảy chiếc kính
- c. Thử chiếc kính to nhất

4. Vì sao bác bán kính phì cười?

- a. Vì cậu bé không biết đọc
- b. Vì cậu bé nghĩ đeo kính sẽ biết đọc
- c. Vì cậu bé lười học

+Ví dụ 2: Phiếu bài tập môn Tập làm văn, bài Kể về người thân (SGK Tiếng Việt 2, tập một, trang 85)

Hãy quan sát và trò chuyện với một người thân trong gia đình em để tìm các thông tin điền vào phiếu sau:

Người em yêu nhất trong gia đình là:

Tên:

Tuổi:.....

Ngoại hình:

- Đôi mắt:

Tính cách:

.....

.....

.....

Sự yêu thương, chăm sóc:

.....

.....

Những lưu ý và ví dụ về kiểm tra, đánh giá thường xuyên môn Toán

- **Những lưu ý:**

- + Khi đọc và viết số, học sinh khiếm thính có thể viết trên bảng, vào vở hoặc thể hiện bằng chữ cái ngón tay và chữ số ngón tay.
- + Kiểm tra vấn đáp học sinh khiếm thính bằng ngôn ngữ kí hiệu thay cho ngôn ngữ nói.
- + Có thể sử dụng Phiếu học tập riêng hoặc dự án học tập trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên học sinh khiếm thính.

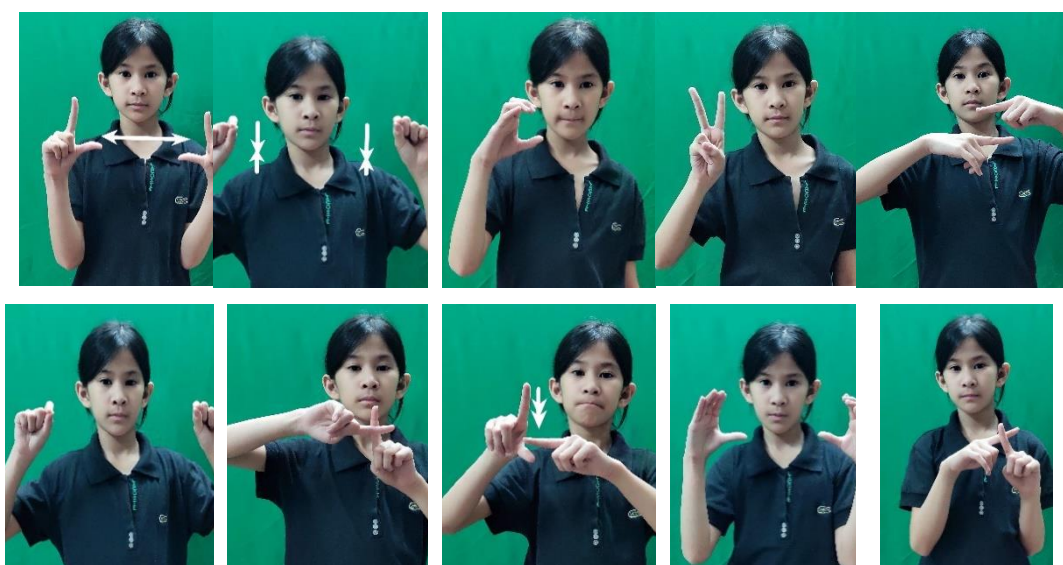
- **Ví dụ 1:** Kiểm tra vấn đáp bằng ngôn ngữ kí hiệu ở bài Chu vi hình chữ nhật (Toán 3)

Giáo viên: Em hãy cho biết muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm như thế nào?



(HÌNH CHỮ NHẬT, CHU VI TÍNH NHƯ THẾ NÀO? EM PHÁT BIỂU)

Học sinh khiếm thính: Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng chiều rộng rồi nhân với 2.





(HÌNH CHỮ NHẬT CHU VI BẰNG CHIỀU DÀI CỘNG CHIỀU RỘNG (trong) NGOẶC ĐƠN NHÂN HAI).

- **Ví dụ 2:** Phiếu học tập với bài Bảng nhân 8 (Toán 2)

PHIẾU HỌC TẬP

Bài: Bảng nhân 8

Học sinh: **Nguyễn Văn A** Lớp: **3A3** Ngày:/...../.....

1. Hoàn thành bảng nhân 8 bằng cách vẽ các ô có 8 hình giống nhau vào cột bên trái rồi viết các kết quả phép nhân vào chỗ.... ở cột bên phải

Bảng nhân 8	
	$8 \times 1 = 8$
 	$8 \times 2 = 16$
	$8 \times 3 = \dots$
	$8 \times 4 = \dots$
	$8 \times 5 = \dots$
	$8 \times 6 = \dots$
	$8 \times 7 = \dots$
	$8 \times 8 = \dots$
	$8 \times 9 = \dots$

	$8 \times 10 = \dots$
--	-----------------------

2. Có 7 can dầu. Mỗi can đựng 8 lít dầu. Hỏi tất cả có bao nhiêu lít dầu?



Tóm tắt	Bài giải
1 can: lít	
..... can: ? lít	
	

Ví dụ 3: Giao dự án học tập làm bảng nhân, chia 2 dễ hiểu cho học sinh khiếm thính làm ở nhà (Toán 2)

Bảng nhân, chia 2 dễ hiểu



$$2 \times 1 = 2$$

$$2 : 2 = 1$$



$$2 \times 2 = 4$$

$$4 : 2 = 2$$



$$2 \times 3 = 6$$

$$6 : 2 = 3$$



$$2 \times 4 = 8$$

$$8 : 2 = 4$$

	$2 \times 5 = 10$ $10 : 2 = 5$
---	-----------------------------------

3. Đánh giá định kì đối với học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 3: Ví dụ về kiểm tra, đánh giá định kì đối với học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Cho ví dụ về cách thức xây dựng đề kiểm tra học kì dành riêng học sinh khiếm thính cấp tiểu học ở môn Tiếng Việt và môn Toán.
- Mô tả trường hợp học sinh khiếm thính cấp tiểu học và thiết kế đề kiểm tra học kì cho học sinh đó ở môn Tiếng Việt và môn Toán.

b) Cách thức tiến hành:

- Trình bày và trao đổi chung về các ví dụ hoạt động kiểm tra, đánh giá định kì ở môn Tiếng Việt và môn Toán đối với học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Thực hành theo nhóm (4-5 người/nhóm): thiết kế hoạt động kiểm tra, đánh giá định kì đối với học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Chia sẻ chung và phản hồi thông tin.

c) Thông tin phản hồi

Những lưu ý và ví dụ về kiểm tra định kì ở môn Tiếng Việt và Toán

Những lưu ý và ví dụ về kiểm tra định kì ở môn Tiếng Việt

Những lưu ý:

+ Theo quy định hiện hành, việc kiểm tra định kì môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học nhằm đánh giá tương đối đầy đủ và toàn diện cả 4 kĩ năng: đọc, viết, nghe, nói bám sát Chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định cho từng giai đoạn học. Tiêu chí đề kiểm tra định kì tập trung đánh giá ở 4 mức độ theo tỉ lệ như sau: Mức 1: Nhận biết (40%) ; Mức 2: Thông hiểu (30%); Mức 3: Vận dụng (20%); Mức 4: Vận dụng sáng tạo theo tỉ lệ (10%).

+ Đối với học sinh khiếm thính, đề kiểm tra định kì môn Tiếng Việt cần thiết kế bám sát mục tiêu học tập Tiếng Việt đã được xác định trong bản kế hoạch giáo dục cá nhân của từng học sinh, trong đó cần tập trung đánh giá 4 kĩ năng: đọc hiểu, viết, biểu đạt và tiếp nhận thông tin thông qua ngôn ngữ kí hiệu. Tiêu chí đề kiểm tra định kì nên tập trung đánh giá ở 3 mức độ: mức 1 (nhận biết), mức 2 (thông hiểu) và mức 3 (vận dụng), trong đó chủ yếu tập trung ở mức 1 và mức 2.

+ Khi thiết kế đề kiểm tra định kì đối với học sinh khiếm thính trong môn Tiếng Việt, giáo viên cần đặt ra và trả lời các câu hỏi: Kiểm tra, đánh giá việc học sinh nắm bắt những kiến thức, kĩ năng tiếng Việt nào? Kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức,

kĩ năng đó vào những tình huống ra sao? Kiểm tra thái độ, ý thức của học sinh trong học tập và chuẩn bị bài như thế nào? Giáo viên phải trả lời được những câu hỏi trên một cách chính xác, tường minh thì mới có thể tiến hành xây dựng được một đề kiểm tra phù hợp với mục đích đã được xác định, đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức, tính phân loại,... Việc đánh giá cần giúp học sinh khiêm thính thấy được sự tiến bộ của các em so với chính các em; giúp cho giáo viên có cơ sở thực tiễn để nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu của mình, tự hoàn thiện hoạt động dạy, nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

+ Để đánh giá kĩ năng đọc hiểu của học sinh khiêm thính, giáo viên cần lựa chọn ngữ liệu phù hợp với khả năng nhận thức, vốn ngôn ngữ của học sinh, bài đọc cần có độ dài vừa phải, có thể sử dụng các hình ảnh minh họa đi kèm để hỗ trợ học sinh đọc hiểu nội dung văn bản. Dạng câu hỏi thiết kế trong đề đọc hiểu nên sử dụng chủ yếu là các loại câu hỏi trắc nghiệm, gồm: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất, câu hỏi yêu cầu điền ngắn (một từ hoặc cụm từ vào chỗ trống), câu hỏi nối cặp đôi, câu hỏi đúng/sai...

+ Đối với kĩ năng viết, phần viết chính tả giáo viên nên cho học sinh viết bài chính tả nhìn viết hoặc nhớ viết, các bài tập để đánh giá về vốn từ, bài tập về các kiểu câu đơn giản. Với kĩ năng viết đoạn văn, bài văn, giáo viên tập trung đánh giá về kĩ năng tìm ý và lập dàn ý cho đoạn/bài văn, chấp nhận một số lỗi sai về trật tự ngữ pháp khi viết câu của học sinh khiêm thính.

+ Đối với kĩ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin, giáo viên nên đánh giá khả năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin của học sinh khiêm thính bằng các phương tiện giao tiếp khác nhau như ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ... Nội dung kiểm tra cần bám sát vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kĩ năng biểu đạt và tiếp nhận thông tin đã xác định cho học sinh khiêm thính. Để đánh giá kĩ năng này, giáo viên nên sử dụng các bài tập đàm thoại kết hợp với sử dụng kênh hình hoặc hoạt động đóng vai.

+ Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra định kì với học sinh khiêm thính, giáo viên cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau: Đối chiếu từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Sửa các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác; Xem xét câu hỏi có phù hợp với chuẩn cần đánh giá không? Có phù hợp với cấp độ nhận thức cần đánh giá không? Số điểm có thích hợp không? Thời gian dự kiến có phù hợp không?; Kiểm tra lại đề để tiếp tục điều chỉnh đề cho phù hợp với mục tiêu đã xác định trong kế hoạch giáo dục cá nhân; Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.

- Ví dụ: Đề kiểm tra học kì môn Tiếng Việt cho học sinh khiêm thính lớp 2

A. Đọc thầm và làm bài tập

Bài học đầu tiên của Gấu con

Chủ nhật, Gấu con xin mẹ ra đường chơi, Gấu mẹ dặn:

- Con chơi ngoan nhé. Nếu làm sai điều gì, con phải xin lỗi. Được ai giúp đỡ thì con phải cảm ơn.



Gấu con mãi nghe Sơn ca hát nên va phải bạn Sóc khiến giỏ nấm văng ra đất. Gấu con vội vàng khoanh tay và nói cảm ơn làm Sóc rất ngạc nhiên.



Mãi nhìn Khỉ nên Gấu con bị rơi xuống hố sâu. Gấu con sợ quá kêu to:

- Cứu tôi với!



Bác Voi ở đâu đi tới liền tới đưa vôi xuống hố, nhắc bóng Gấu con lên. Gấu con luôn miệng:

- Cháu xin lỗi bác Voi



Về nhà, Gấu con kể lại chuyện cho mẹ nghe. Mẹ Gấu ôn tồn giảng giải:

- Con nói như vậy là sai rồi. Khi làm đổ nấm của bạn Sóc, con phải xin lỗi bạn. Khi bác Voi cứu con, con phải nói cảm ơn.



Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

1. Trước khi Gấu con đi chơi, Gấu mẹ đã dặn điều gì?

- Nếu làm sai hoặc được ai giúp đỡ, con phải xin lỗi.
- Nếu làm sai điều gì con phải xin lỗi, được ai giúp đỡ con phải cảm ơn.
- Nếu làm sai hoặc được ai giúp đỡ, con phải cảm ơn.

2. Khi va vào Sóc, Gấu con đã nói gì?

- Gấu con nói cảm ơn Sóc

- b. Gấu con nhặt nắm vào giỏ cho Sóc
c. Gấu con nói xin lỗi Sóc.

3. *Bác Voi đã làm gì khi Gấu con bị rơi xuống hố sâu?*

- a. Bác Voi đã tìm người đến giúp Gấu con.
b. Bác Voi nhảy xuống bế Gấu con lên.
c. Bác Voi đưa vò xuống, nhấc Gấu con lên.

4. *Gấu con phải nói với Sóc thế nào mới đúng?*

- a. Tớ cảm ơn bạn Sóc
b. Tớ xin lỗi bạn Sóc

5. *Gấu con phải nói thế nào với bác Voi?*

- a. Cháu xin lỗi bác Voi.
b. Cháu cảm ơn bác Voi.

6. *Qua bài học của Gấu con, khi bạn giúp em, em sẽ nói:*

.....

Khi em mắc lỗi với bạn, em sẽ nói:

.....

7. *Nối các từ chỉ sự vật với từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ sau:*

Chú gà trống đỏ
Kiếm ăn quanh vườn
Đàn vịt vàng ươm
Bơi ngoài ao rộng

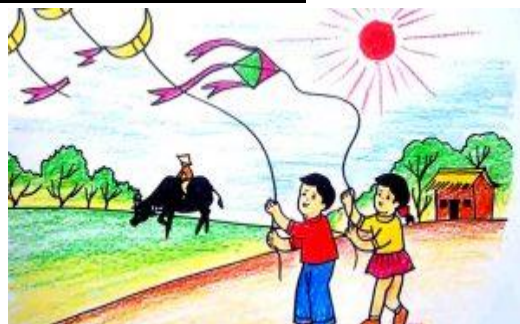
Từ chỉ sự vật
Chú gà trống
Đàn vịt
Ao

Từ chỉ đặc điểm của sự vật
vàng ươm
rộng
đỏ

8. *Đặt một câu cho mỗi hình ảnh sau, theo mẫu “Ai làm gì?”.*



a)



b).....

B. Chính tả

Nhìn – viết

Con chim vành khuyên
Có con chim vành khuyên nhỏ
Dáng trông thật ngoan ngoãn quá
Gọi “dạ”, bảo “vâng”

Lễ phép ngoan nhất nhà.

C. Tập làm văn

Viết một đoạn văn ngắn(khoảng 3-4 câu) giới thiệu về bản thân em theo gợi ý sau:

- Em tên là gì?
- Em bao nhiêu tuổi?
- Em học lớp mấy?
- Sở thích của em là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

Những lưu ý và ví dụ về kiểm tra định kì ở môn Toán

- Những lưu ý:

+ Giảm nhẹ yêu cầu đề bài: ở lớp hòa nhập thì đề bài dành riêng cho học sinh khiếm thính có thể giảm nhẹ xuống mức mức 75 – 80% so với học sinh nghe; còn ở lớp chuyên biệt thì bản thân chương trình môn Toán đã giảm tải nội dung xuống mức này.

+ Ma trận đề cũng nên đảm bảo các bài tập ở các mức độ nhận thức khác nhau, gồm: biết, hiểu, vận dụng.

+ Với bài toán có lời văn, nên có hình minh họa, hoặc viết sẵn một phần tóm tắt đề bài.

- Ví dụ: Đề kiểm tra cuối học kì 1 môn Toán (lớp 3)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (Toán 3)

Họ và tên học sinh: Lớp:

1. Tính nhẩm:

$8 \times 6 = \dots\dots\dots$

$24 : 4 = \dots\dots\dots$

$7 \times 4 = \dots\dots\dots$

$5 \times 9 = \dots\dots\dots$

$81 : 9 = \dots\dots\dots$

$36 : 6 = \dots\dots\dots$

$9 \times 8 = \dots\dots\dots$

$42 : 7 = \dots\dots\dots$

$72 : 9 = \dots\dots\dots$

2. Đặt tính rồi tính:

68×8

$678 : 3$

$380 : 6$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

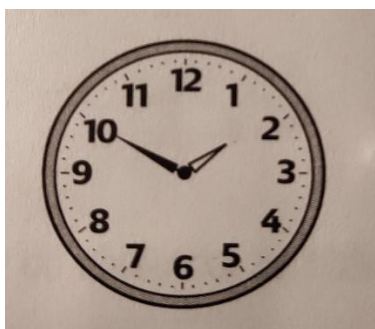
.....

.....

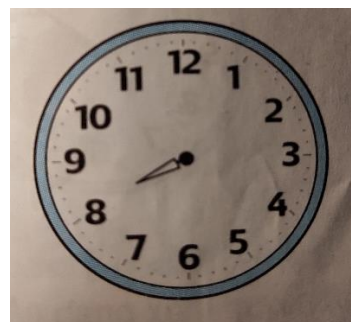
.....

3. a) Điền vào chỗ ...:

b) Vẽ thêm kim phút để đồng hồ chỉ

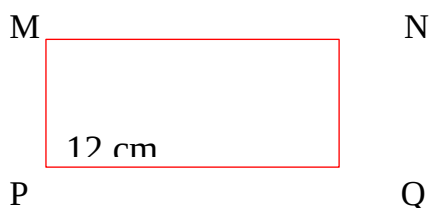


8 giờ 10 phút



Đồng hồ trên chỉ giờ phút

4. Tính chu vi hình chữ nhật MNPQ, biết chiều dài là 20 cm và chiều rộng là 12 cm.



Bài giải

Chu vi hình chữ nhật MNPQ là:

.....

Đáp số:

5. Lan có 36 quyển vở. Lan đã viết hết $\frac{1}{3}$ số vở đó. Hỏi Lan còn lại bao nhiêu quyển vở chưa viết?

Tóm tắt:

Bài giải

Có: 36 quyển vở

.....

Đã viết: $\frac{1}{3}$ số vở

.....

Còn lại:? quyển vở

.....

.....

.....

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

1) Theo quy định hiện hành, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật cấp tiểu học được thực hiện như thế nào?

2) Trong đánh giá kết quả học tập của học sinh khiếm thính, cần lưu ý những đặc thù gì về định hướng áp dụng?

2. Bài tập thực hành

1) Mô tả về năng lực học tập của một học sinh khiếm thính mà thầy/cô đang trực tiếp dạy.

2) Chọn một bài học môn Tiếng Việt và một bài học môn Toán thiết kế phiếu học tập cho mỗi bài học này để kiểm tra kết quả bài học của học sinh vừa mô tả.

3) Thử thiết kế một đề kiểm tra học kì môn Tiếng Việt và một đề kiểm tra học kì môn Toán cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học.*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học ngày 28 tháng 9 năm 2016.*
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, ngày 29 tháng 01 năm 2018.*
5. Bộ GDĐT - Bộ LĐTBXH – Bộ Tài chính (2013), *Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.*
6. Nguyễn Thị Hồng Chuyên (2018), Một số biện pháp đánh giá kết quả học tập ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực, *Tạp chí Giáo dục*, tr107-111, 126.
7. Nguyễn Hữu Hậu, Phạm Văn Hiền (2017), Đánh giá kết quả học tập học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực thông qua môn Toán và Tiếng Việt, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, số 11, tr. 48-62.

Chủ đề 7. KỸ NĂNG HỖ TRỢ HỌC SINH KHIẾM THÍNH HOÀ NHẬP Ở NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG; GIÁO DỤC GIỚI TÍNH, CHỐNG BẠO LỰC VÀ XÂM HẠI HỌC SINH

(6 tiết lí thuyết, 5 tiết thực hành, 3 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Trình bày và phân tích được các nội dung về hỗ trợ học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.
- Mô tả và thực hiện được các kỹ năng cơ bản hỗ trợ học sinh khiếm thính hòa nhập ở các môi trường khác nhau.
- Trình bày và phân tích được các nội dung về giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Mô tả và thực hiện được các kỹ năng giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

2. Phẩm chất

- Hợp tác và khích lệ các lực lượng tham gia hỗ trợ học sinh khiếm thính hòa nhập trong các môi trường khác nhau.
- Tin tưởng vào sự thành công trong giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Hỗ trợ học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng

Hoạt động 1: Xác định được các nhu cầu cần hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được tầm quan trọng của việc tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng
- Học viên xác định được các nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về tầm quan trọng của việc tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng
- Thảo luận nhóm về các nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng

c) Thông tin cơ bản:

Những nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng
--

Nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính ở nhà trường

- *Được học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu:* Học sinh khiếm thính cần được học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu do những khó khăn của học sinh trong việc lĩnh hội ngôn ngữ lời nói. Mặt khác, để phát triển tư duy, tưởng tượng của học sinh khiếm thính giúp các em có thể học tốt các môn như Toán, Tiếng Việt... ở trường tiểu học rất cần phát triển ngôn ngữ và giao tiếp mà ngôn ngữ kí hiệu được các em lĩnh hội một cách tự nhiên như “ngôn ngữ mẹ đẻ”. Vì vậy môi trường giáo dục cần tạo điều kiện thuận lợi cho các em có cơ hội học, sử dụng và phát triển ngôn ngữ kí hiệu.
- *Được có bạn bè để trợ giúp và chia sẻ:* Học sinh khiếm thính có thể gặp khó khăn trong việc kết bạn và tìm bạn thân vì đây là mối quan hệ được xây dựng từ hai phía và đòi hỏi phải thường xuyên củng cố, giữ gìn. Để tình bạn của học sinh thực sự có ý nghĩa trong đời sống tình cảm và sự phát triển của học sinh khiếm thính, giáo viên cần giúp đỡ học sinh xây dựng vòng bạn bè [1].
- *Được xây dựng dựng môi trường tâm lí thuận lợi:* Học sinh khiếm thính đến lớp học hoà nhập thường gặp rất nhiều khó khăn về cá nhân như: Tâm lí tự ti mặc cảm với khiếm khuyết của mình; hạn chế về ngôn ngữ, nhận thức; phương thức giao tiếp đặc thù... về mặt xã hội như: Nhận thức của thầy cô, bạn bè... về năng lực học tập của học sinh khiếm thính; việc giao tiếp, dạy học chủ yếu bằng ngôn ngữ lời nói; thiết kế môi trường lớp học chưa đảm bảo sự tham gia tối đa của học sinh khiếm thính... Vì vậy, học sinh khiếm thính cần được hỗ trợ để có được môi trường tâm lí thuận lợi trong trường, lớp [1].
- *Được tham gia vào tất cả các hoạt động của trường, lớp:* Học sinh khiếm thính tuy có những khó khăn đặc thù nhưng khi đến trường các em đều có nhu cầu được trở thành thành viên chính thức trong trường lớp, được tham gia vào tất cả các hoạt động diễn ra. Điều này không chỉ giúp các em tự tin mà còn giúp các bạn, thầy cô trong trường coi trọng sự có mặt của các em, tin tưởng hơn vào năng lực của các em, đồng thời có trách nhiệm hơn trong việc hỗ trợ các em hoà nhập với cuộc sống học đường.

Nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính ở gia đình

- *Hỗ trợ cá nhân ở gia đình:* Việc hỗ trợ học sinh khiếm thính tại nhà có thể thực hiện bởi cha mẹ và người chăm sóc hay thành viên khác trong gia đình. Nội dung hỗ trợ thường được xây dựng theo kế hoạch trên lớp. Cha mẹ và các thành viên trong gia đình giúp học sinh khiếm thính hoàn thành nhiệm vụ trên lớp chưa được thực hiện hoặc củng cố, ôn tập các kiến thức đã học trên lớp. Ngoài ra, cha mẹ và các thành viên trong gia đình có thể rèn thêm các kĩ năng giao tiếp, kĩ năng xã hội, phát triển ngôn ngữ... [1]

- *Nhu cầu hỗ trợ khả năng độc lập trong các hoạt động tại gia đình:*

Trẻ khiếm thính hay bất kỳ trẻ em khuyết tật khác đều cần được hỗ trợ để hướng đến sự độc lập cá nhân. Điều này sẽ giảm bớt gánh nặng của sự phụ thuộc và giúp các em có được sự tự do mà trước hết là tự do trong chính ngôi nhà của mình [5].

Nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính ở cộng đồng

- *Nhu cầu quyền bình đẳng, không phân biệt, kì thị trong cộng đồng*

Trẻ khiếm thính cần được xã hội công nhận về khả năng có thể học tập và tham gia vào các hoạt động phù hợp với năng lực, độ tuổi tại địa phương, công nhận quyền được đi học, được đối xử công bằng ở trường học và nơi công cộng [5].

- *Nhu cầu tiếp cận cơ sở vật chất và tiếp cận thông tin*

Khả năng tiếp cận thông tin dịch vụ của học sinh khiếm thính và gia đình học sinh khiếm thính là rất khó khăn. Gia đình trẻ khiếm thính thường phải đối mặt nhiều trở ngại và rào cản liên quan đến nhà cung cấp, các cơ quan dịch vụ và các vấn đề cộng đồng trong quá trình tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ gia đình...

- *Nhu cầu tiếp cận thể chế và dịch vụ của gia đình và học sinh khiếm thính trong cộng đồng*

Việc xác nhận chính sách hỗ trợ cụ thể cho học sinh khiếm thính còn nhiều vướng mắc. Nhiều gia đình học sinh khiếm thính không biết cách thức để chứng minh và đề nghị xin hỗ trợ chính sách của nhà nước, đặc biệt là gia đình trẻ khiếm thính ở các vùng khó hoặc có nhận thức kém về chính sách đối với người khuyết tật [5].

Hoạt động 2: Phân tích kĩ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu và kĩ năng sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học

a) *Yêu cầu cần đạt:*

- Phân tích kĩ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu; kĩ năng sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học
- Hiểu rõ được vai trò, trách nhiệm của giáo viên trong việc hỗ trợ học sinh khiếm thính học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong giao tiếp và học tập; trong việc chủ động sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học học sinh khiếm thính.

b) *Cách thức tiến hành:*

- Xem video và thực hành về việc sử dụng giao tiếp tổng hợp của giáo viên dạy hoà nhập học sinh khiếm thính

c) *Thông tin cơ bản:*

Kĩ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng
Kĩ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu

- Trong lớp học, giáo viên cần có kĩ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính học và phát triển ngôn ngữ kí hiệu bằng nhiều cách.

Khi hỗ trợ học sinh khiếm thính hiểu các kí hiệu mới, giáo viên cần:

- + Làm kí hiệu ở gần đối tượng hoặc chỉ vào đồ vật được làm kí hiệu sẽ giúp học sinh tạo mối liên hệ giữa sự vật với kí hiệu. Bằng những biểu hiện trên khuôn mặt, cần chỉ cho các em biết đồ vật, sự việc hay một cái gì đó, một hành động nào đó quan trọng đang xảy ra.
- + Làm kí hiệu tên đồ vật hoặc ai đó một vài lần. Đảm bảo học sinh phải được nhìn thấy tay và khuôn mặt giáo viên khi giáo viên làm kí hiệu với học sinh.
- + Chủ động quan sát phản ứng của học sinh và khen ngợi nếu những phản ứng đó cho thấy học sinh hiểu, dù theo cách nào. Nếu học sinh không phản ứng, hãy lặp lại kí hiệu thêm một vài lần.
- + Hàng ngày, sử dụng các kí hiệu này càng nhiều càng tốt. Hãy khuyến khích cả gia đình các em cùng sử dụng kí hiệu.

Khi hỗ trợ học sinh khiếm thính học ngôn ngữ kí hiệu, giáo viên cần:

- + Hiểu học sinh thông qua kí hiệu tự phát của các em. Mỗi học sinh khiếm thính đều có cách ra hiệu riêng, giáo viên phải tìm hiểu và sử dụng được những kí hiệu riêng của các em trước khi hỗ trợ các em học những kí hiệu qui ước.
- + Hỗ trợ học sinh học các kí hiệu thông qua giao tiếp với học sinh hằng ngày. Tận dụng những tình huống cụ thể đang xảy ra để khuyến khích học sinh sử dụng kí hiệu kết hợp với chữ viết và tiếng nói.
- + Sử dụng các tình huống, các trò chơi hoặc cố ý tạo ra các lỗi sai và khuyến khích học sinh sửa lỗi để hỗ trợ các em học các kí hiệu.
- + Dạy học sinh khiếm thính sử dụng kí hiệu cần được tiến hành song song với việc dạy trẻ học kiến thức mới bằng ngôn ngữ nói. Do đó, giáo viên có thể dạy trẻ vào những lúc cần thiết trong suốt quá trình học tập.
- Để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh khiếm thính sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong trường/lớp, việc thể hiện sự tôn trọng cá tính cũng như đặc điểm riêng của học sinh khiếm thính, khuyến khích động viên các em tự tin sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp với các bạn trong lớp, thầy cô, nhân viên nhà trường và trong việc tiếp thu các kiến thức môn học là rất cần thiết. Để làm được điều đó, giáo viên cần:
 - + Được tập huấn sử dụng ngôn ngữ kí hiệu có thể giao tiếp cũng như truyền thụ kiến thức cho học sinh khiếm thính.
 - + Khuyến khích học sinh trong lớp học, học sinh toàn trường học hỏi và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu với học sinh khiếm thính trong trường học.

Kĩ năng sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học học sinh khiếm thính

- Giáo viên dạy hoà nhập học sinh khiếm thính cần trau dồi các kĩ năng giao tiếp như sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng tranh, biểu tượng, chữ cái ngón tay, ngôn ngữ kí hiệu... nhằm hướng tới sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học học

sinh khiếm thính.

- Trong quá trình sử dụng giao tiếp tổng hợp cần biết lúc nào sử dụng cách nào, lúc nào cần phối hợp các phương tiện giao tiếp nào để học sinh khiếm thính có thể tiếp thu bài một cách tốt nhất mà không làm ảnh hưởng đến các bạn nghe trong lớp. Sự kết hợp này tùy thuộc vào từng trường hợp khác nhau, tùy thuộc vào những nội dung khác nhau mà có thể áp dụng linh hoạt những cách sau đây:

- + Kết hợp nói với hình vẽ, tranh ảnh: Giáo viên có thể vừa nói, vừa vẽ lên bảng, vừa nói vừa chỉ vào tranh ảnh hay đối tượng đang được đề cập đến.
- + Kết hợp nói viết: Giáo viên vừa nói vừa viết lên bảng, như vậy học sinh khiếm thính sẽ theo dõi được bài học và tiếp nhận thông tin tốt hơn do vừa được đọc hình miệng vừa quan sát, nhìn chữ viết trên bảng.
- + Kết hợp nói với cử chỉ điệu bộ: Khi đọc bài tập đọc cần thể hiện nội dung qua cử chỉ điệu bộ. Điều này giúp cho học sinh khiếm thính cảm nhận được nội dung cơ bản của bài văn, vì học sinh vừa đọc, vừa nhận biết qua thái độ của người đọc.
- + Kết hợp nói với kí hiệu ngôn ngữ: Đây là cách tốt nhất giúp học sinh khiếm thính tiếp thu chính xác những kiến thức cần thiết. Trong một câu (có một ý) thường chỉ có một hoặc hai từ ngữ trọng tâm. Hai từ ngữ này có thể học sinh đã hiểu một hoặc cả hai. Vì vậy giáo viên có thể đưa ra kí hiệu cho các từ ngữ trọng tâm này.

- Ngoài ra giáo viên cần chú ý nên sử dụng giọng nói, cử chỉ điệu bộ vừa phải khi giao tiếp với trẻ khiếm thính. Ví dụ, chạm nhẹ vào vai trẻ để thu hút sự chú ý của nó hoặc dùng cử chỉ điệu bộ ví dụ như chỉ ra phía cửa là những tín hiệu hình ảnh vừa phải cho phép trẻ hiểu những gì đang xảy ra hoặc biết cần đi đâu. Giọng nói của giáo viên cần to, rõ, tự nhiên không cường điệu hình miệng, tốc độ nói vừa phải phù hợp với khả năng ngôn ngữ của trẻ. Giáo viên cũng không nên lạm dụng cử chỉ điệu bộ vì nó có thể là rối nhiễu tín hiệu hình ảnh nhất là với những trẻ phải phụ thuộc vào việc đọc hình miệng.

Hoạt động 3: Mô tả kỹ năng xây dựng vòng tay bạn bè và kỹ năng xây dựng môi trường tâm lý thuận lợi cho học sinh khiếm thính

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên mô tả được kỹ năng xây dựng vòng tay bạn bè và kỹ năng xây dựng môi trường tâm lý thuận lợi cho học sinh khiếm thính
- Học viên hiểu rõ được vai trò của giáo viên trong việc xây dựng vòng tay bạn bè và xây dựng môi trường tâm lý thuận lợi cho học sinh khiếm thính

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về kĩ năng xây dựng vòng tay bạn bè và kĩ năng xây dựng môi trường tâm lý thuận lợi cho học sinh khiếm thính
- Thảo luận nhóm về giải pháp nhằm xây dựng vòng tay bạn bè và môi trường tâm lý thuận lợi cho học sinh khiếm thính trong trường/lớp học.

c) *Thông tin cơ bản:*

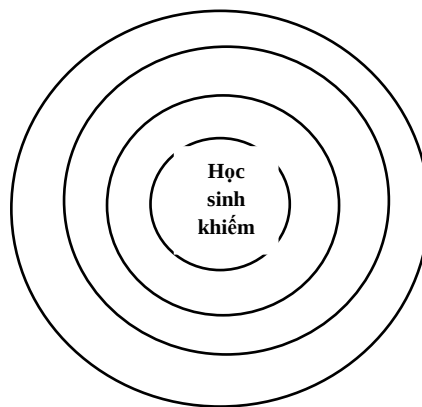
Những kĩ năng hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập ở nhà trường, gia đình và cộng đồng (tiếp)

Kĩ năng xây dựng vòng bạn bè [3]

- Việc thiết lập vòng bạn bè, đặc biệt “đôi bạn cùng tiến” hỗ trợ học sinh khiếm thính rất nhiều trong học tập và giao tiếp: Ở trường Tiểu học, các môn học như Tiếng Việt, Sử, Địa, Khoa học... đòi hỏi kĩ năng nghe nói và viết nhiều nên học sinh khiếm thính thường gặp khó khăn khi học những môn này. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay không đủ giáo viên và giáo viên cũng không có nhiều thời gian để hỗ trợ thêm cho trẻ. Trở ngại này sẽ được khắc phục khi học sinh khiếm thính có bạn trợ giúp.

- Có nhiều cách khác nhau để xây dựng vòng bạn bè. Tuỳ thuộc vào kinh nghiệm và đối tượng học sinh cụ thể trong lớp mình giáo viên có thể có các cách khác nhau để mô tả cũng như thiết lập vòng bạn bè trong lớp học của mình

- Một trong những cách để xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khiếm thính trong cơ sở giáo dục là vẽ sơ đồ các vòng tròn đồng tâm mà vòng trong cùng là tên trẻ khiếm thính (xem Sơ đồ 1) Mức độ thân tình và chia sẻ giảm dần từ vòng trong ra vòng ngoài. Vòng 1 - Vòng thân thiện gần gũi có thể bao gồm tên của Nhân viên hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm và một số bạn thân tình nguyện ở trong lớp,



**Sơ đồ 1: Vòng bạn bè của học sinh khiếm
thính trong cơ sở giáo dục**

trường; Vòng 2 - Vòng thân tình có thể là tên một số cán bộ, nhân viên trong trường và một số bạn cùng lớp, trường của học sinh. Vòng 3 - Vòng những người cùng tham gia là tên cá nhân và nhóm, tổ chức xã hội trong cơ sở giáo dục. Vòng 4 - Vòng chia sẻ là những người liên quan cùng chung sống như bác sĩ, hàng xóm...

- Các bước xây dựng vòng tay bạn bè

+ Bước 1: Giải thích ý nghĩa mối quan hệ thân thiện giữa các học sinh

- + Bước 2: Giải thích ý nghĩa của từng vòng bạn bè
- + Bước 3: Phát cho mỗi học sinh 1 tờ giấy đã vẽ sẵn 4 vòng có dán ảnh của bạn học sinh khiếm thính cần thiết lập vòng bạn bè vào giữa.
- + Bước 4: Hướng dẫn học sinh chọn 1 bạn yêu thích nhất cho vào vòng 1 và dán ảnh của bạn đó vào vòng 1. Sau đó làm hết đến vòng 4
- + Bước 5: Dựa vào vòng bạn bè từng học sinh, trao đổi về vai trò của vòng bạn bè đó với các nhân từng học sinh
- + Bước 6: Trao đổi với cả lớp về vòng bạn bè của học sinh khiếm thính
- + Bước 7: Phân tích vai trò của vòng 1
- + Bước 8: Trao đổi với cả lớp làm thế nào để những người bạn trong lớp có thể trở thành những người bạn trong vòng 1 của học sinh khiếm thính
- + Bước 9: Trao đổi với học sinh để thực hiện các ý tưởng đã bàn

Kĩ năng tạo dựng môi trường tâm lý thuận lợi cho trẻ

- Giáo viên dạy hoà nhập, nhân viên hỗ trợ, ban giám hiệu cùng các nhân viên khác của nhà trường có thể sử dụng các kênh giao tiếp đặc thù với học sinh khiếm thính và luôn thể hiện thái độ tôn trọng, yêu thương, chia sẻ với học sinh, tôn trọng cá tính cũng như đặc điểm riêng của học sinh khiếm thính, khuyến khích động viên các em tự tin sử dụng các kênh ngôn ngữ khác nhau để giao tiếp với các bạn trong lớp, thầy cô, nhân viên nhà trường và trong việc tiếp thu các kiến thức môn học[1].
- Khuyến khích học sinh trong lớp học, học sinh toàn trường học hỏi và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, chữ cái ngón tay, cử chỉ điệu bộ... tạo môi trường tâm lý thuận lợi cho học sinh khiếm thính giao tiếp và học tập. Ngoài ra, để các học sinh khác trong lớp có thể giao tiếp tốt hơn với học sinh khiếm thính, giáo viên nên làm một bảng chữ cái ngón tay treo ở một bên cạnh bảng đen.
- Hướng dẫn các học sinh trong lớp, trong vòng bạn bè cách thức hỗ trợ học sinh khiếm thính trong trường/lớp và cuộc sống.
- Bình đẳng trong việc tạo cơ hội cho học sinh khiếm thính tham gia vào các hoạt động sinh hoạt chung cũng như học tập trong trường, lớp, nhóm
- Giáo dục kĩ năng sống cho toàn thể học sinh để tránh bạo hành, kì thị trong lớp học.

Hoạt động 4: Trình bày cách thức tổ chức hoạt động nhằm tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính và các kĩ năng khác

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên phân tích được nội dung kĩ năng tổ chức hoạt động đảm bảo sự tham gia của học sinh khiếm thính và các kĩ năng khác như làm việc với phụ huynh, hỗ trợ về

thông tin về khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính và giáo dục hoà nhập cho cộng đồng, huy động nguồn lực trong cộng đồng...

- Học viên hiểu rõ được vai trò của giáo viên trong việc tổ chức hoạt động đảm bảo sự tham gia của học sinh khiếm thính, nâng cao kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ khiếm thính của phụ huynh, huy động nguồn lực trong cộng đồng, chia sẻ thông tin về nhu cầu và khả năng của học sinh khiếm thính.

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về mục tiêu cần tìm hiểu về kỹ năng tổ chức hoạt động đảm bảo sự tham gia của học sinh khiếm thính và các kỹ năng khác
- Phản hồi của học viên về vai trò của giáo viên trong việc tổ chức hoạt động đảm bảo sự tham gia của học sinh khiếm thính

c) Thông tin cơ bản:

**Kỹ năng hỗ trợ của học sinh khiếm thính hòa nhập
ở nhà trường, gia đình và cộng đồng (tiếp)**

Kỹ năng tổ chức hoạt động nhằm tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính [1]

- Lựa chọn hoạt động phù hợp khả năng nhận thức, ngôn ngữ và giao tiếp của học sinh khiếm thính.
- Sử dụng các phương pháp tổ chức hoạt động nhằm phát huy tính tích cực của học sinh khiếm thính: Hợp tác nhóm, thực hành, thí nghiệm, đóng vai, trò chơi...
- Sử dụng phương tiện trong các hoạt động phù hợp đặc điểm nhận thức của học sinh khiếm thính: tranh ảnh, băng hình, vật thật, sơ đồ, mô hình....
- Chấp nhận những cách thức biểu đạt khác nhau trong quá trình học sinh khiếm thính tham gia hoạt động. Với những học sinh khiếm thính sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, các em cần được bày tỏ những suy nghĩ của mình bằng ngôn ngữ kí hiệu, điều đó sẽ giúp các em biểu đạt chính xác hơn những gì các em hiểu, mong muốn.
- Tìm ra các hoạt động hướng tới điểm mạnh của học sinh để các em có thể thành công với một chút cố gắng. Luôn luôn động viên khuyến khích học sinh trong suốt quá trình hoạt động

Khi tổ chức hoạt động cho học sinh khiếm thính cần lưu ý:

- + Với những học sinh khiếm thính sử dụng máy trợ thính cần đảm bảo máy trợ thính hoạt động tốt: Với những trẻ đeo máy trợ thính, giáo viên dạy hoà nhập cần có kỹ năng kiểm tra máy trợ thính xem có hoạt động tốt không trước khi tổ chức các hoạt động dạy học học sinh khiếm thính nhằm đảm bảo các em có thể nghe và tham gia vào các hoạt động của lớp học.
- + Điều kiện ánh sáng ở trong môi trường. Phải đảm bảo rằng những nơi này có đủ

ánh sáng và người nói không đứng ở những nơi tối hoặc có ánh sáng loá để học sinh khiếm thính có thể sử dụng các tín hiệu thị giác để nhận biết lời nói tức là đọc hình miệng và có thể nhìn thấy giáo viên và học sinh khác ra kí hiệu, cũng như mọi người xung quanh nhìn rõ được các kí hiệu của học sinh khiếm thính.

+ *Đối với việc xếp chỗ ngồi và vị trí của trẻ ở trong lớp*: Cho trẻ ngồi đối diện với giáo viên để có thể quan sát được việc ra kí hiệu (đối với trẻ dùng ngôn ngữ kí hiệu) hoặc ngồi về phía bên trái hoặc phải của giáo viên tùy thuộc vào tai nào nghe tốt hơn (đối với trẻ đeo máy trợ thính). Có thể cho phép trẻ đi lại xung quanh lớp để nhìn thấy mặt người nói.

+ *Sự yên tĩnh*: Đối với học sinh khiếm thính sử dụng máy trợ thính, môi trường xung quanh càng yên tĩnh, trẻ nghe càng rõ ràng nhất là khi nghe tiếng nói. Để giảm bớt tiếng ồn cần: cho trẻ ngồi càng xa nơi phát ra âm thanh càng tốt, điều chỉnh âm thanh phát ra từ tivi, radio... cho phù hợp, sử dụng các vật liệu hút âm thanh bên trong phòng như trải thảm, chiếu trên sàn, tường treo rèm vải dày...

Kỹ năng làm việc với phụ huynh

- *Nâng cao nhận thức và sự tham gia của cha mẹ* về khả năng phát triển của học sinh khiếm thính, sự đồng cảm chia sẻ từ phía gia đình để từ đó tin tưởng vào sự phát triển của các em.
- *Tư vấn chuyển giao những kiến thức và kỹ năng cần thiết* cho các thành viên gia đình học sinh khiếm thính (chăm sóc thính lực, phát triển ngôn ngữ, giao tiếp, nhận thức, giáo dục kỹ năng xã hội, xây dựng các hành vi tích cực...) để họ có đủ khả năng hướng dẫn con cái họ trong sinh hoạt, học tập và tham gia các hoạt động trong cộng đồng, địa bàn dân cư.
- *Cung cấp thông tin về các dịch vụ hỗ trợ* nhằm khuyến khích để gia đình học sinh có đủ khả năng phát huy những nguồn lực cần thiết và có thể thực hiện tốt vai trò của người làm cha mẹ.

Lưu ý: Căn cứ vào mục tiêu và nội dung hỗ trợ, các hoạt động cụ thể được thiết kế và thực hiện cần dựa trên nhu cầu đa dạng của học sinh khiếm thính và gia đình. Các nhiệm vụ càng được chia nhỏ thành các bước và việc thực hiện từng bước càng rõ ràng thì càng tốt. Các loại hình hoạt động hỗ trợ cần đa dạng nhằm tăng cơ hội tiếp thu kiến thức và tăng mức độ thành thạo kỹ năng, cơ hội trải nghiệm cho học sinh khiếm thính và những người trợ giúp trẻ trong gia đình.

Kỹ năng hỗ trợ về thông tin về khả năng, nhu cầu của học sinh khiếm thính và giáo dục hoà nhập cho cộng đồng

- Giáo viên cần chia sẻ các kiến thức về khả năng nhu cầu của học sinh khiếm thính nhằm làm cho cộng đồng tin tưởng hơn ở khả năng của học sinh khiếm thính cùng

chung tay hỗ trợ giúp các em có cơ hội tiếp cận giáo dục.

- Giáo viên chia sẻ các kiến thức về chăm sóc hỗ trợ, giao tiếp với trẻ khiếm thính với cộng đồng ...

Huy động nguồn lực trong cộng đồng

Giáo viên cần chia sẻ các kiến thức giúp cộng đồng hiểu rõ hơn về vị trí vai trò của mình trong việc hỗ trợ, giám sát các cơ sở giáo dục, gia đình và các tổ chức xã hội thực hiện Quyền được đi học, phòng tránh bạo lực, lạm dụng và kỳ thị học sinh khiếm thính. Từ đó vận động chính quyền, các đoàn thể, tổ chức quần chúng, cá nhân giúp đỡ học sinh và gia đình học sinh khiếm thính [5].

2. Giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Hoạt động 5: Liệt kê các nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu khái niệm giới tính, đặc điểm nhận thức về giới của học sinh tiểu học
- Học viên liệt kê được các nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học
- Học viên có thể sử dụng các kiến thức về giáo dục giới tính này vào việc xây dựng các hoạt động giáo dục giới tính trong lớp học có học sinh khiếm thính học hoà nhập

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về khái niệm, các nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học
- Xem video về quy tắc 5 ngón tay và quy tắc đồ lót và thảo luận nhóm

c) Thông tin cơ bản:

Nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Khái niệm giới tính, giáo dục giới tính

- *Giới tính* là sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam giới và nữ giới. Giới tính của mỗi người không thể thay đổi được. Chỉ có một số khác biệt nhỏ về vai trò của nam và nữ về mặt sinh học và sinh lý trên cơ sở giới tính như việc mang thai, sinh nở và sự khác biệt về sinh lý có thể là do các đặc điểm về giới tính.

Nhận thức về giới, giới tính của học sinh 6-12 tuổi

- + *Từ 5-7 tuổi:* Trẻ bắt đầu hiểu giới tính là đặc tính không thay đổi suốt cuộc đời và nhận dạng về giới của bản thân một cách chắc chắn. Các em biết gọi tên các bộ phận trên cơ thể người, các em được biết rằng con người có thể mang thai và tạo ra thế hệ sau. Đồng thời có thể phân biệt được sự khác nhau trên cơ thể.
- + *Từ 8-10 tuổi:* Có thể nắm bắt các giai đoạn chính trong chu kì của đời người như

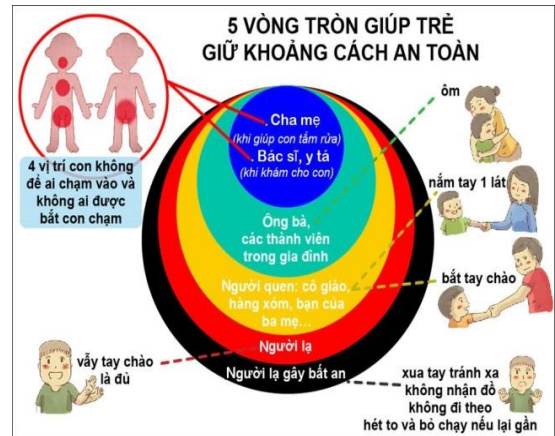
sinh đẻ, tăng trưởng...

+ *Từ 11-13 tuổi*: Hiểu được sự thay đổi tâm sinh lý trong giai đoạn tuổi trẻ, thế nào gọi là kinh nguyệt, sự thụ tinh...

- *Giáo dục giới tính* là quá trình giáo dục con người làm cho họ có kiến thức đầy đủ, thái độ đúng đắn, ứng xử phù hợp về giới tính và quan hệ giới tính, hướng đến phát triển một con người với nhân cách toàn diện, phù hợp với giới tính, xây dựng các mối quan hệ hạnh phúc, xã hội văn minh.

Nội dung giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

- *Tự chăm sóc cơ thể*: Cung cấp các kiến thức về vệ sinh thân thể cho học sinh như: đánh răng, rửa tay, giặt quần áo, vệ sinh vùng kín, thay đồ lót...
- *Vòng tròn các mối quan hệ* (những mối quan hệ, những người xung quanh các em): Dạy học sinh về mức độ thân thiết trong mối quan hệ của các em với người đó.
Ví dụ: Quy tắc 5 ngón tay hay 5 Vòng tròn giúp trẻ an toàn



- *Riêng tư, an toàn*: Dạy học sinh một số kỹ năng ứng xử, kỹ năng an toàn tự bảo vệ bản thân. Nội dung trong phần này nói về [2]:

+ **Quy tắc chạm – nhìn các vùng cơ thể**: Không để người khác chạm/ nhìn vào vùng đồ bơi của con, con không được chạm/nhìn vào vùng đồ bơi của người khác.

+ **Không gian**: Cung cấp cho học sinh những kiến thức về nơi công cộng, nhà hàng, công viên, nơi đông người và những khu vực riêng tư.

+ **Chia sẻ thông tin**: Dạy học sinh những vấn đề như: vệ sinh thân thể, riêng tư cá nhân con nên chia sẻ với bố hoặc mẹ, người thân quen và không nói những vấn đề



này ở nơi đông người

- + **Hành động:** Dạy cho học sinh biết những hành động riêng tư (thủ dâm, gãi mông, ngoáy mũi) con nên làm ở những khu vực riêng tư (nhà vệ sinh, phòng ngủ) hoặc khi con có một mình và không nên làm ở những nơi đông người.
- **Sự phát triển của cơ thể:** Cung cấp cho học sinh những kiến thức về sự phát triển cơ thể của bé trai/ bé gái.

Hoạt động 6: Thực hành các kỹ năng giáo dục giới tính (tổ chức hoạt động nhóm; tạo cơ hội bình đẳng trong dạy học; trực quan – hình ảnh giới tính...)

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hình thành được các kỹ năng giáo dục giới tính (tổ chức hoạt động nhóm; tạo cơ hội bình đẳng trong dạy học; trực quan – hình ảnh giới tính...) cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- Học viên áp dụng được các kỹ năng này vào quá trình giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về các kỹ năng giáo dục giới tính
- Thực hành sử dụng ngôn ngữ kí hiệu hướng dẫn học sinh khiếm thính cấp tiểu học tìm hiểu những cách thức vệ sinh vùng kín, dùng băng vệ sinh...
- Tổ chức hoạt động xem video Quy tắc đồ lót hoặc Quy tắc nắm ngón tay cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

c) Thông tin phản hồi

Kỹ năng giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Tổ chức hoạt động nhóm có học sinh khiếm thính

- Việc giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học sẽ thuận lợi trong hoạt động nhóm. Trong hoạt động nhóm, học sinh khiếm thính có cơ hội quan sát, học hỏi những cách thức thể hiện, luyện tập và thực hành các nội dung giáo dục giới tính được giáo viên truyền tải qua các bạn trong nhóm. Ngoài ra, trẻ cũng có cơ hội được các bạn hướng dẫn, trợ giúp bằng những việc làm cụ thể và trực tiếp.

- Khi tổ chức hoạt động nhóm có học sinh khiếm thính giáo viên cần chú ý:

- + **Lựa chọn các thành viên trong nhóm:** Nên chọn vào nhóm có học sinh khiếm thính những bạn thân của trẻ, những bạn có thể đoán hiểu được ý kiến, suy nghĩ của bạn. Khi học sinh khiếm thính đã quen với cách hoạt động nhóm, có thể thay đổi thành phần nhóm, tập cho học sinh làm quen, giao tiếp với nhiều đối tượng khác nhau trong những hoạt động khác nhau
- + **Phân công nhiệm vụ trong nhóm:** Phân công trách nhiệm cho học sinh khiếm

thính cần tiến hành công bằng với các thành viên khác của nhóm. Cần tránh hiện tượng để học sinh khiếm thính ngồi chơi, "ăn theo" các bạn. Khi giải thích, phân công cho trẻ cần rõ ràng, có thể dùng cử chỉ, chữ viết để giải thích cho học sinh hiểu. Nếu phân công bằng phiếu thì yêu cầu viết câu ngắn, gọn, dễ hiểu, dùng những từ ngữ quen thuộc

- + *Điều khiển tiến trình trao đổi nhóm*: Nên ưu tiên tạo điều kiện cho học sinh khiếm thính phát biểu ý kiến của mình trước. Các thành viên trong nhóm cần học cách hiểu bạn bằng ngôn ngữ cử chỉ, đồng thời bổ sung, giúp đỡ bạn thể hiện dần bằng ngôn ngữ nói, viết, vẽ...
- + *Đánh giá kết quả*: Chấp nhận cách đánh giá của học sinh bằng hình thức diễn đạt riêng (cử chỉ, hình vẽ, động tác...)

Kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan – hình ảnh giới tính và hướng dẫn các nội dung giáo dục giới tính bằng ngôn ngữ kí hiệu

- Khi giáo dục giới tính cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học, giáo viên cần có các kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan, hình ảnh giới tính nhằm minh họa cho các nội dung giáo dục giới tính để học sinh khiếm thính dễ dàng lĩnh hội kiến thức. Giáo viên cần tập trung vào hình thành kiến thức, kỹ năng mới thông qua hoạt động luyện tập, củng cố và mở rộng môi trường áp dụng bằng:

- + Tranh/ảnh minh họa các tình huống giáo dục giới tính trong cuộc sống
- + Video clip về các tình huống liên quan đến giáo dục giới tính trong cuộc sống
- + Câu chuyện xã hội về tình huống liên quan đến giáo dục giới tính...

- Ngoài ra, việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong giáo dục giới tính cho học sinh là rất cần thiết. Giáo viên cần trau dồi vốn ngôn ngữ kí hiệu liên quan đến các nội dung giáo dục giới tính để đảm bảo có thể hướng dẫn các nội dung này bằng ngôn ngữ kí hiệu cho các học sinh khiếm thính trong lớp học.

Tạo cơ hội bình đẳng trong dạy học

- Giáo dục về giới và bình đẳng giới thông qua việc thiết lập môi trường lớp học bình đẳng như: Thiết lập quy tắc lớp học, sắp xếp chỗ ngồi cho đảm bảo sự bình giữa học sinh nam và học sinh nữ, sử dụng nhóm có cả học sinh nam và học sinh nữ trong hoạt động nhóm...

- Giáo dục về giới và bình đẳng giới thông qua các chiến lược dạy học trong lớp học như: Cân bằng cơ hội phát biểu giữa học sinh nam và học sinh nữ, độ khó về các nhiệm vụ phải thực hiện cho học sinh nam và học sinh nữ là như nhau, sử dụng những đại từ nhân xưng trung tính...

Hoạt động 7: Tìm hiểu các nội dung, biện pháp phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học.

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu khái niệm bạo lực, xâm hại/ xâm hại tình dục
- Học viên liệt kê được các nội dung phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học
- Học viên áp dụng được các nội dung này vào thiết kế các hoạt động phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính học hoà nhập

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về các khái niệm và nội dung phòng chống bạo lực, xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học
- Hỏi đáp, thảo luận về nội dung và biện pháp phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học

c) Thông tin cơ bản:

**Nội dung, biện pháp phòng chống bạo lực và xâm hại
học sinh khiếm thính cấp tiểu học**

Khái niệm chung về bạo lực, xâm hại

- **Bạo lực:** là bất cứ hành động nào gây tổn hại cho người khác, hoặc ngăn cản không cho người khác được thực hiện những quyền chính đáng của họ.

Các hình thức bạo lực: Bạo lực về thân thể, bạo lực về tinh thần, bạo lực về tình dục, bạo lực trên phương diện xã hội

Khi học sinh đến trường, bạo lực thể hiện chủ yếu ở dạng bắt nạt học đường.

- **Bắt nạt học đường** là việc học sinh dùng sức mạnh của mình để đe dọa hoặc làm tổn thương học sinh khác nhằm mục đích kiểm soát, khống chế.

Các hình thức bắt nạt: Bắt nạt thể chất (Làm tổn thương, làm đau về thể chất, chiếm đoạt, hủy hoại tài sản) và bắt nạt tinh thần (Sai khiến, tạo cho người khác có cảm xúc nhục nhã, cô lập, coi thường, khinh miệt, bắt nạt thông qua các thiết bị công nghệ)

- **Xâm hại tình dục trẻ em** là khi có ai đó sử dụng quyền lực hoặc lợi dụng sự tin tưởng của trẻ để lôi kéo trẻ vào hoạt động tình dục. Bao gồm: Xâm hại bằng lời nói: (Nói các câu chuyện tục tĩu nhạy cảm và bắt trẻ nói cùng mình về vấn đề đó); Làm những hình ảnh, video có tính chất xâm hại trẻ em; Ép buộc trẻ em xem hay tham gia các hoạt động tình dục; Ép buộc trẻ em quan hệ tình dục hoặc lôi kéo trẻ em vào các hành vi tình dục với trẻ em khác hoặc với người lớn; Trêu ghẹo trẻ một cách quá đáng, sờ mó vào những bộ phận riêng tư trên cơ thể trẻ và bắt trẻ sờ vào bộ phận

riêng tư trên cơ thể mình.

Nội dung, biện pháp phòng chống bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em

- *Đối thoại công khai và tuyên truyền:* Tăng cường mối quan hệ giao tiếp giữa cha mẹ và con cái về xâm hại tình dục trẻ em, đối thoại công khai về bảo vệ trẻ em trên các phương tiện truyền thông, trong trường học và các nơi liên quan khác tại cộng đồng.
- *Hoạt động phòng ngừa:* Kiểm tra chuyên môn và nhân thân của tất cả những nhân viên hoặc tình nguyện viên đang làm việc với trẻ em, tiếp nhận nghiêm túc các báo cáo và điều tra mọi sự nghi ngờ, hạn chế người lạ tiếp xúc với trẻ em và các địa điểm trẻ có thể ở một mình với người lớn, thể hiện thái độ không khoan nhượng với mọi hành vi xâm hại tình dục trẻ em trong cộng đồng và thực hiện các chương trình can thiệp sớm hỗ trợ các gia đình dễ bị tổn thương.
- *Biện pháp bảo vệ:* Cảnh giác, chú ý tới các dấu hiệu cảnh báo trẻ có nguy cơ bị xâm hại, hành động ngay lập tức khi nhận được thông tin về trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc đã bị xâm hại, bảo đảm sự an toàn về thể chất cho trẻ khi cần thiết. Trình báo mọi trường hợp trẻ em bị xâm hại với cán bộ bảo vệ trẻ em hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuân thủ mọi quy định tại cộng đồng.

Hoạt động 8: Thực hành hướng dẫn học sinh khiếm thính cấp tiểu học các kỹ năng phòng chống bạo lực và xâm hại.

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hình thành một số kỹ năng phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học
- Học viên áp dụng các hoạt động này vào giáo dục học sinh khiếm thính cấp tiểu học phòng chống bạo lực và xâm hại

b) Cách thức tiến hành:

- Thuyết trình về các kỹ năng phòng chống bạo lực và xâm hại của học sinh khiếm thính cấp tiểu học như nhận biết dấu hiệu; làm chủ và ứng phó; kiềm chế cảm xúc; tham gia nhóm bạn tích cực...
- Thực hành hướng dẫn học sinh khiếm thính cấp tiểu học các kỹ năng nêu trên.

c) Thông tin cơ bản:

Kỹ năng phòng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học

Kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục của học sinh

- *Nhận diện các hành vi xâm hại:* Xâm hại tình dục trẻ em bao gồm tất cả các hành vi tình dục không mong muốn, có thể bao gồm cả hành vi xâm hại có tiếp xúc hay hành vi xâm hại không tiếp xúc.

- *Làm chủ và ứng phó với các nguy cơ bị xâm hại:* Hét thật to lên để mọi người chú ý và đến giúp đỡ; bỏ đi chỗ khác; lùi ra xa để người đó không chạm vào mình; Nhìn thẳng vào mặt người đó và nói không với các hành vi mà mình không thích; Vùng dậy chạy thật nhanh đến nơi có người; Bất ngờ tấn công lại vào những chỗ hiểm của đối phương như: ném cát vào mắt rồi chạy, dùng giày dép hoặc đồ vật ném vào đầu, đấm đá vào chỗ hiểm của đối phương... để có cơ hội bỏ chạy; Kể hết mọi việc cho người lớn nghe hoặc gọi điện đến tổng đài quốc gia phòng chống xâm hại tình dục trẻ em với tên gọi “Phím số diệu kỳ 111”.
- *Trợ giúp khi gặp tình huống các bạn khác bị hoặc có nguy cơ xâm hại:* Bày tỏ thái độ không đồng tình với hành vi của người xâm hại; Hét thật to lên để mọi người chú ý và đến giúp đỡ; Tìm cách nói dối để bỏ đi chỗ khác; Kể hết mọi việc cho người lớn nghe; Đi tìm sự trợ giúp của người lớn hoặc Sử dụng tổng đài quốc gia phòng chống xâm hại tình dục trẻ em với tên gọi “Phím số diệu kỳ 111” để tìm sự trợ giúp hoặc báo cáo các trường hợp bị xâm hại.

Kỹ năng phòng chống bạo lực học đường [4]

- *Nhận biết các dấu hiệu của bạo lực học đường:* Nhận biết đối với nhóm chuyên gây bạo lực học đường và dấu hiệu tiền bạo lực như nhìn đều, trêu đùa quá khích, bị cho ra rìa, tẩy chay, ruồng bỏ, cô lập, luôn bị gây sự, bị ức hiếp, hăm dọa ...
- *Làm chủ và ứng phó với bạo lực học đường:* Biết cầu cứu khi đối mặt với nguy cơ bạo lực học đường; Học nhẫn nhịn, lùi bước để tránh bạo lực nhưng không phải cam chịu “liều mình” chịu trận; Tìm những người đáng tin cậy gần nhất để chia sẻ những dấu hiệu tiền bạo lực; Im lặng, coi như không có chuyện gì, đi thẳng về hướng có đông người khác. Nếu thấy nguy hại đến thân thể, trẻ có thể cầu cứu bằng cách la lớn, chạy nhanh đến những nơi an toàn như phòng bảo vệ, nhà người dân và gọi điện thoại cho người thân...
- *Kiểm chế cảm xúc tiêu cực khi bị bạo hành:* Kiểm soát cảm xúc bằng việc hít thở sâu, đếm từ 1-10, nghĩ đến một câu chuyện hài, tìm mọi cách để hạ hỏa...
- *Tham gia các nhóm tích cực* nhằm phòng chống bạo lực học đường. Tránh những người bạn “trái tính, trái nết” có nguy cơ tiềm ẩn bạo lực học đường.

Các kỹ năng của giáo viên trong giáo dục phòng chống bạo lực và xâm hại

- Kỹ năng giáo dục học sinh *nhận diện các hình thức* bạo lực học đường và xâm hại; các tình huống *nguy cơ bị bạo lực hoặc xâm hại*.
- Hướng dẫn học sinh khiếm thính thực hành mẫu chủ đề mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn nơi học đường; chủ đề về các tình huống bị xâm hại tại gia đình, nhà trường và nơi công cộng.

- Tổ chức phong trào trường lớp không có hành vi bạo lực
- Tư vấn, hướng dẫn phòng chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục cho học sinh khiếm thính bằng cách cung cấp các thông tin liên quan đến bạo lực và xâm hại

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

- 1) Trình bày và phân tích được các nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.
- 2) Phân tích kỹ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính học và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong học tập và giao tiếp.
- 3) Phân tích kỹ năng sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học học sinh khiếm thính.
- 4) Phân tích kỹ năng xây dựng vòng bạn bè đối với học sinh khiếm thính.
- 5) Phân tích vai trò, ý nghĩa của kỹ năng tổ chức hoạt động tăng cường sự tham gia của học sinh khiếm thính.
- 6) Trình bày và phân tích được các nội dung về giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học.
- 7) Nêu ý nghĩa, vai trò và các kỹ năng giáo dục giới tính (tổ chức hoạt động nhóm; tạo cơ hội bình đẳng trong dạy học; trực quan – hình ảnh giới tính...).
- 8) Nêu ý nghĩa, vai trò và các kỹ năng chống bạo lực và xâm hại học sinh khiếm thính cấp tiểu học (nhận biết dấu hiệu; làm chủ và ứng phó; kiềm chế cảm xúc; tham gia nhóm bạn tích cực).

2. Bài tập thực hành

- 1) Phân tích thực trạng các nhu cầu hỗ trợ của học sinh khiếm thính ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; thực trạng giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại của học sinh khiếm thính cấp tiểu học tại địa phương.
- 2) Đánh giá các kỹ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính ở nhà trường, gia đình và cộng đồng của giáo viên; kỹ năng giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại cho học sinh khiếm thính cấp tiểu học tại địa phương.
- 3) Đề xuất các biện pháp về phát triển kỹ năng hỗ trợ học sinh khiếm thính; kỹ năng giáo dục giới tính, chống bạo lực và xâm hại của học sinh khiếm thính cấp tiểu học tại địa phương.

IV. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Tiểu học (Tài liệu bồi dưỡng giáo viên)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Huỳnh Văn Sơn. (2017), *Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên) (2014), *Công tác xã hội với người khuyết tật*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
4. Lương Quang Hưng, Nguyễn Thu Trang (2019), *Công tác xã hội với vấn đề bạo lực học đường*, Hà Nội.
5. Sandy Niemann, Devorah Greenstein and Darienna David (2006), *Giúp đỡ trẻ điếc*, NXB Lao động, Hà Nội.

Chủ đề 8. KĨ NĂNG TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC HỌC SINH KHIẾM THÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(3 tiết lí thuyết, 5 tiết thực hành, 3 tiết online)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Xây dựng được kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực về dạy học và hỗ trợ học sinh khiếm thính thông qua sử dụng ngôn ngữ kí hiệu dựa trên điều kiện thực tế ở các nhà trường, cộng đồng và gia đình học sinh khiếm thính tại địa phương.
- Thực hiện được các kĩ năng tập huấn, bồi dưỡng về dạy học và hỗ trợ học sinh khiếm thính thông qua sử dụng ngôn ngữ kí hiệu trong các khóa học.
- Sử dụng các kĩ năng kiểm tra đánh giá và hỗ trợ người học sau các khóa tập huấn, bồi dưỡng.

2. Phẩm chất

- Tôn trọng vai trò và hợp tác với các bên liên quan để tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong giáo dục học sinh khiếm thính tại địa phương.
- Có trách nhiệm và ý thức tìm tòi cách thức tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong dạy học và hỗ trợ học sinh khiếm thính thông qua sử dụng ngôn ngữ kí hiệu tại cơ sở giáo dục, cộng đồng và gia đình.

II. Nội dung và các hoạt động

1. Kĩ năng lập kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Hoạt động 1: Xác định nhu cầu, nội dung, môi trường và các điều kiện tổ chức tập huấn, bồi dưỡng

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu cách xác định nhu cầu, nội dung tập huấn, bồi dưỡng cho các nhóm đối tượng liên quan trực tiếp đến dạy học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu.
- Học viên xác định và thiết kế được môi trường đảm bảo thuận lợi, hiệu quả nhất cho việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng.
- Học viên xác định, lựa chọn và sử dụng các điều kiện đảm bảo tổ chức tập huấn, bồi dưỡng

b) Cách thức tiến hành:

- Sử dụng kĩ thuật động não để xác định nhu cầu, nội dung tập huấn, bồi dưỡng về dạy học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu ở tiểu học.
- Các ý kiến trao đổi và thảo luận.

c) Thông tin cơ bản

Xác định nhu cầu, nội dung, môi trường và điều kiện tổ chức tập huấn, bồi dưỡng Xác định nhu cầu, nội dung tập huấn, bồi dưỡng

- *Khái niệm:* Nhu cầu, nội dung tập huấn, bồi dưỡng là những phẩm chất, năng lực mà người giáo viên còn thiếu cần phải được cập nhật, bổ sung và nâng cao để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình [1].
- *Mục đích, ý nghĩa:* Xác định nhu cầu nội dung tập huấn, bồi dưỡng vừa đáp ứng được nhu cầu của giáo viên khi cần bổ sung các năng lực cần thiết, vừa không lặp đi lặp lại những nội dung mà chính giáo viên đã biết về các nội dung tập huấn dành cho 04 đối tượng tập huấn là giáo viên dạy học sinh khiếm thính, phụ huynh, nhân viên hỗ trợ và người lớn điếc. Xác định đúng vấn đề sẽ tạo ra hứng thú học tập cho đội ngũ giáo viên tạo ra chất lượng và hiệu quả tập huấn, bồi dưỡng sẽ cao.
- *Cách thực hiện:*
 - + Để xác định được nhu cầu bồi dưỡng, trước hết cần xác định rõ những năng lực mà giáo viên cần có, những nhiệm vụ mà giáo viên cần làm để hoàn thành công việc theo yêu cầu. Bên cạnh đó, cần xác định được những năng lực hiện có của người giáo viên, những nhiệm vụ hiện thời mà người giáo viên có thể thực hiện được để đáp ứng yêu cầu dạy học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu như việc sử dụng giao tiếp tổng hợp trong dạy học, sử dụng các ký hiệu và phương pháp dạy học Toán, Tiếng Việt cho học sinh khiếm thính... Từ hai yếu tố trên, xác định được sự khác biệt giữa yêu cầu và thực tế thực hiện công việc để xác định được nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng. Sự khác biệt càng lớn thì nhu cầu nội dung tập huấn, bồi dưỡng càng cao, càng cấp thiết trong việc thu hẹp và san bằng khoảng cách này.
 - + Xác định nhu cầu nội dung tập huấn, bồi dưỡng bằng các phiếu khảo sát hoặc trao đổi trực tiếp. Căn cứ vào kế hoạch phát triển của nhà trường để lập kế hoạch xác định nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên về số lượng, cơ cấu (chẳng hạn số lượng và cơ cấu giáo viên dạy học sinh khiếm thính bằng ngôn ngữ kí hiệu) giúp cho hoạt động tập huấn, bồi dưỡng giáo viên đạt kết quả cao.
- *Hình thức xác định:* Có nhiều hình thức xác định nhu cầu nội dung tập huấn, bồi dưỡng: tổ chức khảo sát, thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, căn cứ kết quả đánh giá của nhà trường, tự đánh giá của mỗi cá nhân trước nhu cầu dạy học bằng ngôn ngữ kí hiệu của học sinh khiếm thính. Hình thức phổ biến nhất để đánh giá nhu cầu nội dung tập huấn, bồi dưỡng là khảo sát bằng phiếu về nhu cầu chuyên môn được bồi dưỡng, đó là các chủ đề giáo viên, nhân viên hỗ trợ, phụ huynh, người lớn điếc muốn tham gia, hình thức bồi dưỡng, thời gian, địa điểm phù hợp và những khó khăn của họ khi tham gia bồi dưỡng. Phiếu khảo sát thể hiện các nhu cầu cụ thể mà giáo viên mong muốn ở các mức độ khác nhau.

Xác định môi trường và các điều kiện tổ chức tập huấn, bồi dưỡng

- Môi trường, cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị phục vụ cho tổ chức tập huấn, bồi dưỡng được xem như là phương tiện lao động, cơ sở đảm bảo cho việc tổ chức một khóa tập huấn, bồi dưỡng như: Môi trường tâm lý (Tạo tâm lý an toàn vui vẻ cho học viên) và môi trường vật chất (Hội trường/lớp học, các phương tiện và thiết bị phục vụ cho tổ chức hoạt động tập huấn, bồi dưỡng).

- Cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị phục vụ cho tổ chức tập huấn, bồi dưỡng phải phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp, cách thức tiến hành tổ chức một khóa tập huấn, bồi dưỡng. Vì vậy, trước khi tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cần chú ý đến một số vấn đề cơ bản sau:

+ Chuẩn bị địa điểm/cơ sở nơi tập huấn, bồi dưỡng (phòng học, phòng thực hành nghe nhìn, thiết bị hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng của báo cáo viên và học viên, các điều kiện đảm bảo cho sinh hoạt của báo cáo viên và học viên phù hợp với các yêu cầu của 04 nhóm đối tượng tập huấn gồm giáo viên dạy học sinh khiếm thính, nhân viên hỗ trợ, phụ huynh, người lớn điếc và với các nội dung, phương pháp tổ chức tập huấn gồm thảo luận nhóm, các băng hình, video minh họa...).

+ Chuẩn bị nguồn kinh phí phù hợp cho tổ chức hoạt động tập huấn, bồi dưỡng (tài liệu, phụ cấp cho báo cáo viên, học viên đi bồi dưỡng, văn phòng phẩm...) và các khoản chi phí khác để phục vụ cho hoạt động bồi dưỡng.

- Một điều kiện hết sức quan trọng khác đó là cần đảm bảo chất lượng của đội ngũ báo cáo viên lựa chọn cho các khóa tập huấn, bồi dưỡng, đặc biệt với nội dung đặc thù dành cho việc dạy học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu. Báo cáo viên không chỉ là người am hiểu, có kinh nghiệm trong lĩnh vực dạy học mà còn trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo hay thực hành trực tiếp đối với việc dạy học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu ở tiểu học.

Hoạt động 2: Lập kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực hỗ trợ học sinh khiếm thính học bằng ngôn ngữ kí hiệu tại địa phương

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được các bước cơ bản của tiến trình lập một bản kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng
- Học viên lập được kế hoạch tổ chức một khóa tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực hỗ trợ học sinh khiếm thính bằng ngôn ngữ kí hiệu cho một nhóm đối tượng (giáo viên, cha mẹ, nhân viên hỗ trợ, người lớn điếc) theo các tiêu chí của một bản kế hoạch.

b) Cách thức tiến hành:

- Hướng dẫn, trao đổi toàn lớp về các bước lập kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng.

- Ý kiến trao đổi, phản hồi của học viên và tập huấn viên về nội dung của bước này.
- Hoạt động nhóm – Thực hành lập kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng

c) *Thông tin cơ bản:*

Lập kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng [1]

- **Khái niệm:** Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng là một văn bản trong đó, xác định mục tiêu tập huấn, điều kiện tổ chức tập huấn, nội dung, hoạt động, thời gian tổ chức tập huấn, bồi dưỡng (chung cho một khóa tập huấn và cho toàn bộ hoạt động của khóa tập huấn, bồi dưỡng đó), kết quả mong đợi đạt được sau tập huấn, bồi dưỡng và tương ứng là chỉ số đánh giá cho các kết quả đạt được của khóa tập huấn, bồi dưỡng đó. Lập kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng là kỹ thuật quản lý nhằm xác định nhu cầu của đối tượng, xác định các điều kiện thực hiện cho phép để từ đó tiến hành tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nhằm đạt được mục tiêu tập huấn, bồi dưỡng đã đặt ra.

- Quá trình lập kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng

Việc lập kế hoạch có kết quả tốt và thành công nếu trả lời được 4 câu hỏi sau đây:

- + Hiện tại, trình độ đội ngũ, nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng và điều kiện đảm bảo cho tổ chức tập huấn, bồi dưỡng như thế nào?
- + Tập huấn, bồi dưỡng nhằm mục đích gì?
- + Làm thế nào để thực hiện được một khóa tập huấn, bồi dưỡng?
- + Đánh giá kết quả đạt được của mỗi khóa tập huấn, bồi dưỡng như thế nào?

Mẫu kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng

TÊN KẾ HOẠCH

1. Những thông tin chung

(Sử dụng trả lời cho câu hỏi 1 của việc lập kế hoạch: Hiện tại, trình độ đội ngũ, nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng và điều kiện đảm bảo cho tổ chức tập huấn, bồi dưỡng như thế nào?)

.....

2. Mục tiêu

.....

3. Nội dung tập huấn, bồi dưỡng

.....

.....

4. Người thực hiện

.....

5. Thành phần tham dự tập huấn, bồi dưỡng

.....

6. Thời gian và địa điểm tổ chức

.....

.....

7. Kế hoạch thực hiện (sử dụng loại mẫu kế hoạch phù hợp và lập biểu đồ tiến độ thực hiện)

Chẳng hạn, sau đây là một mẫu:

Nội dung/ Hoạt động	Khung thời gian		Chịu trách nhiệm		Chỉ số thực hiện	Kinh phí dự kiến
	Bắt đầu	Kết thúc	Chính	Phối hợp		

8. Kinh phí (được lập theo từng hoạt động kèm theo)

Kế hoạch kinh phí chi tiết có thể tham khảo mẫu sau:

TT	Mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian	Mức chi	Thành tiền	Ghi chú

2. Kỹ năng thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Hoạt động 3: Động não xác định các vấn đề ưu tiên của khóa tập huấn, bồi dưỡng

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu khái niệm động não, các nguyên tắc, tiến trình thực hiện động não và các hình thức tổ chức động não để tổ chức một khóa tập huấn, bồi dưỡng.
- Sử dụng các hình thức tổ chức động não để tiến hành các hoạt động động não cho tổ chức một khóa tập huấn, bồi dưỡng đối với các đối tượng khác nhau (giáo viên, nhân viên hỗ trợ, cha mẹ học sinh khiếm thính và người lớn điếc).

b) Cách thức tiến hành:

- Hướng dẫn, trao đổi toàn lớp về thế nào là động não, các nguyên tắc và hình thức tổ chức động não trong tập huấn, bồi dưỡng.
- Hoạt động nhóm - Thực hành động não

c) Thông tin cơ bản:

Kĩ năng thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Kĩ năng Động não [1]

Là phương pháp kích thích sự tư duy của người học trong một thời gian ngắn, được đặc trưng bởi: Đặt vấn đề; Tạo ra các ý tưởng; Nhóm các ý tưởng; Đánh giá ý tưởng.

Các nguyên tắc động não

- Tôn trọng tất cả các ý kiến khác nhau: Không phê bình, chỉ trích, các ý kiến đều có giá trị ngang nhau.
- Các ý kiến thậm chí không phù hợp với nội dung.
- Coi trọng số lượng ý kiến, càng nhiều ý kiến càng tốt.
- Luân phiên các ý kiến.
- Không coi trọng vấn đề.
- Giới hạn về thời gian.

Tiến trình động não

Giáo viên hoặc học sinh đặt vấn đề → Đặt mốc thời gian bắt đầu - kết thúc → Chia nhóm thảo luận → Ghi lại ý tưởng trên giấy → Nhóm các ý tưởng và đánh giá.

Các hình thức tổ chức động não

- *Động não giải quyết một vấn đề duy nhất*, hình thức này chú trọng đến thời gian hoạt động của tất cả các nhóm: Động não trong một thời gian rất ngắn.
- *Động não giải quyết các chủ đề, vấn đề khác nhau mang tính chất luân phiên*: Hình thức này chú trọng thời gian động não của mỗi vấn đề, đảm bảo sự luân phiên ý kiến, luân phiên vấn đề, luân phiên di chuyển giữa các nhóm
- *Động não từng vấn đề và đánh giá ý tưởng*: Duy trì giới hạn thời gian, mỗi nhóm chỉ động não một vấn đề, sau đó các nhóm luân phiên đánh giá kết quả của nhóm khác.

Động não không chỉ kích thích tư duy của người học mà còn giúp cho kích thích sự sáng tạo, linh hoạt và chủ động của tập huấn viên trong rất nhiều công việc liên quan đến thiết kế, lựa chọn và tiến hành khóa tập huấn, bồi dưỡng.

Ví dụ việc áp dụng động não trong xác định các vấn đề ưu tiên của khóa tập huấn, bồi dưỡng:

Ma trận xác định các vấn đề ưu tiên về nội dung tập huấn, bồi dưỡng giáo viên dạy học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu

T T	Vấn đề	Bối cảnh			Đặc điểm				Tác động				Chi phí				Tổng điểm
		1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	
1.	Hiểu đặc điểm học tập của học	-	+	+	+	+	-	+	-	-	+	+	+	-	+	+	+10

	sinh khiếm thính																
2.	Kiến thức của giáo viên trong dạy học sinh khiếm thính thông qua NNKH	-	-	+	-	+	+	-	-	-	-	+	+	+	-	-	-3
3.	Kỹ năng sử dụng NNKH của GV	+	+	+	-	+	-	+	-	-	+	+	-	+	-	-	+1
4.	Sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh khiếm thính đối với việc dạy học các em của GV	-	+	+	-	+	+	+	+	-	+	+	-	+	+	-	+5
5.	Kỹ năng sử dụng các phương tiện thiết bị hỗ trợ nghe của GV đối với học sinh khiếm thính	-	-	+	-	+	+	-	-	+	-	-	+	+	-	+	-1

Ghi chú: Dấu (+): Vấn đề đã đạt tiêu chuẩn; Dấu (-): Vấn đề không đạt chuẩn; Tổng điểm: Tổng của (+) và (-); Quy đổi nhân hệ số (nếu cần).

Như vậy, có ba nội dung cần được ưu tiên để tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên là nội dung 2, nội dung 3 và nội dung 5.

Hoạt động 4: Thực hành các kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được một số các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong tập huấn, bồi dưỡng: kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi.
- Học viên sử dụng các kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi trong tập huấn, bồi dưỡng.

b) Cách thức tiến hành:

- Giới thiệu khái quát của việc sử dụng các kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi trong tập huấn, hội thảo.
- Hoạt động nhóm: Thực hành kỹ năng lắng nghe.

c) Thông tin cơ bản:

Kỹ năng thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực (tiếp) Kỹ năng Lắng nghe, Quan sát, Đặt câu hỏi Kỹ năng lắng nghe [5] Kỹ năng lắng nghe là gì? - Lắng nghe là nghe một cách tập trung và có mục đích để thu nhận thông điệp. - Lắng nghe là sẵn sàng đón nhận, hiểu thông điệp từ người khác và nghe được

những cảm xúc trong giao tiếp.

- Lắng nghe là một khả năng và cũng là một nghệ thuật để hiểu những gì mà người khác truyền đạt bằng lời hay bằng ngôn ngữ không lời.
- Lắng nghe là chú ý nghe kết hợp quan sát, là cấp độ cao hơn nghe, vì cần sự cố gắng và tham gia của trí tuệ.
- Lắng nghe sẽ hỗ trợ giao tiếp khi: Người nói ý thức được rằng có người đang nghe họ; Lắng nghe được xen giữa giao tiếp và truyền đạt.

Phát triển kỹ năng lắng nghe

- Tập trung: nhìn người nói, hướng về phía người nói, không làm việc khác.
- Kiên nhẫn: cho người nói thời gian và khoảng trống để nói những điều họ muốn nói, thậm chí cả những điều bạn không đồng ý; nếu người nói dài quá thì ghi chép ý chính.
- Đồng cảm, tin tưởng, tôn trọng người nói.

Kỹ năng quan sát [5]

- Quan sát là quá trình thu thập thông tin về các biểu hiện hành vi, thái độ, các vấn đề sự kiện diễn ra có liên quan tới đối tượng thông qua các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt hàng ngày của đối tượng.

- *Quan sát được tiến hành nhằm các mục đích khác nhau*

- + Để đánh giá kiến thức, thái độ, kỹ năng
- + Để phân tích một quá trình
- + Để thu thập thông tin
- + Để đạt mục tiêu học tập nhất định
- + Để cung cấp thông tin phản hồi về cách thức tiến hành một quá trình; từ đó có các biện pháp làm cho quá trình này trở nên hiệu quả hơn.
- + Để học hỏi từ những gì quan sát được (về phía người quan sát)

- *Phát triển kỹ năng quan sát*

- + Quan sát chung, bao quát không gian rộng / cả lớp, hoặc từng cá nhân, nhóm nhỏ.
- + Quan sát kết hợp với lắng nghe và suy ngẫm
- + Quan sát liên tục và từ nhiều góc độ, khía cạnh
- + Quan sát khách quan, không nên áp đặt, thoát khỏi tâm trạng riêng tư. Tránh định kiến, quan niệm, kinh nghiệm chủ quan của người quan sát.
- + Quan sát kết hợp xử lý thông tin (liên hệ, so sánh đối chiếu...)
- + Khi quan sát, tạo cơ hội cho học viên phản hồi
- + Thái độ qua sát: thân thiện, cởi mở, vui vẻ, ánh mắt trìu mến, khuyến khích
- + Vị trí quan sát phù hợp và di chuyển hợp lý

- *Tránh những sai lệch trong quan sát:* Trong quá trình quan sát, người quan sát thường áp đặt kinh nghiệm, trải nghiệm của mình làm cho các thông tin thu được không chính xác, mang tính chủ quan. Nhiều giáo viên quá tin vào kinh nghiệm của mình nên khi quan sát thường chỉ lấy được các thông tin phiến diện, chủ quan từ đó đánh giá sai lệch về trẻ.

Kỹ năng đặt câu hỏi [4]

- Đặt câu hỏi là quá trình trao đổi thông tin trong giao tiếp, làm tăng cường hiệu quả của quá trình giao tiếp.

- *Mục đích của câu hỏi*

- + Để hướng sự chú ý vào một điểm, một ý, một vấn đề hay một tình huống.
- + Đánh giá các quan điểm.

- + Phát hiện các lí do và sự việc.
- + Khám phá các nguồn thông tin - Kiểm soát các nguồn thông tin.
- + Kiểm soát việc thảo luận.
- + Tóm tắt hoặc chấm dứt một cuộc thảo luận.
- + Đạt được kết luận hoặc thoả thuận.
- + Thay đổi sự suy nghĩ của nhóm.
- + Kiểm soát hành vi của nhóm.
- + Gợi ý hành động, ý kiến hoặc hành động.

▪ **Câu hỏi và ví dụ sử dụng**

TT	Dạng câu hỏi	Ví dụ
1	Câu hỏi đóng: là loại câu hỏi có câu trả lời “có” hoặc “không”.	Trong lớp thầy/cô có học sinh khiếm thính sử dụng ngôn ngữ kí hiệu hay không?
2	Câu hỏi mở: là loại câu hỏi mà câu trả lời tùy thuộc tình hình thực tế, từ suy nghĩ và nhận thức của người được hỏi (cung cấp thông tin)	Thầy/cô đã áp dụng phương pháp dạy học môn Tiếng Việt nào cho học sinh khiếm thính?
3	Câu hỏi dẫn/ thăm dò: là loại câu hỏi mà câu trả lời đã được dẫn ra. Người trả lời được gợi ý và phải lựa chọn (khi đã có một số thông tin)	Trong các phương pháp dạy học: chia nhóm, trực quan, trò chơi thì thầy/cô thường hay áp dụng phương pháp nào nhất?
4	Câu hỏi tình huống: là loại câu hỏi về một tình huống cụ thể (tình huống có thể giả định)	Thầy/cô làm gì khi học sinh khiếm thính không hiểu bài?
5	Câu hỏi có câu trả lời tốt nhất: là loại câu hỏi mà câu trả lời thường được đưa ra và so sánh	Trong các môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên-Xã hội và Lịch sử thì môn học nào học sinh khiếm thính gặp khó khăn nhất? Vì sao
6	Câu hỏi trực tiếp: là loại câu đặt ra cho một người, câu hỏi này dùng để kiểm tra, tạo không khí thảo luận, đưa người “mơ mộng” vào đúng chủ đề	Theo thầy/cô thì môn học nào áp dụng phương pháp dạy học nào cho học sinh khiếm thính là khó nhất?
7	Câu hỏi gián tiếp: là loại câu hỏi có cùng câu trả lời như câu hỏi trực tiếp song đòi hỏi một câu trả lời tổng quát hơn và khó khăn hơn câu trả lời cho câu hỏi trực tiếp	Tại sao việc giải các bài toán có lời văn lại gây khó khăn cho học sinh khiếm thính?
7	Câu hỏi tổng thể: là loại câu hỏi đặt chung cho cả nhóm. Ai cũng có thể trả lời.	Chúng ta có thể áp dụng hoạt động thực hành, trải nghiệm vào dạy học môn Toán cho học sinh khiếm thính như thế nào?

Tóm lại, điều quan trọng là phải biết sử dụng **linh hoạt** các dạng câu hỏi, **đúng tình huống** và có **mục đích** rõ ràng.

Hoạt động 5: Thực hành kỹ năng giải quyết vấn đề

a) *Yêu cầu cần đạt:*

- Học viên hiểu được khái niệm kỹ năng giải quyết vấn đề, các cách giải quyết vấn đề.
- Học viên sử dụng được các kỹ năng giải quyết vấn đề (cây vấn đề, sơ đồ hình xương cá, sơ đồ vòng tròn/chùm, phân tích thông tin, mối quan hệ, tiến trình) trong tập huấn, bồi dưỡng.

b) *Cách thức tiến hành:*

- Giới thiệu khái quát của việc sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề trong tập huấn, hội thảo.
- Hoạt động nhóm - Thực hành các kỹ năng giải quyết vấn đề.

c) *Thông tin cơ bản:*

Kỹ năng thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực (tiếp)

Kỹ năng giải quyết vấn đề

- **Khái niệm:** Giải quyết vấn đề trong tập huấn, bồi dưỡng là một kỹ năng cơ bản của tập huấn viên nhằm hướng dẫn một cách có hiệu quả nhất nội dung của khóa tập huấn, bồi dưỡng, đồng thời các vấn đề nảy sinh khác trong quá trình tập huấn, bồi dưỡng. [2]

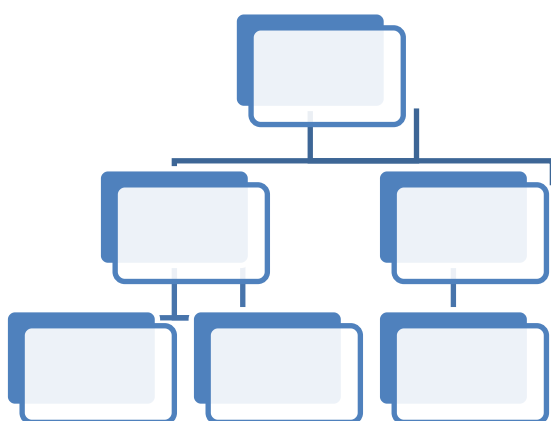
- *Tiến trình giải quyết vấn đề bao gồm:*

- + Xác định vấn đề.
- + Đưa ra các nguyên nhân.
- + Đưa ra các giải pháp/ biện pháp/ cách giải quyết vấn đề.
- + Lựa chọn cách giải quyết.
- + Thực hiện: Lựa chọn người, phương pháp, phương tiện, thời gian, địa điểm...

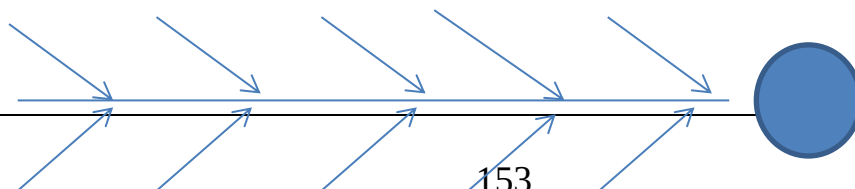
Các cách phân tích, sắp xếp thông tin trong giải quyết vấn đề

- *Sử dụng các cặp đối xứng (so sánh):* Tích cực - tiêu cực ; Cơ hội - rủi ro/thách thức ; Lợi ích - bất lợi ; Vấn đề - giải pháp ; Nguyên nhân - Kết quả...

- *Sơ đồ cây vấn đề*

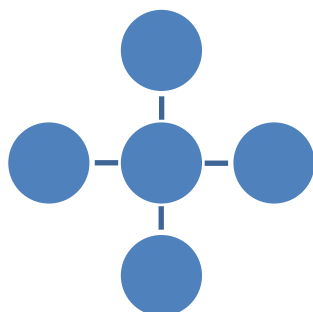


- *Sử dụng sơ đồ hình xương cá*

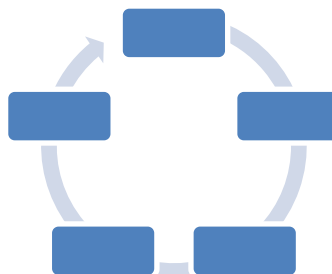


Sơ đồ hình xương cá được sử dụng để phân tích nguyên nhân, kết quả. Kết quả được viết ở phần đầu con cá, còn nguyên nhân thể hiện ở phần xương cá.

- Sơ đồ vòng tròn/chùm



- Sơ đồ vòng tròn/chu trình



- Sơ đồ mối quan hệ



- Sơ đồ liệt kê



- Sơ đồ tiến trình



Hoạt động 6: *Kỹ năng cùng tham gia và giải quyết các tình huống khó khăn trong tập huấn, bồi dưỡng*

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được các tình huống khó khăn trong tập huấn, bồi dưỡng có thể xảy ra và các kỹ năng giải quyết những tình huống này.
- Học viên hiểu được thế nào là cùng tham gia và kỹ năng cùng tham gia trong một khóa tập huấn, bồi dưỡng.
- Học viên sử dụng được các kỹ năng giải quyết tình huống khó khăn và kỹ năng cùng tham gia trong một khóa tập huấn, bồi dưỡng.

b) Cách thức tiến hành:

- Hướng dẫn, trao đổi toàn lớp về thế nào là cùng tham gia và kỹ năng cùng tham gia trong một khóa tập huấn, bồi dưỡng; các tình huống khó khăn trong tập huấn, bồi dưỡng có thể xảy ra và các kỹ năng giải quyết những tình huống.
- Hoạt động nhóm: Thực hành kỹ năng cùng tham gia trong khóa tập huấn, bồi dưỡng; kỹ năng giải quyết những tình huống khó khăn có thể xảy ra trong khóa tập huấn, bồi dưỡng.

c) Thông tin cơ bản:

Kỹ năng thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực (tiếp)

Kỹ năng cùng tham gia và

Kỹ năng giải quyết các tình huống khó khăn trong tập huấn, bồi dưỡng

Kỹ năng cùng tham gia

- Cùng tham gia của người học là việc người học được tiếp cận thông tin, được bày tỏ ý kiến, được lắng nghe, được trao đổi, thảo luận, được tôn trọng, được bàn bạc và ra quyết định... về các vấn đề có liên quan đến nội dung của khóa tập huấn, bồi dưỡng, trên cơ sở đó tạo nên sự thay đổi cần thiết đảm bảo người học được bình đẳng, có cơ hội tiếp cận và lĩnh hội kiến thức, kỹ năng của khóa học một cách phù hợp nhất đối với nhu cầu nội dung tập huấn của học.

Ví dụ về hình ảnh của cùng tham gia:



- Một số kỹ năng tập huấn, bồi dưỡng đảm bảo sự tham gia của người học [2,3]

+ Kỹ năng động não: (như đã giới thiệu).

+ Kỹ thuật "Ồ bi": là một kỹ thuật dùng trong thảo luận nhóm, trong đó người học

chia thành hai nhóm ngồi theo hai vòng tròn đồng tâm như hai vòng của một ổ bi và đối diện nhau để tạo điều kiện cho mỗi học viên có thể nói chuyện với lần lượt các học viên ở nhóm khác. Cách thực hiện: Khi thảo luận, mỗi học viên ở vòng trong sẽ trao đổi với người học đối diện ở vòng ngoài, đây là dạng đặc biệt của phương pháp luyện tập đối tác. Sau một ít phút thì người học ở vòng ngoài ngồi yên, người học vòng trong chuyển chỗ theo chiều kim đồng hồ, tương tự như vòng bi quay, để luôn hình thành các nhóm đối tác mới.

- + Kỹ thuật "Bể cá": là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm người học ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những người khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những người học thảo luận.
- + Kỹ thuật "Tia chớp": là một kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (nhanh như chớp!) ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề.
- + Kỹ thuật "XYZ" là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, Z là phút dành cho mỗi người. Ví dụ: Mỗi nhóm 6 người, mỗi người viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết một vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh. Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác. Con số X-Y-Z có thể thay đổi. Sau khi thu thập ý kiến thì tiến hành thảo luận, đánh giá các ý kiến.

Kỹ năng giải quyết các tình huống khó khăn trong tập huấn, bồi dưỡng [5]

- *Tình trạng im lặng kéo dài*: Giảng viên hãy hỏi học viên tại sao họ cứ im lặng mãi như vậy, có thể họ có lí do chính đáng: Có thể các tài liệu của bạn họ đã từng được làm quen từ trước, có thể họ không hiểu bạn đang nói gì, cũng có thể bạn cần thay đổi phương pháp truyền đạt.
- *Mọi việc diễn ra quá nhanh*
 - + Đôi khi cả nhóm trở nên nhiệt tình rất nhanh. Điều đó thật ra là rất tốt nếu bạn đã chuẩn bị sẵn sàng cho tình huống đó.
 - + Bạn có thể hỏi để họ giải thích thêm, yêu cầu người khác cho ý kiến hoặc chỉ đơn giản đưa ra những câu hỏi khó hơn cho cá nhân và cho cả nhóm.
- *Mọi việc diễn ra quá chậm*: Đó có thể là do nhóm không thấy hứng thú khi thảo luận. Ngoài ra còn nhiều lí do, nhưng Giảng viên có thể dùng giải pháp sau:
 - + Giảng viên có thể cố tình đưa ra một thông tin sai có thể dẫn tới nhiều ý kiến khác nhau của nhóm, còn nếu không thì phải “đánh thức” họ dậy.
 - + Giảng viên cần cho họ một lí do để lắng nghe rồi tham gia.
- *Một người nói quá nhiều hoặc luôn im lặng*
 - + Giảng viên có thể cắt ngang lời người nói và tóm tắt những gì họ đã nói rồi sau đó chuyển tiếp sang phần khác.
 - + Giảng viên có thể nói chuyện với người này trong giờ nghỉ, cảm ơn những ý kiến đóng góp của họ nhưng đề nghị họ giữ yên lặng một chút để dành phần cho những

người khác có thể tham gia hoặc yêu cầu người luôn im lặng tham gia vào một câu hỏi tương đối dễ và được chỉ định từ trước.

- *Cuộc thảo luận đi lạc đề*: Đôi khi một cuộc thảo luận bắt đầu thì đúng hướng nhưng sau đó lại đi sai hướng. Khi đó giảng viên phải lái vào đúng chủ đề bằng cách hỏi xem điều đó có liên quan gì đến chủ đề không? Và giảng viên nói là chúng ta chỉ có đủ thời gian để tập trung vào những nội dung đã đề ra mà thôi.

- *Những vấn đề vượt quá khả năng, quyền hạn*: Đôi khi việc thảo luận vượt quá khả năng, quyền hạn giải quyết, ví dụ như các chính sách, quy định của nhà nước. Nếu quá đi sâu vào những vấn đề đó sẽ tốn nhiều thời gian, đôi khi không giải quyết được. Giảng viên cần nói với mọi người hãy dừng vấn đề này lại, khi khác ta bàn và chuyển trọng tâm cuộc thảo luận sang những vấn đề thực tế hơn.

- *Nói chuyện riêng*: Nếu giảng viên thấy có người nói chuyện riêng thì đề nghị người này phát biểu to lên để mọi người có thể nghe thấy ý kiến của họ. Bạn sẽ thấy cách đó có thể chấm dứt việc nói chuyện riêng một cách lịch sự mà không làm họ ngượng.

- *Những câu trả lời sai*: Đừng làm bất kì người nào lúng túng bằng cách nói họ sai. Giảng viên có thể nói rằng điều đó là theo quan điểm của họ và đó cũng là một cách nhìn nhận vấn đề. Giảng viên cũng có thể tóm tắt, sử dụng những thông tin đúng của họ và hỏi những người khác xem họ có đồng ý với ý kiến đó không

3. Kỹ năng kiểm tra đánh giá và hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Hoạt động 7: Thiết kế câu hỏi đánh giá, thực hiện đánh giá và viết báo cáo tập huấn, bồi dưỡng

a) Yêu cầu cần đạt:

- Học viên hiểu được việc thiết kế câu hỏi đánh giá, thực hiện đánh giá và viết báo cáo tập huấn, bồi dưỡng.
- Học viên sử dụng được phiếu đánh giá để thu thập thông tin, xử lý và phân tích thông tin.
- Học viên sử dụng được mẫu viết báo cáo để viết báo cáo cho một khóa tập huấn, bồi dưỡng cho một nhóm đối tượng cụ thể (giáo viên, cha mẹ học sinh khiếm thính, nhân viên hỗ trợ, người lớn điếc) trong dạy học sinh khiếm thính thông qua ngôn ngữ kí hiệu ở tiểu học.

b) Cách thức tiến hành:

- Hướng dẫn, trao đổi toàn lớp về việc thiết kế câu hỏi đánh giá, thực hiện đánh giá và viết báo cáo tập huấn, bồi dưỡng.
- Hoạt động nhóm - Thực hành thiết kế câu hỏi đánh giá, thực hiện đánh giá.

c) Thông tin cơ bản

Kỹ năng kiểm tra đánh giá

Thiết kế câu hỏi đánh giá

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG

Tên khóa tập huấn:.....

Thời gian:..... ngày, từ/...../.....đến/...../20.....

Địa điểm:

Giảng viên:

1) Họ và tên giảng viên 1:..... Cơ quan công tác:.....

2) Họ và tên giảng viên 2:..... Cơ quan công tác:.....

1. Mục tiêu:

1. Mục tiêu đáp ứng nhu cầu của học viên

☐Phù hợp

☐Tương đối phù hợp

☐Không phù hợp

Lý do:.....

2. Đánh giá về việc thực hiện mục tiêu của khoá tập huấn, bồi dưỡng:

☐Đạt được mục tiêu

☐Tốt hơn mục tiêu đề ra

☐Đạt được một phần

3. Nội dung:

1. Liệt kê những nội dung tâm đắc nhất

Lý do

.....

.....

.....

.....

2. Những lĩnh vực kiến thức nào có thể áp dụng được vào trong công việc sắp tới của bản thân?

Lĩnh vực kiến thức

Lý do

.....

.....

.....

.....

3. Những lĩnh vực kiến thức nào bạn cần có nhu cầu biết thêm

Lĩnh vực kiến thức

Lý do

.....

.....

.....

.....

4. Phương pháp:

1. Phương pháp tập huấn

☐Tích cực

☐Chưa được tích cực nhiều

☐Không tích cực

Lý do:.....

.....

2. Cơ hội học viên được tham gia góp ý kiến

☐Tham gia nhiều

☐Tham gia một phần

☐Không được tham gia

Lý do:.....
.....

5. Tài liệu, phương tiện thiết bị phục vụ cho tập huấn:

☐Phù hợp ☐Tương đối phù hợp ☐Không phù hợp

Lý do:.....
.....

6. Tổ chức khóa tập huấn:

1. Thời gian tập huấn

☐Quá dài ☐Phù hợp ☐Quá ngắn (cần thêm thời gian)

Lý do:.....
.....

2. Tổ chức lớp tập huấn

☐Rất hài lòng ☐Hài lòng ☐Tương đối hài lòng ☐Không hài lòng

Lý do:.....
.....

7. Những khuyến nghị để các khóa tập huấn sau được tốt hơn:

.....
.....

Xin cảm ơn!

Tiến hành đánh giá

- Thu thập thông tin: Bao gồm:

- + Thông tin định lượng: thông thường được thực hiện bằng cách phát phiếu đánh giá (như trên) để cá nhân học viên điền thông tin theo cách đánh giá riêng của từng cá nhân. Thông tin định lượng được thống kê vào các bảng số liệu, có thể sử dụng thống kê toán học theo số lượng, tỷ lệ %, điểm trung bình, xếp thứ bậc...
- + Thông tin định tính: qua trao đổi sau mỗi nội dung tập huấn, phát biểu của học viên khi kết thúc tập huấn, ý kiến về sự hài lòng hay chưa hài lòng về các nội dung và hoạt động của khóa tập huấn, bồi dưỡng...
- + Thu thập thêm thông tin nếu cần bổ sung hoặc làm sáng tỏ thêm số liệu đã thu thập được qua phiếu đánh giá.

- Xử lý và phân tích thông tin

- + Đối với các bảng thống kê số liệu định lượng: Phân tích theo đúng thực trạng số liệu đã thu thập được về các nội dung học viên đã tự đánh giá đối với khóa tập huấn, bồi dưỡng (số lượng, tỷ lệ %, điểm trung bình, xếp thứ bậc...).
- + Phân tích dữ liệu từ thông tin định tính: sử dụng kết hợp, phù hợp với nội dung số liệu định lượng.

- + Sử dụng hình ảnh để minh chứng cho các nhận định, đánh giá về các nội dung và hoạt động của khóa tập huấn, bồi dưỡng.
 - + Tổng kết thông tin và đưa ra bình luận (theo lĩnh vực và tiêu chí, cần đối chiếu so sánh giữa thông tin ở bảng hỏi và thông tin thu thập được từ kết quả thảo luận nhóm, phỏng vấn cá nhân, dự giờ, hộp thư góp ý để đưa ra kết luận cuối cùng).
- *Viết báo cáo khóa tập huấn, bồi dưỡng*

MẪU VIẾT BÁO CÁO TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG

Phần 1: Thông tin cơ bản về khóa tập huấn, bồi dưỡng

Các thông tin cơ bản được trình bày theo bản kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng, bao gồm: Tên khóa tập huấn, bồi dưỡng; Những thông tin chung; Mục tiêu; Nội dung tập huấn, bồi dưỡng; Người thực hiện; Thành phần tham dự tập huấn, bồi dưỡng; Kế hoạch thực hiện; Thời gian và địa điểm tổ chức.

Phần 2: Đánh giá và phân tích

Thực hiện với các nội dung đã đề cập (như trong Mẫu phiếu đánh giá trên) và thực hiện theo bước *Tiến hành đánh giá ở nội dung Thu thập thông tin và Xử lý và phân tích thông tin trên*.

Phần 3: Kết luận và khuyến nghị

Phần kết luận cần làm rõ các vấn đề đã đạt được và nguyên nhân kết quả này, đồng thời nhấn mạnh những điểm còn hạn chế cần khắc phục và nguyên nhân của những hạn chế này.

Phần khuyến nghị cần tập trung vào việc đưa ra các biện pháp để cho khóa tập huấn, bồi dưỡng tiếp theo đạt kết quả và hiệu quả cao hơn. Đồng thời, phần này cũng cần đưa ra các hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng (chẳng hạn như cho các nhóm đối tượng: giáo viên, cha mẹ, nhân viên, người lớn điếc)

Phần 4: Phụ lục

Phần này cần đưa ra: 1) Danh sách những người tham gia tập huấn, bồi dưỡng và 2) Phiếu đánh giá khóa tập huấn, bồi dưỡng.

Hoạt động 8: Xác định và thực hiện hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng

a) Yêu cầu cần đạt:

- Xác định được nhu cầu hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng (cho các nhóm đối tượng: giáo viên, cha mẹ, nhân viên, người lớn điếc).
- Thực hiện các biện pháp và hình thức hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng (cho các nhóm đối tượng: giáo viên, cha mẹ, nhân viên, người lớn điếc).

b) Cách thức tiến hành:

- Hướng dẫn, trao đổi toàn lớp về việc xác định nhu cầu hỗ trợ và thực hiện hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng.
- Hoạt động nhóm - Thực hành thiết kế câu hỏi phỏng vấn thực hiện đánh giá nhu cầu hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng; Thực hành hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng.

c) Thông tin cơ bản:

Kĩ năng hỗ trợ sau tập huấn [4]

Xác định các hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng

- *Mục tiêu:* Đảm bảo 100% những người tham dự tập huấn, bồi dưỡng áp dụng các kiến thức và kĩ năng đã được học vào thực tế công việc của họ theo vị trí công tác hiện tại.
- *Thời gian:* Thông thường được tiến hành trong tối đa là 02 tháng kể từ khi được tập huấn, bồi dưỡng.
- *Cách xác định các hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng:*
 - + Thông tin thu được qua báo cáo của các cơ sở cử người tham dự tập huấn, bồi dưỡng sau khoảng thời gian áp dụng vào trong thực tiễn công tác của người học.
 - + Thông tin từ mạng lưới đội ngũ cốt cán chuyên môn của các đơn vị (trường, phòng/sở giáo dục và đào tạo).
 - + Trực tiếp thực hiện các đợt giám sát hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng: thăm lớp dự giờ, quan sát các hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục của giáo viên và học tập của học sinh nhà trường, báo cáo kết quả thực hiện của giáo viên nhà trường sau tập huấn, bồi dưỡng,...
 - + Các cuộc họp nhóm nhỏ với giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh...
- *Việc xác định các hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng cần lưu ý các vấn đề sau:*
 - + Những kiến thức, kỹ năng cung cấp trong khóa tập huấn, bồi dưỡng nào thực sự có ích và phát huy hiệu quả dạy học và giáo dục của giáo viên và nhà trường?
 - + Những kiến thức, kỹ năng nào đã cung cấp trong khóa tập huấn, bồi dưỡng chưa thực sự phù hợp, hiệu quả thấp khi áp dụng vào trong thực tiễn dạy học và giáo dục của giáo viên và nhà trường?
 - + Có xuất hiện khoảng cách giữa nhu cầu của người học và nhu cầu thực tiễn dạy học và giáo dục của giáo viên và nhà trường không?
 - + Thực sự khóa tập huấn, bồi dưỡng cần tập trung cung cấp kiến thức, kỹ năng cụ thể nào cho người học để đảm bảo phù hợp và hiệu quả trong thực tiễn dạy học và giáo dục của giáo viên và nhà trường?
 - + Ban giám hiệu và các cơ quan quản lý giáo dục có quan tâm đến việc triển khai những nội dung của khóa tập huấn, bồi dưỡng trong đơn vị không?
 - + Nguyên nhân của các vấn đề trên là gì nếu xuất hiện (kể cả nguyên nhân đối với sự phù hợp, hiệu quả và nguyên nhân của những vấn đề chưa thực sự phù hợp, thiếu hiệu quả)?

Thực hiện hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng

- Thực hiện hỗ trợ cho các nhóm đối tượng: giáo viên, cha mẹ, nhân viên, người lớn khác được thực hiện trên cơ sở đã xác định được nhu cầu hỗ trợ của các nhóm đối tượng này (như ở trên).
- Nguồn nhân lực hỗ trợ

- + Một cách lí tưởng, nhân lực đầu tiên chính là những tập huấn viên cho quá trình hỗ trợ sau tập huấn.
- + Đồng thời, có thể sử dụng nhân lực chính là các giáo viên, nhân viên hỗ trợ, cha mẹ học sinh khiếm thính và người lớn điếc đã được tập huấn, bồi dưỡng và họ có kết quả tốt sau tập huấn, bồi dưỡng như là các thành viên cốt cán để thực hiện những sự hỗ trợ.
- Các biện pháp và hình thức hỗ trợ có thể bao gồm:
 - + Cung cấp thêm tài liệu hướng dẫn bao gồm các tài liệu hướng dẫn viết, các đoạn videoclips, hình ảnh minh họa (kết hợp cả ngôn ngữ kí hiệu và chữ viết), kí hiệu ngôn ngữ (đã có và mở rộng) ...
 - + Hướng dẫn trực tiếp bằng hình thức “cầm tay chỉ việc” trực tiếp tại lớp học, gia đình, nhà trường, cộng đồng để hình thành được các kỹ năng cho từng nhóm đối tượng với học sinh khiếm thính cụ thể.
 - + Hỗ trợ thông qua các cuộc sinh hoạt chuyên môn đối với giáo viên, nhân viên hỗ trợ; các cuộc họp nhóm nhỏ đối với cha mẹ học sinh khiếm thính và người lớn điếc; hoặc các cuộc họp nhóm nhỏ với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trên.
 - + Giao lưu giữa các nhà trường, nhân viên hỗ trợ, cha mẹ học sinh khiếm thính và người lớn điếc về việc áp dụng các kiến thức, kỹ năng được cung cấp sau khóa tập huấn, bồi dưỡng tại địa phương

III. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi

- 1) Phân tích các nội dung cơ bản của một bản kế hoạch tập huấn nguồn nhân lực cho các cơ sở giáo dục học sinh khiếm thính tại địa phương.
- 2) Phân tích mục đích, cách thức tiến hành của các kỹ năng tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các cơ sở giáo dục học sinh khiếm thính tại địa phương.
- 3) Đánh giá vai trò, ý nghĩa của việc kiểm tra đánh giá và hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực sau các khóa tập huấn, bồi dưỡng.

2. Bài tập thực hành

- 1) Phân tích nhu cầu, xác định nội dung tập huấn, bồi dưỡng dựa trên nhu cầu về dạy học và hỗ trợ cho học sinh khiếm thính (tại cơ sở giáo dục cho giáo viên; tại địa phương cho đối tượng là cha mẹ, hoặc nhân viên hỗ trợ, hoặc người lớn điếc).
- 2) Lập một kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cho một đối tượng về dạy học và hỗ trợ cho học sinh khiếm thính (tại cơ sở giáo dục cho giáo viên; tại địa phương cho đối tượng là cha mẹ, hoặc nhân viên hỗ trợ, hoặc người lớn điếc).
- 3) Lựa chọn các kỹ năng tập huấn, bồi dưỡng để sử dụng trong khóa tập huấn cho đối tượng đã xác định ở trên và lí giải tại sao lại sử dụng các kĩ năng này.
- 4) Thiết kế câu hỏi đánh giá nội dung tập huấn, bồi dưỡng cho một đối tượng về dạy học và hỗ trợ học sinh khiếm thính thông qua sử dụng ngôn ngữ kí hiệu tại địa phương (đối tượng có thể là giáo viên; cha mẹ; nhân viên hỗ trợ; người lớn điếc và sử dụng các nội dung của tài liệu tập huấn dành cho các nhóm đối tượng tập huấn đã nêu).

5) Lập một kế hoạch hỗ trợ sau tập huấn, bồi dưỡng cho một đối tượng về dạy học và hỗ trợ tại cơ sở giáo dục và tại địa phương (đối tượng có thể là giáo viên; cha mẹ; nhân viên hỗ trợ; người lớn điếc).

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Hải (2009), *Quản lý trường lớp trẻ có nhu cầu đặc biệt*, Giáo trình cao đẳng, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Jay Wisecarver (2005), *Dạy học theo kỹ thuật cùng tham gia*, Tài liệu và ý tưởng hỗ trợ đào tạo dạy học viên, Tổ chức Cứu trợ trẻ em của Thụy Điển (Save the Children Sweden), Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Lâm (2002), *Sinh hoạt trò chơi khi dạy và học*, Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh.
4. Tổ chức CBM (CHLB Đức) (2018), *Kỹ năng hỗ trợ giáo dục hòa nhập (dành cho giáo viên cốt cán)*, Hà Nội.
5. Trung tâm Nâng cao năng lực cộng đồng (CECEM) (2005), *Dạy học có sự tham gia*, Hà Nội.